|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **C:\Users\Lan\Desktop\OXFAM\TT FORLAND\logo forland 1 (Hue CM).gif** |  |

**BÁO CÁO TỔNG HỢP**

**KẾT QUẢ THAM VẤN LUẬT BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG 2004 LIÊN QUAN ĐẾN HỘ GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG**

****

**Huế, tháng 12 năm 2014**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **http://ejfoundation.org/sites/default/files/public/styles/large/public/climate/PanNature%20English%20Logo_0.gif?itok=VVXY6bI9** | **http://www.corenarm.org.vn/shareupload/logo%20transparent.png** | **C:\Users\User\Desktop\DHTN.png** | logo CIRD |  |

**PHẦN I**

**GIỚI THIỆU CHUNG**

## I. Lý do nghiên cứu

Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng (BV&PTR) 2004 được Quốc hội khóa XI thông qua vào ngày 03/ 12/ 2004 tại kỳ họp lần thứ VI. Luật có 8 chương 88 điều qui định về quản lý bảo vệ và phát triển rừng, trong đó có 25 điều đề cập trực tiếp đến các đối tượng là hộ gia đình và cộng đồng dân cư thôn.

Cho đến nay, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã ban hành khoảng gần 100 văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) hướng dẫn thi hành Luật BV&PTR 2004. Bên cạnh đó, giữa Luật BV&PTR 2004 với các Luật khác đã được Nhà nước điều chỉnh hoặc ban hành mới như Luật Dân sự, Luật Đất đất đai, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học… luôn tồn tại các mối quan hệ tương hỗ trong cùng một hệ thống pháp luật nên luôn luôn có tác động qua lại khi Luật được áp dụng trong thực tế.

Qua gần 10 năm được thực thi, Luật BV&PTR 2004 đã từng bước đi vào cuộc sống của người dân. Tuy nhiên, trong quá trình vận dụng vào thực tế, một số quy định của Luật đã không còn thích hợp hoặc không đáp ứng được yêu cầu đổi mới của đất nước cần phải điều chỉnh. Mặt khác, xu hướng hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của quốc gia cùng với vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu đã tạo ra những thách thức và cơ hội mới cho ngành lâm nghiệp cũng đòi hỏi Luật phải được bổ sung những quy định mới cho phù hợp với bối cảnh hiện nay của đất nước.

Cộng đồng và hộ gia đình sống ở vùng nông thôn, miền núi là hai trong những đối tượng được hưởng lợi nhưng đồng thời cũng chịu tác động trực tiếp bởi Luật BV&PTR 2004 và các chính sách liên quan. Do vậy, với mục tiêu là góp phần làm cho người dân miền núi, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) được tiếp cận công bằng, quản lý sử dụng hiệu quả và hưởng lợi bền vững từ rừng và đất rừng để ổn định phát triển sinh kế kết hợp với quản lý tài nguyên bền vững, Mạng lưới Đất rừng (FORLAND) thực hiện nghiên cứu này nhằm cung cấp thông tin và tăng cường tiếng nói của người dân trong việc đánh giá quá trình 10 năm thực hiện Luật BV&PTR 2004, làm cơ sở cho các nhà hoạch định chính sách các cấp có thể tham khảo để điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Luật trong thời gian sắp đến.

**II. Mục tiêu nghiên cứu**

**2.1. Mục tiêu chung**

### Cung cấp thông tin cho việc điều chỉnh và bổ sung Luật BV&PTR 2004 về những vấn đề liên quan đến cộng đồng và hộ gia đình nhằm cải thiện sinh kế người dân sống phụ thuộc vào tài nguyên đất, rừng đồng thời góp phần vào việc quản lý bảo vệ và phát triển rừng ngày càng tốt hơn.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

* Đánh giá việc thực hiện Luật BV&PTR 2004 có các nội dung liên quan đến cộng đồng và hộ gia đình. Phát hiện những tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện Luật trong thực tiễn.
* Khuyến nghị các giải pháp sửa đổi, bổ sung Luật BV&PTR 2004 về những nội dung liên quan đến cộng đồng và hộ gia đình.

**III. Thời gian và địa điểm nghiên cứu**

**3.1. Thời gian**

Nghiên cứu được thực hiện trong 8 tháng, từ tháng 3 đến tháng 11 năm 2014.

**3.2. Địa điểm**

|  |  |
| --- | --- |
| **C:\Users\Lan\Desktop\DDBL-87581-vietnammap.jpg**  Hình 1. Địa điểm tham vấn | Tham vấn tại thực địa được thực hiện trên địa bàn 8 xã thuộc 6 huyện ở ba tỉnh đại diện cho ba vùng miền khác nhau. Cụ thể:  Vùng Tây Nguyên: Xã Ea Sol của huyện Ea H’leo và xã Yang Mao của huyện Krông Bông, tỉnh Đăk Lăk. Đối tượng cộng đồng và hộ gia đình được tham vấn ở đây là đồng bào DTTS Gia Rai và M’Nông.  Vùng Bắc miền Trung: Xã Hương Lộc, xã Hương Sơn của huyện Nam Đông và xã Hồng Thượng, xã Sơn Thủy của huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đối tượng cộng đồng và hộ gia đình được tham vấn ở đây là đồng bào DTTS Cơ tu, Tà ôi, Pa kô và người Kinh. |

Vùng Tây Bắc: Xã Tân Pheo của huyện Đà Bắc và xã Quyết Chiến của huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Đối tượng cộng đồng và hộ gia đình được tham vấn ở đây là đồng bào DTTS người Tày và Mường.

Bảng 1: Số lượng điểm tham vấn và thành phần dân tộc ở 3 tỉnh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Đăk Lăk | TT Huế | Hòa Bình | Tổng cộng |
| 1. Số thôn | 4 | 14 | 4 | 22 |
| 2. Số xã | 2 | 4 | 2 | 8 |
| 3. Số huyện | 2 | 2 | 2 | 6 |
| 4. Thành phần dân tộc | M’Nông, J’Rai | Cơ tu, Paco, Kinh, | Tày, Mường |  |

*Nguồn: Điều tra năm 2014*

**IV. Phương pháp nghiên cứu**

### Nghiên cứu này tập trung đánh giá việc thực hiện Luật BV&PTR 2004 liên quan đến cộng đồng và hộ gia đình ở 2 nội dung là GĐGR cho hộ gia đình và giao rừng tự nhiên cộng đồng.

Phương pháp nghiên cứu chú trọng vào việc thu thập thông tin thông qua tham vấn cộng đồng, tìm ra những câu chuyện cụ thể từ thực tế làm bằng chứng để đưa ra các khuyến nghị. Các kết quả tham vấn được nêu ra trong báo cáo dựa trên phân tích định tính, tập trung vào những bằng chứng cụ thể và điển hình, không mang tính thống kê và định lượng.

**4.1. Phương pháp tiếp cận**

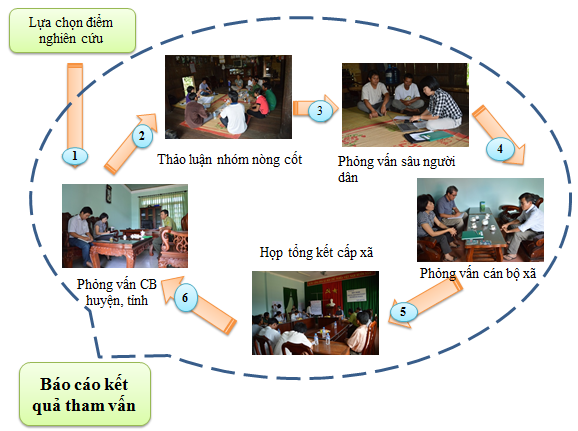
Phương pháp tiếp cận chính của nghiên cứu này là tham vấn ý kiến của người dân, chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước các cấp và chuyên gia về việc thực hiện Luật BV&PTR 2004 liên quan đến hộ gia đình và cộng đồng thông qua tham vấn.

Với cách tiếp cận này, FORLAND đã tổ chức 4 đợt thảo luận nhóm với các cộng đồng ở 4 tỉnh miền Trung là Quảng Nam, Thừa Thiên Huế, Quảng Bình và Hà Tĩnh là những vùng dự án của FORLAND để xác định các vấn đề cần nghiên cứu trong việc thực hiện Luật BV&PTR 2004 liên quan đến hộ gia đình và cộng đồng. Sau đó, 01 hội thảo tham vấn cấp quốc gia được Mạng lưới tổ chức ở Huế (26/4/2014) đã chọn được các vấn đề liên quan đến hộ gia đình và cộng đồng trong Luật cần được ưu tiên tham vấn, đó là: i) qui hoạch rừng, ii) địa vị pháp lý của cộng đồng dân cư thôn trong BV&PTR, iii) sử dụng rừng, iv) quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình và cộng đồng trong BV&PTR, và v) xử lý vi phạm trong BV&PTR. Từ hội thảo này, địa điểm nghiên cứu cũng được xác định là 3 tỉnh Đăk Lăk, Thừa Thiên Huế và Hòa Bình đại diện cho 3 vùng là Tây Bắc, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên như đã phân tích ở trên.

Sau khi đã xác định được các vấn đề ưu tiên cần nghiên cứu, FORLAND đã thực hiện 3 đợt tham vấn cộng đồng liên tiếp ở 3 tỉnh để thu thập các bằng chứng và các câu chuyện về việc thực hiện Luật BV&PTR 2004 gắn với nội dung là GĐGR và giao rừng cộng đồng và gắn với đối tượng là hộ gia đình và cộng đồng. Từ đó, Mạng lưới xây dựng báo cáo tham vấn và khuyến nghị chính sách.

**4.2. Tiến trình tham vấn**

Khi bắt đầu nghiên cứu, FORLAND đã tiến hành thu thập các tài liệu thứ cấp nhằm phục vụ cho việc tìm hiểu các địa bàn nghiên cứu cũng như phân tích nội dung và việc thực hiện Luật BV&PTR 2004 có liên quan đến hộ gia đình và cộng đồng ở các vùng nghiên cứu.



Sơ đồ 1. Tiến trình tham vấn Luật BV&PTR 2004 ở mỗi tỉnh

Tiến trình tham vấn về thực hiện Luật BV&PTR 2004 tại thực địa được thực hiện như nhau ở cả ba tỉnh như ở sơ đồ trên, bao gồm:

* Thảo luận nhóm ở cấp thôn với 200 người dân là đại diện các cộng đồng và hộ gia đình có tham gia vào các hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng.
* Phỏng vấn sâu 150 người dân là đại diện các hộ gia đình có những câu chuyện điển hình về những khó khăn gặp phải khi thực hiện các hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng.
* Phỏng vấn sâu 75 cán bộ cấp thôn xã là trưởng thôn, bí thư thôn; chủ tịch, phó chủ tịch UBND xã, cán bộ địa chính, cán bộ hội đồng nhân dân, mặt trận tổ quốc, hội phụ nữ xã; và kiểm lâm địa bàn.
* Phỏng vấn sâu 40 cán bộ các cơ quan cấp huyện gồm đại diện UBND huyện, đại diện Phòng NN&PTNT, đại diện Phòng TNMT, và đại diện Hạt kiểm lâm.
* Phỏng vấn sâu 30 cán bộ các cơ quan cấp tỉnh gồm đại diện Sở NN&PTNT, địa diện Sở TNMT, đại diện Chi cục kiểm lâm và Chi Cục lâm nghiệp.
* Tổ chức 6 hội thảo cấp xã với 240 người tham gia để khẳng định lại các vấn đề đã thu thập được tại các xã.
* Tổ chức 3 hội thảo cấp tỉnh với sự tham gia của 55 người mỗi cuộc để nhận phản hồi và góp ý cho các kết quả tham vấn tại các tỉnh.

**PHẦN II**

**THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LÂM NGHIỆP TẠI ĐỊA BÀN THAM VẤN**

**I. Tỉnh Đak Lak**

Tỉnh Đăk Lăk thuộc vùng Tây Nguyên, có tổng diện tích tự nhiên là 1.312.500 ha. Dân số năm 2012 toàn tỉnh là 1.796.700 người, bao gồm các dân tộc chính là Kinh, Ê đê, M’Nông, J’Rai, Nùng, Tày, Thái, Mường. Theo số liệu của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đăk Lăk đến tháng 5. 2013, diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh là 721.180 ha, trong đó đất có rừng là 641.181 ha (gồm rừng tự nhiên là 560.895 ha và rừng trồng là 80.286 ha) và đất không có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp là 79.999 ha. Độ che phủ của rừng đạt 48.2%.

Cũng theo Chi cục Kiểm lâm tỉnh, từ 1999 - 2010, tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp tỉnh đã giao cho các hộ gia đình, nhóm hộ và cộng đồng dân cư là 36.055 ha, trong đó diện tích đất có rừng 26.983 ha và diện tích đất không có rừng 8.328 ha. Số lượng hộ gia đình được giao rừng trong toàn tỉnh là 5.026 hộ trong 33 cộng đồng và 90 nhóm hộ.

**1.1. Huyện Ea H’Leo**

Huyện Ea H’Leo nằm về phía đông bắc tỉnh Đak Lak, có diện tích tự nhiên là 133.512 ha. Dân số của huyện năm 2012 là 127.398 người gồm 28.229 hộ phân bố trên 188 thôn, buôn của 11 xã và 1 thị trấn. Toàn huyện có 26 dân tộc anh em sinh sống, thành phần dân tộc gồm người Kinh, Ê đê, J’Rai và các DTTS di cư tự do từ miền Bắc vào. Về đất lâm nghiệp, toàn huyện có 67.040 ha, trong đó diện tích rừng tự nhiên là 51.474 ha và rừng trồng là 15.565 ha. Độ che phủ rừng của huyện là 53,34%.

Từ năm 2004 đến nay, huyện Ea H’leo đã tiến hành giao rừng cho người dân theo 4 đối tượng là hộ gia đình, nhóm hộ và cộng đồng. Cụ thể: i) giao 13.304 ha cho 6 cộng đồng, ii) giao 2.356 ha cho 12 nhóm hộ, và iii) giao 122 ha cho 84 hộ gia đình.

Ở địa bàn tham vấn là **xã Ea Sol** có 4 buôn được giao đất giao rừng theo quyết định của UBND huyện là buôn Kry, Taly, Cham và Điết với tổng diện tích đất rừng là 4.408 ha. Trong đó đất có rừng khộp là 374 ha, rừng non 2.276 ha, đất rẫy là 1.359 ha và đất trống là 398 ha. Đến nay, toàn xã đã liên kết với các doanh nghiệp trong tỉnh trồng được 120 ha rừng cây cao su và 5.000 cây bạch đàn.

**1.2. Huyện Krông Bông**

Huyện Krông Bông là một huyện vùng sâu, vùng xa, nằm về phía Đông Nam của tỉnh Đak Lak. Diện tích tự nhiên của huyện là 125.749 ha. Huyện có 13 xã và 1 thị trấn với tổng dân số là dân số năm 2012 là 90.483 người. Thành phần dân tộc của huyện gồm người Ê đê, M’Nông, Kinh, J’Rai và một số dân tộc di cư từ miền Bắc vào như Tày, Nùng, H’Mông… Về lâm nghiệp, diện tích đất có rừng toàn huyện là 80.579 ha, trong đó rừng tự nhiên là 77.487 ha và rừng trổng là 3.092 ha. Đất chưa có rừng là 11.483 ha, trong đó có 215 ha đất nương rẫy. Độ che phủ rừng của huyện đạt 64,08%.

Từ năm 2004, huyện Krông Bông đã tiến hành giao rừng cho cộng đồng và nhóm hộ quản lý bảo vệ. Tổng diện tích rừng giao cho đến này là 11.104 ha, trong đó có 8.329 ha đất có rừng và 2.775 ha đất không có rừng. Rừng được giao cho các nhóm hộ thuộc các xã Hòa Lễ, Hòa Sơn, Ea Trul, Cư Drăm, Khuê Ngoc Điền, Hòa Phong, Yang Mao. Kết quả rà soát đến tháng 4. 2014 của Chi cục kiểm lâm tỉnh cho biết trong tổng số diện tích 11.104 ha đã giao cho cộng đồng thì chỉ còn lại 4.262 ha rừng và đất lâm nghiệp, số diện tích còn lại đã bị phát để làm nương rẫy.

Ở địa bàn tham vấn là **xã Yang Mao** có 8 nhóm hộ đã được giao 3.515 ha rừng. Ngoài ra, có 4 cộng đồng khác đang tham gia quản lý bảo vệ 7.710 ha rừng của VQG Chư Yang Sin và hưởng lợi từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường của tỉnh Đak Lak cho số diện tích rừng nhận khoán bảo vệ này.

**II. Tỉnh Thừa Thiên Huế**

Tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc khu vực Bắc Trung bộ, có tổng diện tích tự nhiên là 503.320 ha. Dân số toàn tỉnh năm 2012 là 1.115.525 người, bao gồm các dân tộc chính là Kinh, Tà ôi, Cơ tu, Pa cô, Bru-Vân kiều. Theo số liệu công bố tháng 3. 2012 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thừa Thiên Huế thì toàn tỉnh có 307.201 ha đất lâm nghiệp, trong đó diện tích đất có rừng là 282.986 ha và diện tích đất trống, đồi núi chưa có rừng nhưng được qui hoạch cho lâm nghiệp là 24.215 ha. Độ che phủ rừng toàn tỉnh là 56.69%.

Cũng theo Chi cục Kiểm lâm tỉnh, từ năm 2000- 2011, tỉnh Thừa Thiên Huế đã giao được 19.322 ha rừng cho người dân quản lý bảo vệ, trong đó có 19.042 ha rừng tự nhiên, 71 ha rừng trồng và 208 ha đất trống quy hoạch cho lâm nghiệp. Phân theo đối tượng thì trong số diện tích trên, cộng đồng đã được giao 14.131 ha, nhóm hộ được giao 4.183 ha và hộ gia đình được giao 1.007 ha.

**2.1. Huyện A Lưới**

A Lưới là huyện miền núi của tỉnh Thừa Thiên Huế, gồm 20 xã và 01 thị trấn với tổng diện tích tự nhiên là 122.463 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 98.161 ha, chiếm 1/3 tổng diện tích đất lâm nghiệp của cả tỉnh. Huyện A Lưới có 12 xã có chung đường biên giới với nước Lào, dài khoảng 80 km. Toàn huyện có 43.262 người và 10.046 hộ, trong đó người DTTS chiếm 79,2 % tổng dân số, gồm Pa kô, Tà ôi, Cơ tu, Pa hy, Vân kiều.

Theo Hạt Kiểm lâm huyện A Lưới, đến hết năm 2013, toàn huyện đã giao được 15.690 ha rừng tự nhiên cho 50 hộ gia đình, 120 nhóm hộ, 26 cộng đồng dân cư thôn và 01 tổ chức là đồn biên phòng Nhâm quản lý và bảo vệ. Ngoài ra, huyện còn giao 48.630 ha rừng và đất rừng cho các Ban quản lý rừng Phòng hộ A Lưới, Sông Bồ, các khu Bảo tồn Phong Điền và Sao la, công ty TNHHNN1TV Lâm nghiệp Nam Hòa. Hiện nay, huyện A Lưới còn khoảng 19.000 ha rừng tự nhiên tại các khu vực giáp biên giới, các khu vực nhạy cảm và một số rừng manh mún chưa được giao đang do các UBND các xã tạm thời quản lý.

Ở địa bàn nghiên cứu là **xã Hồng Thượng**, có 12 nhóm hộ được giao 927 ha rừng tự nhiên. Còn ở **xã Sơn Thủy** có 11 nhóm hộ, được nhận 427 ha. Hoạt động giao rừng tự nhiên ở 2 xã này được thực hiện vào năm 2011.

**2.2. Huyện Nam Đông**

Nam Đông là một trong hai huyện miền núi của tỉnh Thừa Thiên Huế, có tổng diện tích tự nhiên 65.194 ha. Toàn huyện có 10 xã và 01 thị trấn, trong đó có 7 xã đặc biệt khó khăn và 6 xã là đồng bào dân DTTS. Tổng dân số toàn huyện là 23.362 người, trong đó người DTTS Cơ tu chiếm khoảng 42%.

Theo Hạt Kiểm lâm huyện, huyện Nam Đông có tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 52.371 ha, trong đó đã giao cho các BQL rừng phòng hộ Nam Đông và VQG Bạch Mã là 37.193 ha, giao cho hộ gia đình là 7.071 ha, cộng đồng quản lý là 4.618 ha, nhóm hộ quản lý là 1.034 ha và UBND các xã đang tạm thời quản lý là 2.453 ha

**Xã Hương Lộc** có tổng diện tích tự nhiên là 6.570 ha, trong đó đất lâm nghiệp là 6.149 ha. Chương trình giao rừng tự nhiên cho hộ gia đình và cộng đồng đã được thực hiện trên địa bàn xã từ năm 2003 với kết quả là đã giao được 350 ha rừng cho 60 hộ gia đình và 282 ha rừng cho 2 nhóm hộ.

**Xã Hương Sơn** có tổng diện tích tự nhiên là 4.359 ha, trong đó diện tích đất lâm nghiệp là 3.492 ha. Hoạt động giao rừng tự nhiên cho cộng đồng ở xã được thực hiện từ năm 2008, với kết quả là đến nay đã có 5 cộng đồng được nhận 356 ha rừng tự nhiên.

**III. Tỉnh Hòa Bình**

Hòa Bình là một tỉnh miền núi thuộc vùng Tây Bắc, có tổng diện tích tự nhiên là 460.780 ha. Dân số toàn tỉnh năm 2012 là 799.800 người, bao gồm các dân tộc chính là Kinh, Mường, Thái, Tày, Dao. Theo báo cáo của UBND tỉnh Hòa Bình năm 2011 thì diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh là 302.095 ha, trong đó đất rừng phòng hộ là 43.006 ha, đất rừng phòng hộ là 119.050 ha, đất rừng sản xuất là 140.039 ha. Diện tích đất trống, đồi núi chưa có rừng nhưng được qui hoạch cho lâm nghiệp là 35.745 ha, trong đó qui hoạch cho đất rừng phòng hộ là 11.993 ha và qui hoạch cho đất rừng sản xuất là 23.753 ha. Độ che phủ rừng toàn tỉnh là 46 %.

## Cũng theo UBND tỉnh Hòa Bình thì diện tích đất lâm nghiệp tỉnh Hòa Bình đã giao cho hộ gia đình quản lý bảo vệ là 235.989 ha, đất rừng thuộc các NLTQD và BQL rừng quản lý là 64.376 ha, còn lại là diện tích do UBND các xã quản lý với 21.968 ha. Tổng diện tích đất lâm nghiệp đã được cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình và cá nhân trong tỉnh là 229.013 ha với số lượng giấy đã cấp là 63.980 giấy. Còn theo Sở NN&PTNT tỉnh Hòa Bình thì hiện nay toàn tỉnh Hòa Bình có 17.756 chủ rừng, gồm 8 tổ chức và 17.748 hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trên địa bàn 45 xã, phường, thị trấn thuộc 5 huyện và thành phố nhận khoán bảo vệ hàng năm khoảng 73.802 ha rừng thuộc diện cung ứng DVMTR trong lưu vực Nhà máy thuỷ điện Hoà Bình.

**3.1. Huyện Đà Bắc**

Đà Bắc là huyện vùng cao, nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Hòa Bình. Huyện có 20 đơn vị hành chính, bao gồm 1 thị trấn và 19 xã với tổng diện tích tự nhiên là 77.796 ha, trong đó đất lâm nghiệp chiếm 53.603 ha. Dân số toàn huyện năm 2012 là 53.436 người, gồm 12.955 hộ với 5 dân tộc chính đang sinh sống là Mường, Kinh, Dao, Tày và Thái.

Theo UBND huyện thì đến hết năm 2012, huyện Đà Bắc đã giao đất lâm nghiệp cho các đối tượng với diện tích là i) Hộ gia đình: 23.009 ha, chiếm 42,92 %; ii) Tổ chức kinh tế: 4.349 ha, chiếm 8,12 %; iii) Cơ quan, đơn vị Nhà nước: 5.616,38 ha, chiếm 10,40 %; iv) Cộng đồng dân cư: 8.416 ha, chiếm 15,62 %, và v) UBND cấp xã: 12.213 ha, chiếm 22,70%.

Ở địa bàn nghiên cứu là **xã Tân Pheo** có 3.379 ha đất lâm nghiệp. Chương trình GĐGR cho người dân trong xã được thực hiện từ năm 1997 và đến nay đã giao được 3.374 ha rừng, trong đó giao cho các tổ chức là 794 ha và giao cho hộ gia đình, cá nhân là 2.579 ha. Hiện nay tỉnh Hòa Bình đang tiến hành rà soát lại việc GĐGR theo Quyết định 672/2006/QĐ-TTg và cấp đổi lại GCNQSD đất lâm nghiệp cho các hộ đang sử dụng rừng trong xã.

**3.2. Huyện Tân Lạc**

Huyện Tân Lạc nằm ở phía Tây của tỉnh Hòa Bình. Huyện có 24 đơn vị hành chính, gồm 1 thị trấn và 23 xã. Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là 53,204 ha, trong đó có 38.659 ha đất lâm nghiệp, bao gồm 23.910 ha rừng phòng hộ và đặc dụng và 14.785 ha rừng sản xuất. Dân số toàn huyện năm 2012 khoảng 82.456 người với 19.568 hộ, gồm các dân tộc chính là Mường, Kinh, Thái và Dao cùng nhau làm ăn sinh sống, trong đó người Mường chiếm đến 85%.

Theo số liệu từ phòng TNMT huyện thì đến hết năm 2012, huyện Tân Lạc đã giao 23.952 ha đất lâm nghiệp cho đối tượng hộ gia đình quản lý và sử dụng, trong đó địa bàn nghiên cứu là **xã Quyết chiến** giao được 2.288 ha. Tương tự như ở xã Tân Pheo huyện Đà Bắc, chương trình GĐGR cho người dân ở xã Quyết Chiến cũng được thực hiện từ năm 1997. Hiện nay, công tác rà soát sử dụng đất lâm nghiệp và cấp đổi GCNQSD đất cho hộ gia đình cũng đang được tiến hành tại xã theo Quyết định 672/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

**PHẦN III**

**KẾT QUẢ THAM VẤN: PHÁT HIỆN TỪ CỘNG ĐỒNG**

I. Phát hiện về qui hoạch rừng

**Phát hiện 1: Qui hoạch rừng đặc dụng chồng lên rừng tự nhiên đã giao cho hộ gia đình**

Tình trạng này xảy ra phổ biến ở tỉnh Hòa Bình, nơi thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN) mà điển hình là ở khu BTTN Pu Canh.

Cụ thể, khi thành lập khu BTTN Pu Canh vào năm 2001 thì tỉnh Hòa Bình đã qui hoạch một số diện tích đất rừng tự nhiên đã giao cho các hộ gia đình ở xã Tân Pheo từ năm 1997 thành đất rừng đặc dụng và giao lại cho khu BTTN Pu Canh. Do khi qui hoạch, tỉnh đã không làm quyết định thu hồi đất rừng đã giao cho người dân nên để xảy ra tình trạng là trên cùng một lô rừng nhưng có đến 2 chủ rừng khác nhau là hộ gia đình và nhà nước cùng quản lý. Lý do tỉnh Hòa Bình không làm quyết định thu hồi rừng đã giao cho hộ gia đình để giao lại cho các khu BTTN được giải thích là do ngân sách chi cho hoạt động lâm nghiệp ít nên tỉnh sẽ không có khả năng đền bù nếu ra quyết định thu hồi đất rừng đã giao cho người dân, nên đã phải tiến hành giao rừng chồng lấn như vậy.

Việc lấy đất rừng sản xuất đã giao cho hộ gia đình để giao lại cho chủ rừng khác đang ảnh hưởng ít nhiều đến quyền lợi và sinh kế của các hộ gia đình đó vì trên thực tế họ đang quản lý bảo vệ các diện tích rừng đang bị chồng lấn nhưng lại không được hưởng các lợi ích do nhà nước hỗ trợ. Trường hợp ở xã Tân Pheo thì đến năm 2013, khi tỉnh Hòa Bình thực hiện phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng thì các hộ gia đình bị chồng lấn đất rừng với khu BTTN Pu Canh đều không được nhận tiền chi trả trên phần diện tích đất rừng bị chồng lấn đó.

II. Phát hiện về địa vị pháp lý của cộng đồng dân cư thôn trong BV&PTR

Phát hiện 2**: Khó thực hiện đầy đủ qui định giao rừng cho toàn “cộng đồng dân cư thôn”**

Theo giải thích của Luật BV&PTR 2004, cộng đồng dân cư thôn được giao rừng theo qui định của Luật là *toàn bộ các hộ gia đình, cá nhân sống trong cùng một thôn, làng, bản, ấp, buôn, phum, sóc hoặc đơn vị tương đương*.

Ở tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay có tổng cộng 73 cộng đồng dân cư thôn được giao 14.131 ha rừng tự nhiên, trong đó huyện A Lưới có 26 cộng đồng và huyện Nam Đông có 32 cộng đồng. Tuy nhiên kết quả khảo sát ở các điểm tham vấn trong tỉnh cho thấy chưa có cộng đồng nào đảm bảo được sự tham gia nhận rừng của “toàn bộ hộ gia đình, cá nhân sống trong cùng một thôn” như Luật qui định. Ví dụ như cộng đồng thôn 2 xã Hương Lộc huyện Nam Đông là 119 hộ nhưng số hộ thực sự nhận rừng cộng đồng là 19 hộ, hoặc cộng đồng thôn 3 của xã có 199 hộ nhưng chỉ có 30 hộ được nhận rừng cộng đồng. Ở A Lưới thì tỷ lệ hộ tham gia nhận rừng cộng đồng đều dưới 80% tổng số hộ trong cộng đồng dân cư thôn. Tuy nhiên trong hồ sơ giao rừng cho các đối tượng trên đều ghi là giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn. Lý do, không đảm bảo sự tham gia của 100% số hộ trong cộng đồng dân cư thôn khi nhận rừng được giải thích là do không phải tất cả mọi hộ gia đình trong thôn đều quan tâm hoặc có sở thích nhận rừng để quản lý bảo vệ, hoặc có nhiều trường hợp như một số hộ trong thôn thuộc diện già yếu, không có lao động nên cũng không muốn tham gia vào cộng đồng để nhận rừng.

Ở tỉnh Đăk Lăk, hoạt động giao rừng cho toàn cộng đồng dân cư thôn được thực hiện từ năm 1999-2010 với kết quả là có 33 cộng đồng buôn được nhận rừng. Tuy nhiên tham vấn ở 4 buôn Chăm, TaLy, Tul và Hàng Năm của hai huyện Krông Bông và Ea H’Leo cho thấy, đến năm 2010 thì tỷ lệ hộ gia đình còn tham gia vào hoạt động quản lý bảo vệ rừng ở các khu rừng cộng đồng của cả 4 buôn chỉ còn lại chưa đến 50%. Nhiều hộ từ rất lâu đã không còn đi tuần tra bảo vệ rừng nữa, hoặc có hộ mặc dù có tên trong danh sách nhận rừng nhưng lại không biết rừng cộng đồng ở khu vực nào, do ai quản lý.

Như vậy, các mô hình giao rừng cho cộng đồng ở tỉnh Thừa Thiên Huế và Đăk Lăk đã cho thấy qui định giao rừng cho toàn cộng đồng dân cư thôn trong Luật BV&PTR 2004 là khó được áp dụng đầy đủ trong thực tế.

Phát hiện 3**: “Giao rừng cho nhóm hộ” khá phổ biến và có hiệu quả nhưng chưa được luật pháp công nhận**

Hình thức giao rừng cho nhóm hộ được thực hiện rất phổ biến ở tỉnh Thừa Thiên Huế và được đánh giá là khá hiệu quả. Toàn tỉnh Thừa Thiên Huế có 160 nhóm hộ được giao quản lý bảo vệ 8.732 ha rừng tự nhiên, trong đó huyện A Lưới có 120 nhóm hộ và Nam Đông có 21 nhóm hộ. Tham vấn ở các thôn trong tỉnh cho thấy, mỗi nhóm hộ nhận rừng được hình thành từ 2-3 hộ lên đến 30 hộ trong cùng một thôn, mỗi thôn có nhiều nhóm hộ. Các hộ gia đình trong nhóm hộ thường là anh em, bà con họ hàng với nhau, như các nhóm hộ ở các thôn thuộc xã Sơn Thủy và xã Hồng Thượng, huyện A Lưới hoặc là láng giềng thân thích có chung sở thích bảo vệ rừng như các nhóm hộ ở thôn Một thuộc xã Hương Lộc huyện Nam Đông. Khi được tham vấn, các hộ nhận rừng trong các nhóm đều cho biết việc nhận rừng theo nhóm hộ có cùng sở thích, mối quan tâm chung và quan hệ thân thiết như trên sẽ thuận lợi hơn trong việc phân công tuần tra bảo vệ rừng và thống nhất ý kiến cũng như trách nhiệm trong các hoạt động đề xuất với chính quyền, kiểm lâm để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của nhóm. Đánh giá hiệu quả giao rừng tự nhiên cho hộ gia đình, nhóm hộ và cộng đồng ở huyện A Lưới sau 3 năm thực hiện từ 2011-2013 của Hạt Kiểm lâm A Lưới cũng khẳng định trong 3 loại hình giao rừng tự nhiên ở huyện thì giao rừng cho nhóm hộ là phù hợp hơn cả. Còn UBND xã Hồng Thượng huyện A Lưới thì cho rằng giao rừng tự nhiên cho nhóm hộ quản lý có hiệu quả hơn giao cho cộng đồng hoặc hộ gia đình mặc dù Luật chưa thừa nhận nhóm hộ là đối tượng được giao rừng. Lý do là: 1) hộ gia đình: không đủ nguồn lực quản lý một diện tích rừng lớn, nghèo nhưng lại xa khu dân cư; không có sức mạnh tập thể để bảo vệ rừng khi có lâm tặc phá rừng; 2) cộng đồng: có hộ muốn nhận rừng nhưng có hộ khác lại không muốn; Ban bảo vệ rừng của thôn khó quản lý, điều hành các hộ không có nhiệt tình giữ rừng; 3) nhóm hộ thường có cùng mục tiêu và mối quan tâm chung, nhiệt tình, trách nhiệm trong việc QLBVR; nhóm ít người (từ 10-20 thành viên) nên dễ điều hành hoặc quản lý.

Còn ở tỉnh Đăk Lăk, Chi cục Kiểm lâm tỉnh cho biết hình thức giao rừng cho nhóm hộ cũng được thực hiện bên cạnh hoạt động giao rừng cho hộ gia đình và cộng đồng cũng rất có hiệu quả. Cho đến nay, toàn tỉnh có 90 nhóm hộ được giao rừng, tập trung ở 4 huyện là Ea H’Leo, Ea Súp, Krông Bông và M’Drăk với tổng số 2.213 hộ, trong đó có 1.404 hộ người DTTS.

Như vậy, hình thức giao rừng cho nhóm hộ ở các tỉnh tham vấn tỏ ra khá phù hợp và hiệu quả trong ở các tỉnh tham vấn. Tuy nhiên do chưa được pháp luật thừa nhận nên ở một số địa phương, các nhóm hộ vẫn phải nhận rừng trên danh nghĩa là cộng đồng dân cư thôn nhận rừng, hoặc rừng đã được giao cho các nhóm hộ nhưng vẫn còn vướng mắc các thủ tục pháp lý trong cấp GCNQSD đất lâm nghiệp cho nhóm hộ vì chưa được qui đình trong các chính sách hiện hành.

Phát hiện 4: **Giao rừng tự nhiên không gắn với giao đất - hoàn tất thủ tục giao rừng tự nhiên xong nhưng chưa hoàn tất thủ tục giao đất lâm nghiệp cho người dân**

Ở tỉnh Thừa Thiên Huế, nhiều nhóm hộ mặc dù đã được giao rừng tự nhiên theo Đề án 430 của tỉnh từ năm 2010, nhưng đến nay các chủ rừng là người dân này trong cùng một địa phương mới chỉ nhận được một quyết định giao rừng chung của UBND huyện kèm theo bản đồ vị trí, diện tích các khu rừng được giao chứ chưa được cấp GCNQSD đất lâm nghiệp. Trường hợp ở thôn Quảng Thọ, xã Sơn Thủy, huyện A Lưới là một ví dụ. Đã có 11 nhóm hộ người Kinh trong thôn đăng ký và được huyện A Lưới giao 524 ha rừng tự nhiên, trong đó có 409 ha rừng phòng hộ và 115 ha rừng sản xuất để quản lý, bảo vệ từ năm 2011. Sau gần 3 năm nhận rừng quản lý bảo vệ, cho đến nay các hộ gia đình và nhóm hộ nhận rừng ở thôn mới chỉ nhận được một quyết định chung là Quyết định số 2200/QĐ-UBND của UBND huyện A Lưới cấp ngày 28/12/2011 về việc giao rừng tự nhiên cho các nhóm hộ và hộ gia đình kèm theo bản đồ khu vực rừng giao. Theo phòng TNMT huyện A Lưới là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và tham mưu cho UBND huyện cấp GCNQSD đất lâm nghiệp cho người dân thì, hồ sơ xin cấp GCNQSD đất lâm nghiệp cho nhóm hộ chưa thể giải quyết được, vì theo quy định pháp lý hiện nay chỉ cho phép cấp GCNQSD đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân hoặc cộng đồng dân cư thôn mà thôi.

Còn ở tỉnh Đăk Lăk thì việc giao rừng cho cộng đồng được thực hiện từ năm 2001 theo NĐ 163/1999/NĐ-CP. Các cộng đồng nhận rừng trong thời điểm này đã dược UBND các huyện cấp khế ước giao rừng. Sau khi có Thông tư liên tịch 07/2011/TTLT-BNN-BTNMT hướng dẫn về giao rừng gắn liền với giao đất, các hồ sơ giao rừng mà cộng đồng được cấp trước đây đã được phòng TNMT huyện thu hồi lại để rà soát và cấp mới GCNQSD đất lâm nghiệp. Tuy nhiên, do những tồn tại trong việc giao rừng trước đây như “cán bộ chỉ giao rừng trên bản đồ, người dân không nắm rõ được diện tích hoặc ranh giới, địa điểm khu rừng ở đâu…” nên đã gây khó khăn cho cho các cơ quan chức năng trong việc cấp đổi GCNQSD đất cho cộng động, nhóm hộ và hộ gia đình ở địa phương. Cùng với đó, nhận thức của người dân còn hạn chế, một số nhóm hộ sau khi được cấp GCNQSD đất đã bị các đối tượng xấu lừa đảo chiếm giữ. Điều này đã gây không ít khó khăn cho lãnh đạo địa phương và cơ quan chức năng trong giải quyết vụ việc và làm đình trệ tiến trình cấp GCNQSD đất cho người dân đã được giao rừng.

Qua tham vấn, các chủ rừng là người dân mong muốn nhận được GCNQSD đất rừng để yên tâm quản lý, bảo vệ rừng được giao lâu dài và hy vọng sẽ được hưởng lợi từ thành quả quản lý rừng của mình trong tương lai. Việc chậm cấp GCNQSD đất lâm nghiệp đã ít nhiều gây khó khăn cho quá trình tổ chức bảo vệ rừng của các nhóm hộ là các đối tượng chưa được pháp luật công nhận giao rừng. Người dân chưa đủ cơ sở pháp lý để chứng minh mình là chủ rừng nên không thể ngăn chặn, xử lý vi phạm các trường hợp khai thác lâm sản trái phép trong rừng được giao, ngược lại họ còn bị các đối tượng vi phạm đe dọa hành hung. Điều đó đã ảnh hưởng tiêu cực đến tinh thần và niềm tin của người dân nhận rừng. Một số hộ gia đình đã tỏ ra chán nản, không còn nhiệt tình với việc tuần tra bảo vệ rừng như trước đây nữa.

**Phát hiện 5: Hộ gia đình đứng tên thay cho cộng đồng trong hồ sơ chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR)**

Trong 3 tỉnh tham vấn thì có 2 tỉnh đã thực hiện chính sách chi trả DVMTR theo NĐ 99/2010/NĐ-CP là Hòa Bình và Đăk Lăk. Đối tượng chủ rừng là người dân được hưởng DVMTR ở tỉnh Hòa Bình là cá nhân và hộ gia đình, trong khi đó ở tỉnh Đăk Lăk là cả hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn được nhà nước giao rừng, cho thuê rừng để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp và tự trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được giao, hoặc có hợp đồng nhận khoán BVR ổn định lâu dài với các chủ rừng là tổ chức nhà nước.

Tuy nhiên ở tỉnh Đăk Lăk, khi triển khai làm hồ sơ chi trả phí DVMTR đối với các diện tích rừng do cộng đồng đang quản lý thì các BQL rừng cộng đồng lại không thể đứng tên đại diện cho cộng đồng để ký hợp đồng chi trả tiền với bên Quỹ BV&PTR của tỉnh. Thay vào đó, BQL tổ chức họp thành viên để bầu ra những hộ gia đình đại diện để ký hợp đồng nhận khoán lại rừng với UBND xã trên chính diện tích rừng đã được giao cho cộng đồng. Các hộ này được lựa chọn theo những tiêu chí như có lao động, đủ sức khỏe, không có vi phạm liên quan đến rừng, ưu tiên cho các hộ nghèo,…Với cách làm này, các hộ được lựa chọn ở cộng đồng buôn Tul và buôn Hàng Năm của xã Yang Mao huyện Krông Bông phải ký hợp đồng cũng như thực hiện các làm thủ tục nhận tiền trực tiếp từ UBND xã. Tuy nhiên, sau khi đã ký nhận tiền thì toàn bộ số tiền nhận được phải được các hộ đại diện chuyển về nộp lại cho BQL rừng cộng đồng để cộng đồng sử dụng theo sự thống nhất chung, trong đó ưu tiên để làm những công trình chung của buôn và một phần còn lại dùng để chi cho những người nhận khoán BVR. Giải thích sự việc này, lãnh đạo xã cho rằng do cộng đồng mặc dù là một đối tượng được giao rừng nhưng lại không có tư cách pháp nhân, không thể mở tài khoản tại ngân hàng được nên cũng không thể đứng tên ký hợp đồng với UBND xã hoặc Qũy BV&PTR được mà phải là các hộ gia đình trực tiếp ký. Ngoài ra, hộ gia đình ký hợp đồng nhận tiền DVMTR với UBND xã còn để đảm bảo thủ tục ký hợp đồng, thủ tục chi trả tiền theo qui định của Quỹ BV&PTR tỉnh.

III. Phát hiện về sử dụng rừng

**Phát hiện 6: Thủ tục phức tạp cản trở chủ rừng tận thu, khai thác gỗ gia dụng trong các khu rừng đã được giao**

Sau khi được giao rừng, chủ rừng là người dân được công nhận quyền khai thác, tận thu gỗ từ rừng tự nhiên là rừng sản xuất cho mục đích gia dụng. Tuy nhiên, để được khai thác hoặc tận thu gỗ từ rừng của mình thì chủ rừng phải thực hiện theo những thủ tục rất phức tạp, như quy định của pháp luật, bao gồm: phải có bản thiết kế khai thác do cơ quan có thẩm quyền xây dựng được UBND cấp huyện phê duyệt và cấp phép khai thác. Hồ sơ xin khai thác phải gồm bản đăng ký xin khai thác, bảng dự kiến sản phẩm khai thác và sơ đồ khu khai thác. Theo ý kiến của các hộ gia đình ở tỉnh Hòa Bình và Thừa Thiên Huế, người dân miền núi không có khả năng đáp ứng được các yêu cầu về thủ tục xin khai thác như vậy do năng lực và trình độ thấp. Hơn nữa, khi khai thác tận dụng gỗ cho mục đích gia dụng thì khối lượng gỗ lấy ra từ rừng không nhiều, nên việc thuê đơn vị tư vấn thiết kế khai thác là không khả thi và người dân cũng không có kinh phí để làm việc này.

Ở tỉnh Thừa Thiên Huế có trường hợp điển hình về người dân không thể khai thác, tận thu được gỗ bị gãy đổ từ rừng của mình. Đó là trường hợp một hộ gia đình xin tận thu 30 m3 gỗ bị ngã đổ do cơn bão số 6 năm 2006 gây ra trong rừng của họ ở xã Hương Lộc huyện Nam Đông. Chủ rừng đã làm đơn có xác nhận của UBND xã gửi lên Hạt Kiểm lâm và Phòng Nông nghiệp huyện Nam Đông xin được tận thu số gỗ này nhưng cuối cùng vẫn không đem được gỗ ra khỏi rừng do không có cơ quan chức năng nào của huyện cho phép hoặc hướng dẫn thực hiện các thủ tục cần thiết. Do vậy chủ rừng này đành nhìn gỗ bị mất trộm hoặc mục nát trong rừng.

Ở tỉnh Hòa Bình, như trường hợp ở xã Quyết Chiến huyện Tân Lạc, do vật liệu xây dựng nhà cửa của người dân còn phụ thuộc vào rừng nên hàng năm các hộ trong thôn cũng xin phép khai thác gỗ để đáp ứng nhu cầu này. Tuy nhiên, theo quy định thì hộ gia đình được giao rừng muốn được khai thác gỗ làm nhà theo nhu cầu phải thực hiện qua các bước i) xây dựng phương án khai thác trình UBND cấp huyện phê duyệt; ii) thuê tư vấn đánh giá và viết thuyết minh thiết kế khai thác; iii) cán bộ kiểm lâm địa bàn hoặc cán bộ lâm nghiệp xã thẩm định ở ngoài thực tế và iv) UBND huyện ra quyết định cấp phép khai thác. Tuy nhiên, nếu áp dụng theo cách thức này thì người dân không thể thực hiện được do thủ tục quá phức tạp. Do đó, UBND xã Quyết Chiến đã quyết định áp dụng quy trình cấp phép khai thác riêng của địa phương, đó là người dân nếu có nhu cầu khai thác gỗ làm nhà thì phải xin phép chủ rừng (là hộ gia đình) trước, sau đó là Tổ quản lý rừng của thôn, sau đó UBND xã xác nhận. Căn cứ vào đó, Chủ tịch UBND xã ra quyết định là hộ gia đình có thể được khai thác .

Như vậy, do quy định của chính sách về thủ tục cấp phép khai thác, tận thu gỗ quá phức tạp, khó thực hiện nên chính quyền địa phương phải làm trái những quy định đó để giải quyết nhu cầu chính đáng về gỗ của người dân được giao rừng, hoặc các chủ rừng đành phải để gỗ mục trong rừng do không được cơ quan chức năng nào hướng dẫn hoặc cho phép.

IV. Phát hiện về quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình và cộng đồng

Phát hiện 7**:** **Chưa có chính sách hỗ trợ phù hợp cho người dân bảo vệ rừng**

Tại các tỉnh tham vấn, tất cả các chủ rừng là người dân đều cho rằng họ chưa được hưởng lợi gì từ các khu rừng được nhà nước giao trong khi phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng của mình.

Ở tỉnh Hòa Bình, các hộ gia đình ở các thôn được giao rừng tự nhiên từ năm 1995-1999. Mặc dù rừng được giao cho hộ gia đình nhưng việc quản lý bảo vệ rừng lại được điều hành bởi các tổ quản lý rừng của từng thôn. Mỗi tổ quản lý rừng của thôn có từ 10 - 12 người gồm các thành viên là trưởng thôn, đại diện chi hội cựu chiến binh, chi hội nông dân, thanh niên, mặt trận, công an thôn và người hộ gia đình có rừng chịu trách nhiệm quản lý bảo vệ các diện tích rừng có trong thôn theo qui chế của thôn. Trong giai đoạn đầu, nhờ sự hỗ trợ của Chương trình 327 và Dự án 661 nên một số tổ quản lý rừng và hộ gia đình trong tỉnh được hỗ trợ tiền công bảo vệ rừng, do đó họ rất tích cực quản lý bảo vệ các khu rừng trong thôn xóm của mình. Tuy nhiên, sau khi các dự án này kết thúc, các chủ rừng đã không còn được hỗ trợ tiền công tuần tra bảo vệ rừng nữa ngoại trừ một số nơi trong lưu vực thủy điện Hòa Bình thì được hưởng tiền DVMTR, nhưng với mức thấp và cũng mới có từ năm 2013. Do vậy, công việc quản lý bảo vệ rừng của người dân đôi khi bị đình trệ, cũng không còn được thực hiện thường xuyên như trước.

Ở tỉnh Thừa Thiên Huế, các cộng đồng, nhóm hộ và hộ gia đình nhận QLBVR theo thông báo trực tiếp của UBND xã và hướng dẫn của kiểm lâm đưa về cho địa phương. Từ lúc được giao rừng cho đến nay, người dân chưa có hưởng lợi gì nhiều từ rừng trong khi phải tự động viên, tự tổ chức phân công và tự chi tiền của cá nhân để đi tuần tra rừng. Trường hợp cụ thể tại huyện A Lưới và Nam Đông thì kết quả tham vấn đã phản ánh rõ vấn đề về thiếu sự hỗ trợ cho người dân bảo vệ rừng. Phần lớn các khu rừng được giao đều ở rất xa khu dân cư, có nơi chủ rừng phải đi hết một ngày đường ròng rã mới đến được khu vực rừng của mình để quản lý bảo vệ hay chăm sóc rừng như các chủ rừng ở xã Hồng Thượng huyện A Lưới hay xã Thượng Nhật huyện Nam Đông. Tuy nhiên chi phí cho các chuyến đi tuần tra bảo vệ hay chăm sóc rừng hàng tuần, hàng tháng như vậy đều do người dân tự đầu tư chứ không có một chương trình hay dự án nào hỗ trợ cả. Hạt kiểm lâm huyện A Lưới còn cho biết đang có khác biệt về chính sách hỗ trợ quản lý bảo vệ rừng giữa “chủ rừng” là UBND xã và chủ rừng là người dân. Cụ thể, các diện tích rừng do UBND các xã đang tạm thời quản lý thì được nhà nước hỗ trợ kinh phí quản lý bảo vệ là 100.000 đồng/ha/năm theo Quyết định 07/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, còn các diện tích rừng đã giao cho nhóm hộ thì chưa được nhà nước hỗ trợ khoản kinh phí nào.

**Phát hiện 8: Chưa có chính sách hưởng lợi phù hợp cho người dân nhận rừng**

Ở tỉnh Đăk Lăk, kết quả tham vấn ở 4 buôn (buôn Taly và buôn Chăm ở xã Ea Sol; buôn Tul và buôn Hàng Năm ở xã Yang Mao) về chính sách hưởng lợi của cộng đồng sau giao rừng cho thấy có 2 buôn đã thực hiện khai thác gỗ thương mại ở các khu rừng được giao, 2 buôn còn lại không được khai thác. Trường hợp 2 buôn được khai thác là do có sự hỗ trợ của dự án Phát triển nông thôn tỉnh Đăk Lăk (RDDL) do tổ chức GTZ tài trợ về “*Thử nghiệm cơ chế hưởng lợi*”. Trong khi đó, ở 2 buôn còn lại, do không có sự hỗ trợ của dự án nên cộng đồng vẫn không biết mình có được quyền lợi gì và rừng họ đang quản lý là rừng nghèo kiệt, cũng không có nhiều lâm sản để khai thác. Mặc dù dự án RDDL đã triển khai thành công cơ chế hưởng lợi trong giao rừng cho cộng đồng tại một số buôn thử nghiệm, tuy nhiên do không được thể chế hóa và không thống nhất trong quản lý ở các cấp nên sau khi dự án kết thúc, người dân và địa phương không thể tự mình tiếp tục áp dụng hoặc nhân rộng mô hình thử nghiệm cơ chế hưởng lợi từ rừng được nữa. Từ đó đến nay, người dân có rừng cũng không được hưởng thêm lợi ích gì từ rừng.

Ở tỉnh Thừa Thiên Huế cũng có mô hình thử nghiệm cơ chế hưởng lợi được đánh giá là thành công, đó là mô hình tạm ứng gỗ để hưởng lợi từ rừng theo tỷ lệ gỗ tăng trưởng hàng năm của rừng. Cụ thể, trong năm 2004 UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ký quyết định cho phép cộng đồng thôn Thuỷ Yên Thượng được phép khai thác 91,2 m3 (nếu quy ra giá trị sau khi trừ các khoản chi phí khai thác thôn thu về 119 triệu đồng). Trên cơ sở phương án phân chia sản phẩm được cộng đồng thôn xây dựng có sự tham gia của chính quyền địa phương và giám sát của kiểm lâm huyện Phú Lộc, sản phẩm gỗ dùng cho các hoạt động của cộng đồng và hộ gia đình trong thôn hưởng lợi theo thứ tự ưu tiên như 1) Gỗ dùng làm quan tài cho người già yếu, bệnh tật trong thôn; 2) Gỗ dùng làm tư liệu sản xuất như cày, bừa; 3) Gỗ gia dụng cho người dân trong thôn được cộng đồng người dân cùng ban thôn xét duyệt, đối tượng được ưu tiên hưởng lợi là những người có công đóng góp nhiều cho cộng đồng thôn trong công tác BV và PTR. Giá gỗ bán được công khai cho toàn thôn, phần thu lại sau khi trừ các khoản đóng góp của người dân để làm quỹ bảo vệ phát triển rừng của thôn.

Mặc dù được đánh giá là tốt, nhưng mô hình cơ chế hưởng lợi này ở tỉnh Thừa Thiên Huế cũng đã không được thể chế hóa thành chính sách hưởng lợi chung cho các chủ rừng là người dân trong toàn tỉnh, nên cuối cùng mô hình cũng chỉ mang tính chất thử nghiệm. Nguyên nhân mô hình không được nhân rộng và thể chế hóa được giải thích là do phần lớn đối tượng rừng được giao cho cộng đồng trong tỉnh đều là rừng nghèo, cây đủ tiêu chuẩn khai thác theo quy chế khai thác gỗ chiếm tỷ lệ rất thấp, người dân phải đi vào tận vùng sâu của khu rừng mới mới đến địa điểm khai thác nên chi phí nhiều không bù đắp được. Mặt khác thủ tục khai thác gỗ rất phức tạp, qua nhiều khâu từ bài cây, lập hồ sơ, thẩm định, phê duyệt và các thủ tục khác về kiểm soát lâm sản trong khi nhận thức người dân còn hạn hẹp.

Do thiếu cơ chế, chính sách hưởng lợi từ rừng được giao nên dần dần người dân cũng giảm động cơ nhận rừng và quản lý bảo vệ rừng.

**Phát hiện 9: Qui ước BV&PTR trong cộng đồng mang nặng tính hình thức, khó áp dụng và không hiệu quả**

Qui ước BV&PTR là công cụ để đưa công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn thôn đi vào nề nếp, phát huy các truyền thống tốt đẹp trong cộng đồng dân cư, xây dựng nếp sống văn hóa mới ở thôn bản là tiền đề để thực hiện phương án giao rừng tự nhiên cho cộng đồng quản lý. Xây dựng qui ước BV&PTR là nghĩa vụ của cộng đồng dân cư thôn được giao rừng.

Tham vấn ở tỉnh Đăk Lăk và Thừa Thiên Huế cho thấy đa số cộng đồng nhận rừng đều có qui ước BV&PTR trong cộng đồng dân cư. Các hộ nhận rừng trong cộng đồng cũng có nắm bắt được nội dung qui ước vì chúng được phổ biến một số lần qua các cuộc họp thôn xóm. Do cách tiếp cận khác nhau ở mỗi tỉnh nên nội dung các bản qui ước BV&PTR của cộng đồng ở mỗi địa phương được trình bày không như nhau, nhưng chủ yếu vẫn bao hàm các điều khoản qui định về khai thác lâm sản, săn bắn động vật rừng, chăn thả gia súc, đốt nương làm rẫy, phòng chống cháy rừng. Bên cạnh đó qui ước còn quy định nghĩa vụ và quyền lợi của cộng đồng và các điều khoản xử phạt, khen thưởng.

Liên quan đến việc xây dựng qui ước, tham vấn ở các tỉnh cho thấy sự tham gia của người dân vào việc xây dựng qui ước ở nhiều nơi chỉ dừng lại ở mức độ là họp nghe phổ biến chủ trương rồi biểu quyết thông qua các quyết định. Việc xây dựng qui ước chủ yếu do chính quyền xã và kiểm lâm tư vấn xây dựng chứ không phải do cộng đồng trực tiếp thảo luận và hoàn thành. Các qui ước ở Nam Đông và A Lưới cũng chỉ được UBND xã xác nhận chứ không trình qua UBND huyện phê duyệt rồi mới tổ chức thực hiện theo như qui định ở điều 30 của Luật BV&PTR 2004.

Do không được người dân trực tiếp thảo luận xây dựng mà chủ yếu là do cơ quan chức năng tư vấn hoặc làm giúp, nên các bản qui ước của các cộng đồng trong cùng một huyện nhìn rất giống nhau và mang nặng tính thủ tục, có nhiều qui định chung chung và không phù hợp, ví dụ như cấm các hành vi dùng lửa trong rừng, cộng đồng dân cư và hộ gia đình không được tự ý khai thác gỗ để bán không theo kế hoạch được duyệt... Còn các quyền lợi của cộng đồng nêu ra trong qui ước thì rất khó thực hiện được trong thực tế do đối tượng rừng phần lớn là nghèo kiệt, không đáp ứng được nhu cầu của người dân. Các quyền và trách nhiệm cụ thể của cộng đồng ở một số địa phương đã không được thể hiện trong qui ước nên mọi người khó tuân theo.

Theo ý kiến của nhiều hộ gia đình nhận rừng trong cộng đồng thì qui ước BV&PTR của cộng đồng muốn thực sự có hiệu quả phải do người dân tự xây dựng, điều chỉnh và có sự đồng thuận cao của các thành viên. Bên cạnh đó qui ước phải biết kế thừa tinh hoa các hương ước, tập tục trước đây của các dòng tộc, bản làng vì các tinh hoa này gắn sâu trở thành tập quán của người dân từ xa xưa. Ngoài ra, qui ước BV&PTR phải thật rõ ràng cụ thể ngắn gọn nhưng đầy đủ để mỗi người trong cộng đồng dễ hiểu, dễ thực hiện và mang tính quần chúng hơn là nặng về tính pháp luật của nhà nước.

V. Phát hiện về xử lý vi phạm pháp luật trong BV&PTR

Phát hiện 10**: Chính sách về giải quyết các vụ vi phạm lâm luật không đảm bảo quyền hưởng lợi của chủ thể được giao rừng, do đó không khuyến khích việc họ BVR hiệu quả**

Mặc dù rừng đã được nhà nước giao cho hộ gia đình, nhóm hộ và cộng đồng quản lý nhưng các “chủ rừng” này vẫn không có quyền gì trong việc giải quyết các vi phạm lâm luật trên diện tích rừng đã được giao cho họ.

Ở cả ba tỉnh tham vấn, cả hộ gia đình, nhóm hộ và cộng đồng đều cho rằng khi đi tuần tra bắt gặp người khai thác trái phép gỗ và các lâm sản khác trên rừng của mình thì họ không biết phải xử lý như thế nào ngoài việc nhắc nhở người vi phạm không được phá rừng và nếu có thể thì đuổi họ ra khỏi rừng. Trường hợp điển hình là trường hợp hộ gia đình anh Trương Quang Lâm ở xã Sơn Thủy, huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế. Mặc dù là chủ rừng, nhưng khi phát hiện rừng của gia đình mình bị người ngoài địa phương đến khai thác gỗ trái phép, anh phải đành nhìn các đối tượng đó ngang nhiên chặt gỗ mang ra khỏi rừng vì không có quyền tạm giữ họ cũng như lập biên bản vi phạm hành chính. Do rừng ở quá xa khu dân cư, có khi phải đi một ngày đường mới tới nơi nên anh Lâm cũng không thể báo cho UBND xã hoặc kiểm lâm đến tận nơi để xử lý được.

Mặc khác, các chính sách quy định về việc giải quyết các vụ vi phạm lâm luật trên diện tích rừng đã giao cho người dân của các cơ quan chức năng cũng tạo ra sự thiếu công bằng, làm mất lòng tin của người dân về chính sách giao rừng. Tham vấn người dân ở thôn 3 xã Hương Lộc, huyện Nam Đông tỉnh Thừa Thiên Huế cũng như ở buôn Taly, xã Ea Sol, huyện Ea H’Leo tỉnh Đăk Lăk cho thấy có nhiều trường hợp các hộ gia đình ở đây khi phát hiện tang vật là gỗ trong rừng của mình do người phá rừng bỏ lại, họ phải bỏ công sức ra để vận chuyển tang vật về giao nộp cho kiểm lâm huyện xử lý. Tuy nhiên kết quả xử lý như thế nào thì người dân không được biết do cơ quan kiểm lâm không có phản hồi cũng như họ không hề được hỗ trợ công cán gì khi vận chuyển tang vật từ rừng xa về giao nộp lại cho các cơ quan chức năng.

Bên cạnh việc thiếu cơ chế hưởng lợi, do không được quyền xử lý các vụ vi phạm lâm luật cũng như nếu có tham gia xử lý thì cũng không được hưởng lợi gì nên người dân cũng dần dần giảm đi ý chí bảo vệ rừng các khu rừng mà nhà nước đã giao cho họ.

**PHẦN IV**

**CÁC NỘI DUNG TRONG LUẬT BV&PTR 2004 CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỐI TƯỢNG BV&PTR LÀ HỘ GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG**

**Để tạo cơ sở pháp lý đối với việc quản lý bảo vệ và phát triển rừng, Luật BV&PTR 2004 đã đưa ra nhiều nội dung qui định về quyền, quyền lợi và nghĩa vụ của các chủ rừng đối với các loại rừng được giao. Đây chính là động lực thúc đẩy họ đầu tư thời gian, công sức, kỹ thuật và kinh phí để quản lý và phát triển tài nguyên rừng của quốc gia.**

Tuy nhiên, việc thực thi Luật BV&PTR 2004 trong thực tế lại gặp nhiều khó khăn do nhiều qui định của Luật còn bất hợp lý hoặc do thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc hướng dẫn người dân thực thi pháp luật. Có thể nói hộ gia đình và cộng đồng là hai trong nhiều đối tượng được hưởng lợi nhưng cũng chịu tác động trực tiếp bới Luật. Vì vậy, nghiên cứu các qui định trong Luật liên quan đến hai đối tượng này để từ đó đề xuất các khuyến nghị về hoàn thiện Luật là điều cần thiết.

Sau đây là một số nội dung của Luật BV&PTR 2004 liên quan đến hộ gia đình và cộng đồng mà Mạng lưới FORLAND nhận thấy là không còn phù hợp nữa:

**1. Về giải thích từ ngữ**

Điều 3 của Luật BV&PTR 2004 giải thích: 1) Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, giao đất để trồng rừng, cho thuê đất để trồng rừng, công nhận quyền sử dụng rừng, công nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng; nhận chuyển nhượng rừng từ chủ rừng khác; 2) Cộng đồng dân cư thôn là toàn bộ các hộ gia đình, cá nhân sống trong cùng một thôn, làng, bản, ấp, buôn, phum, sóc hoặc đơn vị tương đương.

Như vậy trong phần giải thích từ ngữ thì “*Cộng đồng dân cư thôn*” đã không được xem là chủ rừng mặc dù họ là một đối tượng được giao rừng.

Mặt khác, điều 5 của Luật Đất đai sửa đổi 2013 lại giải thích: *Cộng đồng dân cư gồm cộng đồng người Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc và các điểm dân cư tương tự có cùng phong tục,tập quán hoặc có chung dòng họ*. Như vậy, về thuật ngữ và phạm vi thì cụm từ “cộng đồng dân cư thôn” trong Luật BV&PTR 2004 và “cộng đồng dân cư” trong Luật Đất đai sửa đổi 2013 không đồng nhất và có nghĩa khác nhau.

Trong khi đó theo Bách khoa toàn thư Việt nam thì “Một cộng đồng là một nhóm xã hội của các cơ thể sống chung trong cùng một môi trường thường là có cùng các mối quan tâm chung”. Trong cộng đồng người đó là kế hoạch, niềm tin, các mối ưu tiên, nhu cầu, nguy cơ và một số điều kiện khác có thể có và cùng ảnh hưởng đến đặc trưng và sự thống nhất của các thành viên trong cộng đồng

Theo Bách khoa toàn thư tiếng Anh (Wikipedia) thì cộng đồng là một đơn vị xã hội với mọi kích cỡ, cùng chia sẻ các giá trị chung”. Trong cộng đồng người đó là ý muốn, niềm tin, tài nguyên, ưu tiên, nhu cầu, nguy cơ và một số điều kiện khác có thể và cùng có ảnh hưởng đến việc xác định các thành viên và mức độ liên kết. Như vậy, định nghĩa về cộng đồng dân cư trong cả hai luật chưa hoàn toàn phù hợp với định nghĩa chung về cộng đồng trong Bách khoa toàn thư của Việt nam và thế giới, đặc biệt về quy mô cộng đồng.

**2. Về qui định chủ rừng**

Điều 5 của Luật BV&PTR 2004 qui định ***Chủ rừng*** là: 1) Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng đặc dụng được Nhà nước giao rừng, giao đất để phát triển rừng; 2) Tổ chức kinh tế được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, giao đất, cho thuê đất để phát triển rừng hoặc công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, nhận chuyển quyền sử dụng rừng, nhận chuyển quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng; 3) Hộ gia đình, cá nhân trong nước được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, giao đất, cho thuê đất để phát triển rừng hoặc công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, nhận chuyển quyền sử dụng rừng, nhận chuyển quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng; 4) Đơn vị vũ trang nhân dân được Nhà nước giao rừng, giao đất để phát triển rừng; 5) Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đào tạo, dạy nghề về lâm nghiệp được Nhà nước giao rừng, giao đất để phát triển rừng; 6) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư tại Việt Nam được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, giao đất, cho thuê đất để phát triển rừng; và 7) Tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư tại Việt Nam được Nhà nước cho thuê rừng, cho thuê đất để phát triển rừng.

Như vậy, mặc dù đã mở rộng khái niệm ***Chủ rừng*** nhưng Luật vẫn chưa công nhận “cộng đồng dân cư” là chủ rừng, do vậy cộng đồng không thể có được các quyền, quyền lợi và nghĩa vụ giống như chủ rừng khác.

**3. Về qui định giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn**

Điều 29 của Luật qui định điều kiện giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn phải là: 1) Cộng đồng dân cư thôn có cùng phong tục, tập quán, có truyền thống gắn bó cộng đồng với rừng về sản xuất, đời sống, văn hoá, tín ngưỡng; có khả năng quản lý rừng; có nhu cầu và đơn xin giao rừng; và 2) Việc giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng đã được phê duyệt; phù hợp với khả năng quỹ rừng của địa phương. Điều 29 cũng qui định cộng đồng dân cư thôn chỉ được giao: 1) Những khu rừng hiện cộng đồng dân cư thôn đang quản lý, sử dụng có hiệu quả, 2) Những khu rừng giữ nguồn nước phục vụ trực tiếp cho cộng đồng, phục vụ lợi ích chung khác của cộng đồng mà không thể giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, và 3) Những khu rừng giáp ranh giữa các thôn, xã, huyện không thể giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mà cần giao cho cộng đồng dân cư thôn để phục vụ lợi ích của cộng đồng.

Như vậy, điều kiện để cộng đồng được giao rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên bị hạn chế và chỉ áp dụng trong một số trường hợp nhất định. Do vậy cộng đồng cũng không thể có được quyền tiếp cận và quản lý, sử dụng các loại rừng khác giống như các đối tượng là hộ gia đình hoặc chủ rừng khác được qui định trong Luật.

Mặt khác, mặc dù là đối tượng được giao rừng, nhưng cộng đồng lại không phải là đối tượng được giao đất trong một số trường hợp như: *Điều 29* *của Luật BV&PTR 2004 cho phép giao rừng sản xuất là rừng tự nhiên cho cộng đồng dân cư thôn nhưng tại điều 135 của Luật Đất đai sửa đổi 2013 lại qui định chỉ giao đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên cho hộ gia đình, cá nhân và tổ chức quản lý rừng để quản lý bảo vệ và phát triển rừng, và điều 19 của NĐ 43/2014/NĐ-CP quy định các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có cộng đồng dân cư.* Việc cấp GCNQSD đất cho các đối tựơng nhận rừng tự nhiên có thể không làm phát sinh thêm quyền và nghĩa vụ của chủ rừng đối với rừng được giao (do những hạn chế về quyền sử dụng rừng so với quyền sử dụng đất) nhưng trên thực tế người giữ rừng vẫn mong muốn có để minh chứng cho quyền làm chủ của họ trước sức ép của các đối tượng bên ngoài vào xâm hại rừng tự nhiên được giao.

**4. Về qui định quyền và nghĩa vụ của cộng đồng dân cư thôn được giao rừng**

Điều 30 của Luật qui định quyền của cộng đồng dân cư thôn được giao rừng là: 1) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng rừng ổn định, lâu dài phù hợp với thời hạn giao rừng; 2) Được khai thác, sử dụng lâm sản và các lợi ích khác của rừng vào mục đích công cộng và gia dụng cho thành viên trong cộng đồng; 3) Được hưởng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên diện tích rừng được giao; 4) Được hướng dẫn về kỹ thuật, hỗ trợ về vốn theo chính sách của Nhà nước để bảo vệ và phát triển rừng và được hưởng lợi ích do các công trình công cộng bảo vệ, cải tạo rừng mang lại; và 5) Được bồi thường thành quả lao động, kết quả đầu tư để bảo vệ và phát triển rừng theo quy định pháp luật có liên quan khi Nhà nước có quyết định thu hồi rừng.

Trên thực tế, hầu hết các khu rừng tự nhiên giao cho cộng đồng đều ở rất xa các khu dân cư, là rừng nghèo kiệt hoặc rừng trung bình. Người giữ rừng cần phải đầu tư công sức và kinh phí khoanh nuôi bảo vệ hoặc chăm sóc trong một thời gian rất dài mới có thể đảm bảo cấp trữ lượng hoặc độ tàn che rừng để khai thác theo quy định. Hơn nữa, nếu cộng đồng chỉ nhận rừng với các mục đích công cộng hoặc gia dụng, cộng đồng được khai thác gỗ nhưng chỉ phục vụ cho nhu cầu chung của cộng đồng mà không được bán để phân chia cho các thành viên trong cộng đồng thì không đủ sức khuyến khích họ tham gia bảo vệ rừng.

Điều 30 của Luật qui định nghĩa vụ của cộng đồng dân cư thôn được giao rừng là xây dựng quy ước bảo vệ và phát triển rừng phù hợp với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, trình UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Trong thực tế, rất nhiều qui ước bảo vệ và phát triển rừng phù hợp với các qui định của luật pháp đã được các cơ quan QLNN về lâm nghiệp hướng dẫn cộng đồng xây dựng nhưng không được thực hiện hoặc thực hiện không có hiệu quả do không phù hợp với luật tục của cộng đồng đó. Luật tục là một thành phần quan trọng chi phối và gắn kết các thành viên trong cộng đồng lại với nhau để cùng quản lý, bảo vệ rừng nhưng chưa được luật hóa hoặc lồng ghép với các qui định của luật pháp thành các văn bản pháp lý của cộng đồng.

6**. Về qui định quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình được giao rừng**

Điều 70 của Luật về quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình được Nhà nước giao rừng sản xuất là rừng tự nhiên thì hộ gia đình chỉ được *thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng tăng thêm do chủ rừng tự đầu tư so với giá trị quyền sử dụng rừng được xác định tại thời điểm được giao theo quy định của pháp luật*. Không có qui định về quyền chuyển đổi của hộ gia đình đối với loại rừng này.

Trong thực tế, do rừng sản xuất được giao cho hộ gia đình thường là rừng nghèo kiệt, rừng có nhiều trạng thái khác nhau, nếu không có quyền chuyển đổi thì hộ gia đình phải đầu tư rất nhiều công sức chăm sóc bảo vệ cũng khó có thể phát triển được rừng.

Khoản 3 Điều 70 về quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình được Nhà nước giao rừng sản xuất là rừng tự nhiên không có qui định về quyền “*chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê*”, trong khi với đất thì người sử dụng lại có được các quyền “*chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê*” (khoản 1 điều 167, Luật Đất đai sửa đổi 2013). Như vậy, khi chủ rừng muốn thực hiện các giao dịch dân sự trên đất rừng tự nhiên được giao thì họ sẽ không biết xử lý tài sản là cây trên đất được giao như thế nào vì trên thực tế thì cây rừng và đất không thể tách rời nhau. Bên cạnh đó, việc thiếu các quyền chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê đã làm cho các hộ gia đình được giao rừng sản xuất là rừng tự nhiên không muốn đầu tư vào diện tích rừng được giao.

**PHẦN V**

**CÁC KHUYẾN NGHỊ VỀ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG VÀ THỰC THI LUẬT BV&PTR 2004 LIÊN QUAN ĐẾN HỘ GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG**

Từ kết quả phân tích chính sách cũng như kết quả tham vấn cộng đồng về thực thi Luật BV&PTR 2004 liên quan đến hộ gia đình và cộng đồng ở 3 tỉnh Đăk Lăk, Thừa Thiên Huế và Hòa Bình, nhóm tham vấn đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao tính phù hợp về nội dung cũng như việc thực thi Luật BV&PTR 2004 như sau:

**I. Khuyến nghị về sửa đổi, bổ sung nội dung của Luật BV&PTR 2004**

|  |  |
| --- | --- |
| **Điều Luật cần sửa đổi, bổ sung** | **Khuyến nghị sửa đổi, bổ sung** |
| 1. Mục 4 Điều 3. Giải thích từ ngữ về Chủ rừng | Bổ sung: i) Công nhận cộng đồng dân cư, bao gồm cộng đồng dân cư thôn, cộng đồng dòng tộc, nhóm hộ là chủ rừng. |
| 2. Điều 5. Qui định về Chủ rừng |
| 3. Mục 13 Điều 3. Giải thích từ ngữ về Cộng đồng dân cư thôn | Điều chỉnh: Điều chỉnh cụm từ “*Cộng đồng dân dư thôn*” thành “*Cộng đồng dân cư*” theo như định nghĩa trong Luật Đất đai sửa đổi 2013. Một cộng đồng dân cư là một nhóm xã hội của người dân sống chung trong cùng một môi trường có cùng các mối quan tâm chung  Trong cộng đồng dân cư đó là ý muốn, niềm tin, các mối ưu tiên, nhu cầu, nguy cơ và một số điều kiện khác có thể có và cùng ảnh hưởng đến đặc trưng và sự thống nhất của các thành viên trong cộng đồng. Cộng đồng dân cư bao gồm cộng đồng dân cư thôn, cộng đồng dòng tộc, nhóm hộ |
| 4. Mục 1 và 2 Điều 29. Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn | Điều chỉnh: + Bỏ các điều kiện ràng buộc về giao rừng cho cộng đồng dân cư và loại rừng giao cho cộng đồng dân cư khi đã công nhận đối tượng này là một chủ rừng.  + Công nhận **cộng đồng dân cư là đối tượng được giao đất rừng sản xuất, giao rừng phòng hộ**. |
| 5. Mục 2 Điều 22. Nguyên tắc giao rừng | Bổ sung: Qui định rõ một **tổ chức đầu mối** để thực hiện việc **giao rừng gắn với giao đất** hoặc đảm bảo việc giao rừng phải đồng thời với giao đất cho hộ gia đình và cộng đồng dân cư. |
| 6. Mục 1 Điều 30. Quyền của cộng đồng dân cư thôn được giao rừng | Bổ sung: Cho phép cộng đồng dân cư được khai thác, sử dụng lâm sản và các lợi ích khác của rừng theo nguyện vọng của cộng đồng bao gồm cả cho **mục đích thương mại** vàphù hợp với quy chế quản lý rừng.. |
| 7. Khoản a Mục 2 Điều 30. Nghĩa vụ của cộng đồng dân cư thôn được giao rừng | Bổ sung: Cộng đồng dân cư có nghĩa vụ xây dựng qui ước BV&PTR gắn với các **luật tục** tiến bộ và phù hợp với qui định chung của pháp luật. |
| 8. Khoản đ Mục 2 Điều 30. Nghĩa vụ của cộng đồng dân cư thôn được giao rừng | Điều chỉnh: Công nhận các quyền giao dịch dân sự của cộng đồng dân cư như **được chuyển đổi, cho thuê, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn kinh doanh** bằng giá trị quyền sử dụng rừng được giao. |
| 9. Mục 3 Điều 70. Quyền của hộ gia đình được Nhà nước giao rừng sản xuất | Bổ sung: + Bổ sung thêm **quyền chuyển đổi** đối với hộ gia đình được Nhà nước giao rừng sản xuất.  **+** Bổ sung thêm các quyền giao dịch dân sự cho hộ gia đình như **quyền được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê** đối với rừng tự nhiên được giao.  + Lấy ý kiến người dân về qui hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho qui hoạch, kế hoạch BV&PTR. |

**II. Khuyến nghị về thực thi Luật BV&PTR 2004**

1. Đối với người dân sống gần rừng, đặc biệt là người dân sống ở vùng đệm các VQG và KBTTN thì sự tham gia của họ trong vấn đề đồng quản lý rừng, trong qui hoạch và sử dụng rừng là rất quan trọng. Do thiếu sự tham gia của hộ gia đình và cộng đồng nên việc qui hoạch ba loại rừng hoặc qui hoạch các KBTTN theo chủ trương của nhà nước không sát với thực tế cũng như gây khó khăn đến đời sống, sinh kế của các đối tượng này. Do vậy, các văn bản dưới Luật nên qui định thêm quyền được tham gia của người dân cũng như có hướng dẫn người dân tham gia vào các hoạt động qui hoạch, quản lý và sử dụng rừng ở vùng đệm các VQG và KBTTN.

2. Giao rừng không gắn với giao đất cũng như quản lý rừng không gắn với quản lý đất đã tạo ra kết quả là cộng động được giao rừng để quản lý bảo vệ là chủ yếu chứ khó có thể cải thiện sinh kế hoặc thêm thu nhập từ các diện tích đất rừng được giao. Do vậy, các qui định về GĐGR cần được điều chỉnh cho phù hợp với Luật Đất đai sửa đổi 2013 nhằm khuyến khích cộng đồng vừa quản lý bảo vệ rừng đồng thời vừa được sử dụng đất rừng một cách bền vững.

3. Việc cộng đồng và hộ gia đình xin tận thu cây gỗ bị gãy đổ do thiên tai hoặc xin khai thác gỗ trong rừng được giao cho mục đích gia dụng không được thực hiện một cách thuận lợi trong thực tế do thủ tục phức tạp hoặc do không được hướng dẫn cụ thể. Điều này đã làm giảm động lực nhận rừng hoặc quản lý rừng của các đối tượng này. Do vậy, Nhà nước cần qui định lại các thủ tục, cơ chế, hướng dẫn một cách vừa cụ thể vừa rõ ràng để người dân có thể dễ dàng tiếp cận và thực hiện được. Đề nghị Bộ NN&PTNT xây dựng quy trình khai thác gỗ đơn giản cho cộng đồng và hộ gia đình như quy định số cây gỗ, loài cây, đường kính tối thiểu được khai thác hàng năm.

4. Phần lớn diện tích rừng tự nhiên giao cho hộ gia đình và cộng đồng là rừng nghèo hoặc nghèo kiệt phải được chủ rừng đầu tư công sức quản lý bảo vệ và chăm sóc trong một thời gian rất dài mới phục hồi và phát triển được. Mặt khác, cộng đồng hoặc hộ gia đình được giao rừng tự nhiên chỉ nhằm mục đích chính là bảo vệ rừng mà hầu như chưa được hưởng lợi gì. Kinh phí của nhà nước hỗ trợ cho hộ gia đình và cộng đồng trong quản lý bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ gần như không có. Do vậy, Nhà nước cần có thêm các nội dung qui định về cơ chế hỗ trợ ban đầu, chia sẻ trách nhiệm với hộ gia đình và cộng đồng được giao rừng để họ có thể yên tâm quản lý bảo vệ các khu rừng được giao.

5. Hộ gia đình, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao quyền sử dụng rừng ổn định, lâu dài, các thành viên trong cộng đồng được khai thác lâm sản cho mục đích gia dụng. Nhưng hầu hết diện tích rừng tự nhiên giao cho cộng đồng là rừng nghèo kiệt, chính sách hưởng lợi từ rừng không có hoặc khó áp dụng nên cuộc sống của các cộng đồng dân cư được giao rừng vẫn rất khó khăn. Do vậy, tùy vào điều kiện của mỗi địa phương mà Luật nên cho phép thể chế hóa các cơ chế hưởng lợi đã thử nghiệm thành công thành chính sách hưởng lợi riêng cho người dân ở từng địa phương khác nhau.

6. Một trong những nghĩa vụ của cộng đồng dân cư thôn được giao rừng là xây dựng quy ước BV&PTR phù hợp với các quy định khác của pháp luật. Trong thực tế, rất nhiều qui ước BV&PTR phù hợp với các qui định của luật pháp đã được các cơ quan chức năng xây dựng giúp cộng đồng nhưng không được thực hiện hoặc thực hiện không có hiệu quả do thiếu sự tham gia của cộng đồng hoặc không phù hợp với luật tục của cộng đồng đó. Luật tục là một thành phần quan trọng chi phối và gắn kết các thành viên trong cộng đồng lại với nhau để cùng quản lý, bảo vệ rừng. Do vậy yếu tố luật tục và sự tham gia của cộng đồng trong xây dựng qui ước BV&PTR cần được qui định trong các chính sách QL&BVR của Nhà nước.

7. Là đối tượng được giao rừng để quản lý bảo vệ nhưng quyền quản lý bảo vệ rừng của hộ gia đình và cộng đồng lại rất hạn chế. Do vậy Nhà nước cần bổ sung thêm những quy định nhằm tăng cường quyền của người dân trong xử lý các trường hợp vi phạm lâm luật đối với rừng được giao.

Cần có văn bản hướng dẫn cụ thể người dân cách xử lý đối với các trường hợp vi phạm lâm luật. Tiến trình, các bước thực hiện phải được công khai, minh bạch và người dân là chủ rừng phải có quyền được biết kết quả xử lý trường hợp vi phạm của các cơ quan chức năng trên rừng của mình cũng như được hỗ trợ xứng đáng công sức vận chuyển tang vật từ rừng về giao nộp cho kiểm lâm.

**PHẦN VI**

**CÁC CÂU CHUYỆN LIÊN QUAN ĐẾN BV&PTR CỦA HỘ GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG Ở VÙNG THAM VẤN**

**I. Các câu chuyện ở tỉnh Đăk Lăk**

**Câu chuyện số 1. Cộng đồng bị đình chỉ khai thác gỗ thương mại vì “không theo chủ trương của Bộ”**

*Mô hình “cơ chế hưởng lợi trong giao rừng cộng đồng” được tổ chức GTZ thử nghiệm thành công tại hai huyện Ea H’leo và Krông Bông của tỉnh Đăk Lăk từ năm 2006-2009 đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho cộng đồng khi tham gia nhận rừng và bảo vệ, phát triển rừng. Tuy nhiên, việc cơ chế này chưa được thể chế hóa như kỳ vọng của các bên liên quan cộng với sự không thống nhất về mặt quản lý của các cấp đã gây ra không ít khó khăn cho người dân và chính quyền địa phương trong thực hiện các hoạt động quản lý rừng cộng đồng.*

Cộng đồng buôn Ta Ly, xã Ea Sol, huyện Ea H’Leo và buôn Tul, xã Yang Mao, huyện Krông Bông tỉnh Đăk Lăk đã được nhà nước giao rừng tự nhiên từ năm 2001 để quản lý bảo vệ và sử dụng lâu dài. Tuy nhiên, trong suốt 5 năm nhận rừng, các cộng đồng chỉ triển khai những hoạt động bảo vệ, chứ chưa có những tác động tích cực nào khác vào rừng. Trong bối cảnh đó, vào đầu nằm 2005, được sự tư vấn kỹ thuật và hỗ trợ kinh phí của tổ chức GTZ, Đức, dự án Phát triển nông thôn tỉnh Đăk Lăk (RDDL) đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) tỉnh, các cơ quan liên quan cấp huyện, xã, đã tiến hành thử nghiệm phát triển quản lý rừng cộng đồng. Tiến trình tổ chức thực hiện, bao gồmxây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý rừng cộng đồng (5 năm và hàng năm), xây dựng và thực hiện Quy ước bảo vệ phát triển rừng cộng đồng, và khai thác rừng với mục đích thương mại và xây dựng cơ chế hưởng lợi từ việc khai thác rừng cộng đồng.

Đến giữa năm 2009, mô hình thử nghiệm trên đã hoàn thành các bước của quy trình thử nghiệm và đạt được những kết quả khả quan bước đầu, .huy động được người dân các buôn đã tổ chức bảo vệ rừng tốt theo kế hoạch hàng năm. Đặc biệt, thử nghiệm khai thác rừng theo mô hình rừng ổn định cho mục đích gỗ thương mại được thực hiện tại buôn Ta Ly năm 2006 và ở buôn Tul vào cuối 2008 – 2009 đã đem lại thu nhập cho người dân và tạo được quỹ phát triển rừng cộng đồng. Nguồn tiền từ quỹ này được sử dụng vào những việc hữu ích cho người dân trong buôn.

Tháng 8 năm 2009, Sở NN&PTNT cùng dự án RDDL đã tổ chức hội thảo đánh giá và tổng kết những bài học về phương pháp tiếp cận quản lý rừng và cơ chế hưởng lợi từ khai thác gỗ thương mại ở rừng cộng đồng, đồng thời đề xuất Sở NN&PTNT xây dựng các văn bản pháp lý ghi nhận và hỗ trợ cơ chế hưởng lợi gỗ thương mại và xây dựng các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật. Đến 21 tháng 11năm 2009, UBND Đăk Lăk đã ra quyết định 3058/QĐ-UBND về việc “Ban hành kỹ thuật hướng dẫn quản lý rừng cộng đồng dân cư thôn buôn”.

Tại huyện Krông Bông, vận dụng kết quả thử nghiệm tại buôn Tul, xã Yang Mao, năm 2011 phòng Nông nghiệp huyện tiếp tục chủ trì việc hỗ trợ kỹ thuật và thủ tục cho ba thôn 10, 11 và 12 ở xã Hòa Lễ làm thủ tục khai thác gỗ thương mại ở rừng giao cho các nhóm hộ theo cách thức như ở buôn Tul trên cơ sở quyết định 3058/QĐ-UBND năm 2009. Hồ sơ khai thác gỗ thương mại đã được công ty TNHH Quang Lâm Phát xây dựng và chi phí khai thác cũng đã được công ty đầu tư cho cộng đồng. Được Phòng NN&PTNT huyện tham mưu, ngày 13 tháng 4 năm 2011 UBND huyện Krông Bông đã gửi báo cáo đến UBND tỉnh, sở NN&PTNT, Chi cục kiểm lâm, Chi cục lâm nghiệp đã xin chủ trương của tỉnh và phê duyệt hồ sơ khai thác nói trên. Sau khi có chủ trương, việc khai thác gỗ đã được ban quản lý rừng cộng đồng các nhóm hộ ký hợp đồng với các đơn vị có đủ tư cách pháp nhân và năng lực tiến hành khai thác dưới sự giám sát của cộng đồng, UBND huyện và kiểm lâm địa bàn. Kết quả đã khai thác được 704 cây (khoảng 700m3) tại 7 lô rừng thuộc tiểu khu 1174; người dân ở các buôn có rừng cộng đồng khai thác rất phấn khởi. Tuy nhiên việc khai thác và tiêu thụ 704 lóng gỗ của rừng cộng đồng nhóm hộ xã Hòa Lễ sau đó đã bị đình chỉ do quy định của địa phương không thống nhất với quy định của Bộ NN&PTNT. Ông Mai Văn Kiện, Phó chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đăk Lăk giải thích: *“Việc khai thác gỗ thương mại ở Hòa Lễ, Krông Bông khi đó do đoàn công tác của cục Kiểm lâm đình chỉ. Lý do là vì thiếu sự thống nhất về thẩm quyền cấp phép khai thác gỗ từ rừng tự nhiên. Theo quy định lúc đó, UBND huyện được cấp phép khai thác, tuy nhiên khối lượng gỗ khai thác này lại không thuộc chỉ tiêu khai thác hàng năm của tỉnh. Chỉ tiêu khai thác cho các tỉnh do bộ NN&PTNT quy định; cụ thể chỉ có những đơn vị có phương án khai thác rừng tự nhiên theo quy định của bộ và những công ty lâm nghiệp có chứng chỉ khai thác rừng bền vững mới được giao chỉ tiêu”.* Chính vì điều này nên việc khai thác gỗ thương mại ở đây bị đình trệ, chất lượng gỗ đã khai thác bị giảm, mất mát do không được bảo quản trong một thời gian dài, rốt cuộc người dân cũng không được hưởng lợi từ việc khai thác hợp lý nàyrừng. Theo ông Nguyễn Quốc Hưng, chi cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp (CCLN) Đăk Lăk, Việc mở rộng khai thác gỗ thương mại ở rừng cộng đồng các nhóm hộ xã Hòa Lễ, huyện Krông Bông lúc đó không được chấp nhận còn do quan điểm chưa thống nhất giữa “cộng đồng” và “cộng đồng nhóm hộ”. Quyết định 3058/QĐ-UBND tỉnh chỉ mang tính tạm thời trong phạm vi tỉnh và chưa có sự thống nhất trong quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương nên mới gây khó khăn như vậy*.* Ông Hưng thừa nhận rằng việc khai thác bị đình chỉ không những ảnh hưởng đến việc hưởng lợi của người dân ở các thôn buôn nhận rừng mà còn còn gây khó khăn cho các nhà đầu tư. Ông đề xuất : *“Từ thành quả thử nghiệm thành công của các dự án, rất cần thiết phải được thể chế hóa thành văn bản hướng dẫn và thống nhất từ trung ương đến địa phương, được các cơ quan quản lý nhà nước chỉ đạo thì mới tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương triển khai thực hiện được!”*

**Câu chuyện số 2. Thiếu sự hỗ trợ của một “đơn vị chuyên trách về quản lý rừng”, người dân địa phương gặp trở ngại trong quản lý rừng cộng đồng**

*Để quản lý bảo vệ và sử dụng tài nguyên rừng cộng đồng một cách bền vững thì bên cạnh yếu tố kỹ thuật phù hợp, tiến trình thực hiện đơn giản, cộng đồng cũng mong đợi có một “bộ phận chuyên trách” song hành cùng hỗ trợ và thúc đẩy họ trong tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch một cách thường xuyên, liên tục. Thông qua đó, cũng dần từng bước nâng cao năng lực tự quản lý của cộng động, cho đến khi người dân có thể tự giác đề xuất những vấn đề, hoạt động trong quản lý rừng của chính họ*.

Trong tổng số 19 xã thuộc 8 huyện tại tỉnh Đăk Lăk đã giao rừng cho hộ gia đình, cộng đồng và nhóm hộ theo Quyết định 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ, hai buôn Ta Ly, xã Ea Sol, huyện Ea H’Leo và buôn Tul, xã Yang Mao, huyện Krông Bông được dự án Phát triển nông thôn tỉnh Đăk Lăk (RDDL) do tổ chức GTZ, Đức tài trợ lựa chọn để nghiên cứu thử nhiệm phát triển quản lý rừng cộng đồng. Tiến trình tổ chức thực hiện bao gồm: (i) Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý rừng cộng đồng (5 năm và hàng năm), (ii) Xây dựng và thực hiện Quy ước BV&PTR cộng đồng, (iii) Khai thác rừng với mục đích thương mại và xây dựng cơ chế hưởng lợi từ việc khai thác rừng cộng đồng. Dự án được triển khai trong thời gian 5 năm, từ 2005 – 2009.

Sau gần 5 năm thực hiện dự án, kết quả lấy ý kiến phản hồi của người dân 2 buôn và đánh giá dự án vào tháng 8 năm 2009 đã cho thấy quản lý rừng giao cho cộng đồng có nhiều thành công. Cụ thể, trong lời phát biểu kết luận hội thảo của ông Nguyễn Văn Xuân, phó giám đốc Sở NN&PTNT tỉnh lúc bấy giờ đã đúc kết: *“Từ hướng dẫn quản lý rừng cộng đồng và được hưởng lợi từ gỗ thương mại, ý thức của người dân đã nâng cao hơn trong quản lý rừng được giao. Chính quyền địa phương xã, huyện cũng đã có những hoạt động tích cực trong thực hiện mô hình thí điểm và đã tiến hành các thử nghiệm cơ chế hưởng lợi có kết quả tốt…”* Sau hội thảo đánh giá đó, Sở NN&PTNT tỉnh Đăk Lăk cũng đã tổng hợp và hoàn chỉnh các hướng dẫn kỹ thuật, thủ tục hành chính trong quản lý rừng cộng đồng, cơ chế hưởng lợi trong khai thác gỗ thương mại trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt và ban hành quy trình tạm thời để áp dụng trong tỉnh. Quyết định 3058/QĐ-UBND do Phó chủ tịch UBND tỉnh Đăk Lăk ký về việc “Ban hành kỹ thuật hướng dẫn quản lý rừng cộng đồng dân cư thôn buôn” trong bối cảnh đó. Tuy nhiên, các chương trình, dự án hỗ trợ cho giao đất giao rừng, lâm nghiệp cộng đồng cũng có giới hạn về thời gian, kinh phí và nguồi tài trợ.

Sau khi dự án kết thúc, hoạt động bảo vệ rừng ở cả 2 buôn Ta Ly và Tul vẫn được cộng đồng duy trì và tự phân công, tổ chức với sự hỗ trợ của Ban Lâm nghiệp xã (nay là ban Bảo vệ và phát triển rừng) và duy trì việc chi quỹ phát triển rừng theo quy định chung của cộng đồng. Thế nhưng, đáng tiếc là các hoạt động khác về phát triển kỹ thuật trên rừng và đất lâm nghiệp được giao, tiếp tục khai thác gỗ thương mại theo mô hình rừng ổn định theo kế hoạch 5 năm và lập kế hoạch cho các năm tiếp theo… thì gần như cộng đồng không thể thực hiện. Y Thiệp, trưởng buôn và cũng là trưởng ban quản lý rừng cộng đồng buôn Tul nói: *“Theo kế hoạch đã lập thì đến năm 2012 – 2013 buôn tiếp tục khai thác thêm rừng ở lô 2, nhưng vì buôn không được hướng dẫn cụ thể nên không biết làm đơn và cũng chưa biết trình cho ai”.* Sau khi có quỹ cộng đồng từ khai thác gỗ thương mại đầu năm 2009, hoạt động làm giàu rừng bằng cây bản địa cũng được các nhóm hộ buôn Tul phân công thực hiện theo kế hoạch đã lập, nhưng vì tự làm, không có người hướng dẫn nên đa số cây trồng bị chết, từ đó hoạt động này cũng không còn được thực hiện. *“Bà con cũng phân công nhau vào rừng bứng các loài cây gỗ quý tái sinh để trồng ở những chỗ trống, nhưng cây trồng bị chết nhiều; đường đi lại xa và dốc cao quá nên từ đó đến giờ không còn trồng nữa, mà chỉ phân công bảo vệ rừng thôi”.*

*Sau khi nhận rừng, các hộ dân trong buôn chia làm 6 nhóm, 12 người/nhóm thường xuyên tuần tra rừng. Từ cuối năm 2012 đến nay, việc bảo vệ rừng trong buôn, do 25 hộ đại diện nhận khoán bảo vệ rừng theo chương trình chi trả dịch vụ môi trường rừng do xã triển khai thực hiện.”* trưởng ban quản lý rừng cộng đồng buôn Tul cũng giải bày thêm khi được hỏi về các hoạt động của buôn đối với rừng cộng đồng. Tổ tuần tra rừng của buôn cũng bắt được nhiều vụ vi phạm, có báo với kiểm lâm địa bàn và xã nhờ giải quyết. Ngoài các vụ vi phạm trong khai thác tài nguyên rừng cộng đồng như chặt gỗ, săn bắt thú rừng, thì việc rừng cộng đồng buôn Tul còn bị xâm lấn do một số hộ dân trong buôn thiếu đất canh tác đã phát rẫy vấn đang diễn ra mặc dù địa hình rừng ở đây dốc cao. Y Trí, một trong 6 hộ dân mới tách, nghèo, thiếu đất ở buôn Tul có xâm lấn rừng cộng đồng dè dặt khi chia sẻ trường hợp vi phạm của gia đình mình: *“Biết chỗ đó là rừng cộng đồng, đi họp cũng được nhắc nhở nhiều lần, nhưng vì chỉ có 1 sào ruộng đất xấu làm không đủ ăn nên cứ phát một ít để có đất trồng mì”*. Trường hợp ở buôn Ta Ly cũng tương tự, việc tổ chức phân công bảo vệ rừng cộng đồng không còn như khi có dự án hỗ trợ, nhiều diện tích rừng không chỉ bị dân trong buôn phát rẫy lấn chiếm, mà còn bị một số đối tượng bên ngoài thông qua sang nhượng đã lấn chiếm, mở rộng,…việc tổ chức lựa chọn lại hộ tham gia tổ bảo vệ rừng của buôn cũng thể hiện nhiều bất cập. Điều đó đã khiến một số hộ dân tham gia bảo vệ rừng tích cực trước đây cũng cảm thấy bất bình.

Đối với các buôn nhận rừng nhưng không được hỗ trợ, tư vấn từ các dự án như trường hợp buôn Hằng Năm, xã Yang Mao, Krông Bông và buôn Chăm, xã Ea Sol, Ea H’Leo, cộng đồng sau khi nhận rừng cũng chỉ tập trung vào việc bảo vệ rừng nhưng họ cũng gặp rất nhiều khó khăn. Khi đời sống của đa phần hộ dân còn khó khăn, chưa được hưởng lợi từ rừng, thiếu những hỗ trợ kịp thời từ bên ngoài thì trách nhiệm đối với việc bảo vệ rừng ở thôn buôn cũng có phần lõng lẽo. Ở buôn Chăm, từ sau một số vụ người dân trong tổ bảo vệ rừng bị đánh và mâu thuẫn với người ngoài tác động vào rừng thì ban quản lý rừng cộng đồng ở đây cũng đành “bất lực” trong việc tổ chức tuần tra, bảo vệ . Ksor Thuận, trưởng ban quản lý rừng cộng đồng buôn Chăm nói: *“…mặc dù biết “thả” không ngăn chặn nữa thì rừng sẽ bị phá nhiều hơn, nhưng buôn cũng không thể làm nổi”*. Thực tế những năm gần đây có nhiều người bên ngoài và cả dân trong buôn cũng đã phá rừng với nhiều hình thức như lấy gỗ, phát rẫy, sang nhương đất đai, lấy trụ tiêu,…rừng đã bị giảm diện tích và chất lượng nhiều lần so với trước đây. Anh Ksor Thuận cũng ngậm ngùi: *“Khi giao rừng cho cộng đồng, rừng còn nhiều loài cây gỗ Hương, Cà chít, Căm xe, Cẩm lai, Trắc,…thú chim còn nhiều như Nai núi, Heo rừng, Mang,… nhưng bây giờ gỗ chỉ còn cây tạp; thú rừng rất hiếm…”*

Khi những hưởng lợi từ rừng được giao bị hạn chế, do không tự tiếp tục lập kế hoạch, tổ chức và triển khai các hoạt động sử dụng, quản lý rừng theo kế hoạch; thì người dân lại quay về với suy nghĩ kiếm sinh kế từ sản xuất nông nghiệp. Trong khi vốn đầu tư cho sản xuất thiếu thì việc phát rẫy để lấy đất canh tác, mở rộng đất canh tác, tích trữ đất cho con cháu, sang nhượng đất đai,…rồi lại tiếp tục lấn chiếm rừng đã trở thành vấn đề rất khó giải quyết không chỉ đối với cộng đồng nhận rừng mà còn đối với chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý hiện nay. Ông Y Ter, Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Krông Bông cũng khẳng định việc giải quyết vấn nạn phá rừng làm rẫy ở địa phương hiện nay đang là vấn đề rất nan giải, địa phương cũng đang tìm hướng giải quyết, trong khi đó tuyên truyền vẫn là biện pháp kiểm lâm thường xuyên thực hiện. Ông nói: *“Xử lý những trường hợp vi phạm này khó vì nếu phạt hành chính một số hộ dân cũng không đủ điều kiện chi trả”.* Về việc phối hợp, hỗ trợ của chính quyền địa phương với cộng dồng, ông Hồ Duy Tấn, Bí thư xã Ea Sol chia sẻ: *“Sau khi dự án kết thúc, ban lâm nghiệp xã (nay là ban bảo vệ và phát triển rừng) chỉ có 4 người, trưởng ban là PCT UBND xã, 1 công an, 1 xã đội kiêm nhiệm và 1 kiểm lâm địa bàn; trong khi kiểm lâm địa bàn thường xuyên thay đổi, mặc dù anh em cũng rất cố gắng nhưng cũng còn rất khó khăn trong hoạt động”.*

Phải chăng quản lý rừng cộng đồng chỉ tập trung mỗi việc bảo vệ rừng? Để có thể sử dụng, phát triển nguồn tài nguyên rừng thì trong quản lý bền vững đối với rừng cộng động, bên cạnh kỹ thuật, tiến trình đơn giản, phù hợp; cần thiết phải có “bộ phận chuyên trách” song hành cùng hỗ trợ và thúc đẩy người dân trong tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch một cách thường xuyên, liên tục. Thông qua đó, cũng dần từng bước nâng cao năng lực tự quản lý của cộng động, cho đến khi người dân có thể tự giác đề xuất những vấn đề, hoạt động trong quản lý rừng của chính họ. Theo ý kiến của ông Hồ Duy Tấn, Bí thư xã Ea Sol: *“…đối với các cộng đồng trong quản lý rừng, rất cần sự hỗ trợ từ bên ngoài để “nắm tay chỉ việc” cho dân thì mới hy vọng rừng được giữ và được quản lý bền vững”*. Đây cũng là một trong số 12 vấn đề quan trọng đã được nhiều thành viên trong hội thảo “Đánh gia mô hình thử nghiệm cơ chế hưởng lợi trong giao rừng cho cộng đồng” được dự án RDDL kết hợp với Sở NN&PTNT tỉnh Đăk Lăk tổ chức ngày 24/8/2009 nhất trí: *“… cần thiết lập một đơn vị chuyên trách về quản lý rừng cộng đồng ở các cấp tỉnh, huyện, xã”.*

**Câu chuyện số 3: Không minh bạch trong việc “chọn” hộ tham gia BVR làm giảm hiệu quả bảo vệ rừng**

*Xét chọn hộ bảo vệ rừng không được công khai trong cộng đồng đã khiến cho nhiều người dân ở buôn Taly bức xúc. Nhiều hộ muốn được tham gia để bảo vệ và hưởng lợi từ các khu rừng cộng đồng của buôn nhưng lại không được chính quyền đồng ý, trong khi đó những người khác có tên trong danh sách lại chưa một lần đi tuần tra rừng. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm cho cộng đồng không còn động lực bảo vệ và phát triển rừng như trước đây nữa.*

Toàn buôn Taly thuộc xã Ea Sol của huyện Ea H’Leo tỉnh Đak Lak có 175 hộ là người dân tộc thiểu số J’Rai được địa phương giao rừng cho cộng đồng quản lý sử dụng lâu dài từ năm 2001 với diện tích là 1.127 ha. Đến đầu năm 2005, với sự hỗ trợ kỹ thuật và kinh phí của dự án Phát triển nông thôn Đăk Lăk do GTZ tài trợ đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh, lãnh đạo và các cơ quan liên quan cấp huyện, xã đã tiến hành thử nghiệm phát triển lâm nghiệp cộng đồng. Tiến trình quản lý rừng cộng đồng đã được tổ chức thực hiện, bao gồm

1. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch quản lý rừng cộng đồng (5 năm và hàng năm),
2. Xây dựng và thực hiện Quy ước bảo vệ phát triển rừng cộng đồng, và
3. Khai thác rừng với mục đích thương mại và xây dựng cơ chế hưởng lợi từ việc khai thác rừng cộng đồng.

Theo lời của ông Nay Thời, một trong những người sống lâu năm nhất ở buôn hiệnlà trưởng ban bảo vệ rừng cộng đồng cũ của buôn Taly và Nay Bền, , thì giai đoạn từ năm 2006 đến 2009, sau khi được hỗ trợ từ dự án, rừng cộng đồng của buôn được tất cả các hộ bảo vệ bằng cách chia thành 3 tổ và 9 nhóm thay phiên nhau đi tuần tra kiểm soát. Trưởng buôn và trưởng ban quản lý rừng lúc nào cũng nhắc nhở người dân phải bảo vệ tốt các khu vực có rừng già, còn khu vực rừng có ít cây thì phải giữ để phục hồi, chỉ nơi nào dọc theo khe suối có nước hoặc đất trống, ít dốc mới được phát nương làm rẫy. Bà con lúc đó cũng chấp hành tốt quy ước của buôn là không được phá rừng bừa bãi hay trái phép. Ai vi phạm phá rừng sẽ bị buôn xử phạt theo qui ước hoặc giao cho kiểm lâm và UBND xã xử lý. Thời đó, những cây gỗ quý, to hai ba người ôm không xuể như căm xe, bằng lăng, sao cát, sến còn rất nhiều trong rừng của buôn. Năm 2006, toàn buôn cũng được dự án hỗ trợ thử nghiệm khai thác và phân chia lợi ích từ gỗ thương mại. Số tiền thu nhập sau khi trừ thuế và chi phí khai thác trích 10% nộp cho UBND xã (55 triệu), 90% còn lại 2/3 được giữ làm quỹ cộng đồng (330 triệu đồng), 1/3 số tiền (165 triệu đồng) được chia cho 74 hộ tham gia nhận rừng cộng đồng, trung bình mỗi hộ được nhận thời điểm đó là 2,2 triệu đồng (Nguồn Dự án phát triển nông thôn, 2009). Quỹ cộng đồng sau đó được rút một phần để mua bò phân cho các hộ nghèo trong buôn nuôi luân phiên, và cho các hộ trong buôn vay với lãi suất thấp. Theo ông Ma Sấu, một thành viên bảo vệ rừng cộng đồng: *“Đến nay có 5 hộ trong buôn đang nuôi 10 con bò do buôn hỗ trợ, từ quỹ cộng đồng. Theo quy ước bảo vệ rừng thì hộ nào trong buôn có người chết sẽ được giúp đỡ 3 triệu đồng và 1 bao gạo, còn nếu có người ốm đi bệnh viện thì được cho 500.000 đồng trở lên. Tiền hỗ trợ cũng được được trích từ nguồn quĩ cộng đồng”.*

Tuy nhiên hiện nay thì rừng cộng đồng của buôn Taly không còn được người dân trong buôn bảo vệ tốt như trước đây nữa, thậm chí có nhiều khu vực còn bị bà con “thả”, để cho người ngoài buôn tự do đến xâm canh, khai thác. Việc bảo vệ rừng hiện nay chỉ được buôn và UBND xã giao cho một nhóm nguời gồm 12 thành viên trong buôn đảm trách. Ông Nay Huông, thư ký của ban quản lý rừng cộng đồng trước đây đặt câu hỏi: *“Bản thân tôi trước đây rất tích cực bảo vệ rừng cùng với buôn, và làm tốt vai trò là thư ký của ban, được bà con ủng hộ. Tuy nhiên từ năm 2011 đến nay thì tôi không được xã chọn đưa vào danh sách 12 người bảo vệ rừng của buôn, mặc dù tôi rất muốn được tham gia. Tôi lo lắng không biết bị vi phạm lỗi gì mà họ lại không cho tôi vào nữa”*. Theo ông thì trong danh sách 12 người bảo vệ rừng do UBND xã phê duyệt và buôn trưởng thông báo lại, chỉ có 6 người là dân trong buôn là muốn bảo vệ rừng thực sự, 6 người còn lại là công nhân cạo mủ cao su, chỉ đứng tên trong danh sách thôi chứ ít khi đi tuần tra kiểm soát rừng, trong khi đó nhiều người khác không có tên lại thường xuyên phải đi kiểm tra rừng khi buôn yêu cầu. Ông nói: *“Buôn và xã cũng không họp dân để xét chọn hay thông qua danh sách nên tôi và nhiều người khác cũng không biết họ dựa vào đâu mà chọn người bảo vệ rừng của buôn”.*

Câu chuyện thiếu sự tham gia trong xét chọn hộ bảo vệ rừng cộng đồng ở buôn Taly được ông Ksor Y Grư – Phó chủ tịch UBND xã Ea Sol giải thích là xã chỉ ra quyết định phê duyệt danh sách dựa vào biên bản họp buôn đưa lên chứ xã không can thiệp vào việc chọn hộ của buôn. Trong khi đó buôn trưởng Ksor Phơn thì lại cho rằng buôn chỉ thực hiện việc bảo vệ rừng theo danh sách mà xã đưa xuống mà thôi. Còn ông Nay Bền thì kết luận: *“Rừng của buôn Taly bây giờ bị phá tan nát hết rồi, một phần là do thiếu sự quan tâm của xã, không xử lý nghiêm các vụ vi phạm, một phần là do còn ít người trong buôn muốn bảo vệ rừng như trước đây nữa, để cho người ngoài vào phá nhiều quá”*.

**Câu chuyện số 4: Thiếu cơ chế hỗ trợ, cộng đồng giảm nhiệt tình bảo vệ rừng**

*Thiếu cơ chế hỗ trợ người dân ở nhóm nhận rừng cộng đồng buôn nhận rừng phối hợp tuần tra bảo vệ và xử lý vi phạm đối với rừng cộng đồng ,đồng thời không có sự giải thích rõ ràng và kịp thời của chính quyền các cấp đã làm cho người dân gặp nhiều khó khăn hơn trong tổ chức và thực hiện việc bảo vệ rừng được giao và mất dần sự nhiệt tình và trách nhiệm đối với công việc này.*

**Từ năm 2004-2007**

Dưới sự hỗ trợ của tổ chức GTZ, Ban Lâm nghiệp xã, kiểm lâm huyện và Lâm trường Ea H’leo, người dân trong buôn Taly được chia thành các tổ và nhóm tuần tra rừng cộng đồng. Trong giai đoạn này, buôn được chia làm 3 tổ, trong đó mỗi tổ có 28 thành viên bao gồm một tổ trưởng và một tổ phó. Sau đó, mỗi tổ được chia làm 3 nhóm tuần tra xen kẽ, khi hết tổ 1, chuyển sang tổ 2, và 3. Nhìn chung, người dân rất đoàn kết và rừng cộng đồng của buôn Taly được bảo vệ rất tốt. Rừng của buôn Taly còn rất nhiều cây gỗ quý như cẩm xe, và các loài thú rừng như nai, heo rừng, Hổ, gấu… Hiện tượng phá rừng làm rẫy diễn ra rất không đáng kể.

**Từ năm 2008-2010**

Có sự thay đổi lớn trong cơ chế phối hợp và cấu trúc của nhóm tuần tra rừng cộng đồng. Giai đoạn này, có sự phân tách rừng để quản lý. Cụ thể, lâm trường Ea H’leo quản lý diện tích rừng của lâm trường, buôn Taly quản lý diện tích rừng cộng đồng của buôn. UBND xã và Hạt kiểm lâm huyện quản lý nhà nước về lĩnh vực lâm nghiệp. Lúc này thành viên trong nhóm tuần tra rừng cộng đồng của buôn Taly giảm từ 94 thành viên xuống còn 65. Đây cũng là giai đoạn buôn được phép chặn bắt các xe gỗ qua thôn và khai thác gỗ trái phép trên rừng cộng đồng. Theo quy định trong quy ước rừng cộng đồng, buôn có quyền phạt mỗi xe gỗ 200.000 đ tại buôn và được hưởng 10% tổng giá trị phạt sau khi dẫn giải xe vi phạm lên UBND xã. Đến năm 2010, các nhóm tuần tra rừng cộng đồng và các cơ quan chức năng khác đã bắt khoảng 48 xe vi phạm, xử phạt tại buôn Taly, sau đó, giải lên UBND xã cũng như Hạt Kiểm lâm huyện Ea H’leo để xử lý tiếp. Tuy nhiên, trong các trường hợp này các nhóm tuần tra rừng của buôn không hề nhận được tiền trích thưởng 10% hay có sự phản hồi nào từ UBND xã về việc xử lý các vụ vi phạm. Cũng từ đây, rừng cộng đồng của buôn bắt đầu bị phá làm rẫy, gỗ bị khai thác trộm nhiều.

**Từ năm 2011 đến nay**

UBND xã Ea Sol đề nghị buôn Taly giảm bớt số hộ tham gia nhóm tuần tra rừng cộng đồng của buôn từ 65 xuống còn 12 thành viên mà không đưa ra lý do chính đáng. Từ đây, rừng cộng đồng của buôn được chuyển hoàn toàn cho 12 thành viên này quản lý và bảo vệ. Hơn nữa, người dân trong buôn không được phép chặn các xe gỗ trái phép chạy trên địa bàn buôn mà phải báo cho UBND xã xử lý. Điều này gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với rừng cộng đồng của buôn Taly.

Trong 12 thành viên tham gia nhóm có 06 thành viên là công nhân cạo mũ cao su. Vì các thành viên này làm việc chuyên trách cho nhà máy mũ cao su nên không hề tham gia đợt tuần tra bảo vệ nào. Điều này “*gây nên một tâm lý chán nản trong nhóm tuần tra rừng cộng đồng buôn”* như lời của Nay Pá, nhóm phó nhóm tuần tra rừng buôn chia sẻ. Để lấp khoảng trống liên quan đến nhân lực tuần tra, buôn đã huy động thêm một số người trong buôn không thuộc danh sách nhóm 12 thành viên để tuần tra rừng như Nay Huông, Nay Bôl, Ksơr Noát... Tuy nhiên, việc không cho phép chặn xe chở gỗ không phép đi qua địa bàn buôn vẫn tiếp tục gây khó khăn thêm công tác bảo vệ rừng. “*Biết họ khai thác gỗ trái phép từ rừng cộng đồng của buôn, nhưng nhóm lên tới nơi thì họ đã chạy xe ra đường rồi, UBND xã thì không cho chặn xe chạy trên đường nên đành bất lực*”, Nay Pá và nhóm nhận rừng cho biết.

Đối với những vi phạm lâm luật trong thời gian này, buôn Taly chỉ tịch thu cưa gỗ tại hiện trường nhưng không được bắt xe vi phạm. Nếu các đối tượng vi phạm chỉ cưa cây khô thì nhóm trả lại cưa, nhưng nếu cưa cây sống thì trình báo lên UBND xã xử lý. Đối với những cưa bị tịch thu đưa lên UBND xã, buôn không biết xã đã xử lý như thế nào.

**Những hệ lụy**

Kể từ khi nhóm và thành phần nhóm tham gia bảo vệ rừng cộng đồng bị thu hẹp, nhóm tuần tra rừng của buôn chặn xe khai thác gỗ trái phép ngay trên rừng cộng đồng, liên hệ hay báo cho UBND xã, kiểm lâm địa bàn, công an xã nhưng hầu như không thấy ai đến hỗ trợ nhóm. Nhóm lập biên bản vi phạm phá rừng trái phép làm nương rẫy, sang nhượng nương rẫy trái phép, khai thác gỗ bất hợp pháp và gửi lên UBND xã yêu cầu xử lý. Tuy nhiên, hầu như không nhận được phản hồi từ chính quyền. Một thành viên của nhóm tuần tra rừng cộng đồng của buôn nói: “*Lập biên bản gửi UBND xã, nhưng họ không giải quyết, dân phá rừng không sợ, họ phá miết*”. Những hạn chế trên đã dẫn đến nhưng hậu quả xấu lên rừng cộng đồng buôn và rừng của Lâm trường Ea H’leo. Cụ thể là nhiều khu rừng của lâm trường bị xóa sổ trồng cà phê, cao su. Rừng của buôn bị các hộ thiếu đất trong buôn Taly và buôn khác phá làm rẫy trồng cây nông nghiệp và sang nhượng cho các hộ khác, gỗ bị khai thác gần như cạn kiệt.

Theo ông Ksor Y Grư, Phó chủ tịch UBND xã, Trưởng ban Lâm nghiệp của xã, khi dự án GTZ đang còn hỗ trợ buôn Taly, thành viên trong buôn chia các nhóm/tổ để tuần tra bảo vệ rừng cộng đồng. Tuy nhiên, khi dự án kết thúc, công tác bảo vệ rừng không theo cơ chế được thiết lập không tiếp tục vận hành được nữa. Do đó, UBND xã yêu cầu buôn họp và bầu lại nhóm bảo vệ rừng của buôn. Vì nguồn thu từ xử phạt các vụ vi phạm rừng của buôn không đủ cho chi phí đi lại của các thành viên nhóm bảo vệ rừng cộng đồng (thậm chí các thành viên này đã phải tự lo chi phí đi lại). Do vậy nên thời điểm đó, UBND quyết định thu nhỏ nhóm tuần tra, giảm số lượng thành viên để tiết kiệm tiền xăng xe.

Khi được hỏi vì sao người dân không được chặn các xe khai thác gỗ chạy qua địa bàn buôn Taly, ông Ksor Y Grưcho biết thêm: “*Theo Nghị định 157/2013/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính quản lý rừng, phát triển rừng, bảo bệ rừng và quản lý lâm sản, người dân trong buôn không được chặn và bắt các xe gỗ đi qua địa bàn buôn*” (!).

UBND xã có nhận được các tin báo về xe chở gỗ trái phép đang chạy trên địa bàn buôn, nhưng do người dân của buôn không giữ được xe vi phạm nên khi thành viên của Ban lâm nghiệp xã có mặt tại hiện trường thì không còn tang vật vi phạm nên không thể lập biên bản vi phạm.

Ông ông Ksor Y Grư cũng cho biết việc xâm lấn đất bởi các cộng đồng bên ngoài và trong buôn Taly là có thật. Nhóm tuần tra rừng cộng đồng của buôn đã gửi biên bản lên UBND xã và UBND xã đã nhận được. Việc xử lý rất khó khăn vì một số hộ phát rẫy từ lâu thì có sự sang tên cho nhau. Các hộ mới phát không bắt được quả tang nên không xử lý được. UBND xã chỉ vận động người dân chứ không xử lý. Hơn nữa, UBND xã chỉ có thể xử lý các vi phạm đất rừng với diện tích 1.000 m2. Nếu diện tích đất bị xâm chiếm lớn hơn thì phải chuyển hồ sơ lên UBND huyện.

Theo quy định hiện hành, UBND xã chỉ có thẩm quyền phạt những vụ vi phạm trong rừng do xã quản lý. Ngược lại, nếu xe có chở gỗ thì không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã mà phải chuyển lên cho Hạt kiểm lâm của huyện. Hơn nữa, các vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp mà UBND xã có thẩm quyền xử lý là dưới 5 triệu đồng. Tiền phạt sẽ được nộp vào ngân sách. UBND xã chỉ được hỗ trợ chi phí đi lại cho các thành viên tham gia bắt các vụ vi phạm. Thực tế, các thành viên của buôn tham gia được chấm công và chi trả tiền công. Tuy nhiên có một số vụ vi phạm đã bị xử lý nhưng không chi trả tiền công cho các thành viên trong buôn tham gia do số tiền phạt không đủ chi phí và thủ tục phạt quá rườm rà.

Trả lời việc tại sao cộng đồng không nhận được sự hỗ trợ của UBND xã và Ban lâm nghiệp xã trong xử lý vi phạm trên rừng cộng đồng của buôn Taly, ông Thành, Chỉ huy trưởng Ban Quân sự xã Ea Sol cho biết: “*Có thể lãnh đạo xã không thông báo cho Ban Quân sự xã để phối hợp khi nhận được yêu cầu của nhóm*” và “*Việc truy quét hay hỗ trợ xử lý vi phạm từ phía Ban Quân sự xã phải theo kế hoạch*”.

Như vậy, về cơ bản sở dĩ có tình trạng trên một phần là do thiếu sự giải thích rõ ràng về thẩm quyền xử phạt vi phạm, sự hỗ trợ đối với các thành viên tham gia liên quan đến các vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp của UBND xã cho nhóm tuần tra rừng cộng đồng buôn. Bên cạnh đó, số lượng thành viên tuần tra rừng được áp đặt thiếu căn cứ từ UBND xã, thiếu sự tham gia của các thành viên nhóm tuần tra rừng của cộng đồng, có sự chậm trễ trong điều chỉnh. Ngoài ra, không có một cơ chế điều phối hoạt động xử lý vi phạm liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp ở cấp xã để điều động lực lượng và vật chất tham gia.

Để giải quyết hạn chế trên, một số kiến nghị từ cả phía thành viên nhóm tuần tra rừng cộng đồng của buôn Taly và UBND xã Ea Sol được nêu ra: Nhóm tuần tra rừng đề nghị UBND xã, kiểm lâm địa bàn hỗ trợ tuần tra và xử lý vi phạm. Cần tăng số lượng nhóm tuần tra và đảm bảo thành phần tham gia phải được sự chấp thuận của cộng đồng. Cần có hình phạt có tính răn đe hơn đối với các hộ vi phạm. UBND xã hỗ trợ thêm các công cụ tuần tra cho nhóm. Bên cạnh đó, đại diện UBND xã cũng đề xuất tăng thêm thẩm quyền xử lí vi phạm lâm luật cho UBND xã.

**Câu chuyện số 5. Chính quyền không nghiêm, cộng đồng không thể bảo vệ rừng**

*Trước đây, khi cộng đồng buôn Chăm được giao rừng, cộng đồng đã tiến hành các hoạt động tuần tra, bảo vệ rừng. Tuy nhiên, sau khi thẻ Quản lý bảo vệ rừng hết giá trị sử dụng cùng với việc người trong cộng đồng bị người khai thác gỗ trái phép hành hung, cộng đồng buôn Chăm không còn ai dám lên rừng bảo vệ nữa.*

Năm 2005, cộng đồng buôn Chăm (xã Ea Sol, huyện Ea H’leo, tỉnh Đăk Lăk) được giao 1.100 ha rừng để quản lý bảo vệ. Để thực hiện đúng chủ trương của Nhà nước về bảo vệ rừng, cộng đồng buôn Chăm đã thành lập ra 6 nhóm quản lý bảo vệ rừng. Việc tuần tra bảo vệ rừng của cộng đồng được thực hiện theo kế hoạch do buôn lập ra. Hàng ngày các nhóm đều đi tuần tra để bảo vệ rừng. Để tạo điều kiện cho cộng đồng thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng một cách hợp pháp, khi đó Ủy ban nhân dân xã Ea Sol đã cấp cho cộng đồng buôn Chăm thẻ Quản lý bảo vệ rừng, thời hạn của thẻ có giá trị trong vòng 1 năm.

Sau khi thẻ Quản lý bảo vệ rừng hết giá trị sử dụng, việc quản lý, bảo vệ và giải quyết các vụ vi phạm lâm luật ở rừng cộng đồng rất khó khăn.

Với thẻ đã hết hạn sử dụng và không được chính quyền gia hạn, người dân địa phương không còn tư cách pháp nhân để bảo vệ rừng, nguồn sống bao đời nay của cả cộng đồng của họ. “*Khi nhóm cộng đồng đi tuần tra, nếu gặp các trường hợp khai thác gỗ trái phép, chúng tôi thường vận động và khuyên nhủ người vi phạm không nên phá rừng và phải ra khỏi rừng của cộng đồng. Nếu trường hợp nào không nghe, chúng tôi phải áp dụng nhiều biện pháp để đuổi họ ra. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp một số người Kinh không nghe, lại còn hỏi chúng tôi lấy cái gì làm bằng chứng đây là rừng của các anh, khi đó chúng tôi cũng chịu thua”,* anh Nay Hon, một người dân ở buôn Chăm nói.

Không những vậy, trong trường hợp người dân địa phương tự nguyện bảo vệ rừng, thấy chuyện chướng tai gai mắt, quyết xử lý thì lại chẳng những không được chính quyền bảo vệ kịp thời mà vụ việc vi phạm cũng bị bỏ qua, khiến người dân chán nản. “*Năm 2009, khi phát hiện được một số đối tượng ở Phú Bổn (Gia Lai) khai thác gỗ trái phép, chúng tôi đã tổ chức 3 thành viên trong cộng đồng lên rừng ngăn chặn và tịch thu được 1 cái cưa lốc. Tuy nhiên, trên đường về, các đối tượng này chặn đường chúng tôi và xin lại nhưng chúng tôi không cho. Ngày hôm sau, chúng đến nhà của tôi và xin lại cưa lốc nhưng tôi cũng không cho. Khi đó đã nảy sinh ra mâu thuẫn giữa tôi và những người đó và chúng đã hành hung tôi”,* anh Nay Nêm kể lại. Ngay sau khi xảy ra sự việc, Ủy ban nhân dân xã Ea Sol cũng đã chỉ đạo Công an xã làm rõ vụ việc và bắt những người vi phạm đền bù thiệt hại, nhưng việc khai thác gỗ lại không được xử lý. *“Từ sau thời gian đó, chúng tôi cũng không dám đi tuần tra bảo vệ nữa, rất nhiều người trong và ngoài cộng đồng khai thác gỗ ở tại rừng nhưng chúng tôi cũng không dám xử lý”* anh Nay Nêm nói.

**Câu chuyện số 6. Doanh nghiệp mập mờ khi liên kết với người dân để trồng rừng**

*Công ty Hoàng Việt đã thực hiện “lời hứa” liên kết trồng rừng bằng cách trồng cây keo trên diện tích đất rẫy của người dân, là những khu đất nằm trong diện tích rừng cộng đồng được giao trước đây. Tuy nhiên, khi triển khai thì công ty này đã không thông báo gì cho xã Ea Sol và trực tiếp và cho người dân, dẫn đến tình trạng bức xúc và lo sợ mất đất khi cây keo phát triển.*

Năm 2005, Ủy ban nhân dân huyện Ea H’Leo ra Quyết định giao rừng cho cộng đồng buôn Chăm quản lý bảo vệ và hưởng lợi. Trong số các diện tích này, có một phần diện tích đất rẫy của người dân trước đây, hiện đang được bỏ hóa.

Thực hiện chủ trương phát triển rừng của tỉnh Đăk Lăk, từ năm 2009, công ty Hoàng Việt (có trụ sở đóng tại thành phố Buôn Ma Thuột) đã xin phép chính quyền địa phương để thực hiện liên kết với những người dân có đất rẫy bỏ hóa khu vực rừng cộng đồng. Bắt đầu dự án, công ty này đã tổ chức cuộc họp gồm đại diện công ty, đại diện chính quyền xã Ea Sol và toàn bộ người dân của buôn Chăm bàn chuyện liên kết. *“Họ hứa sẽ hỗ trợ nhiều thứ cho chúng tôi trồng rừng. Đối với những người có đất rẫy, họ hứa sẽ hỗ trợ 4 triệu đồng/1 ha đất trống đã được phát đốt. Ngoài ra, họ còn hứa cho chúng tôi vay vốn, đầu tư phân bón rồi thuê chúng tôi trồng và chăm sóc cây keo, khi khai thác thì sẽ được phân chia theo sản phẩm. Khi đó, chúng tôi cũng mừng vì được hỗ trợ nhiều thứ quá”,* anh Nay Túy, một người dân có đất rẫy trong rừng cộng đồng nói.

Mặc dù công ty đã cam kết sẽ hỗ trợ nhiều thứ cho người dân thực hiện việc liên kết, nhưng khi thực hiện lại hoàn toàn khác. “*Tháng 5 năm 2014, công ty chở cây đến rẫy của tôi mà không thông báo gì. Vài ngày sau, họ thuê người dưới Phú Bổn (Gia Lai) lên và trồng cây keo trên diện tích rẫy điều của nhà tôi. Khi họ trồng họ cũng thông báo gì, với lại họ cũng không nói gì đến việc ăn chia. Tôi sợ khi cây keo to lên thì tôi không thể trồng lại cây bắp, mì như trước đây nữa. Nếu tôi chặt thì họ sẽ bắt đền. Mà để như vậy thì tôi sẽ mất đất”,* anh Nay Túy chia sẻ.

Về vấn đề này, ông Ksor Y Grư - Phó Chủ tịch UBND xã Ea Sol chia sẻ: *“Công ty đó về thực hiện ở tại xã nhưng chúng tôi cũng không nắm được hợp đồng giữa công ty và người dân”.* Hơn nữa, *“công ty đã thực hiện việc trồng keo từ năm 2012 ở xung quanh khu vực rừng cộng đồng nhưng do không thông báo gì cho xã nên đến nay chúng tôi vẫn chưa biết cụ thể về diện tích và số lượng cây trồng là bao nhiêu. Sau cuộc họp này chúng tôi sẽ xác minh lại”,* ông Siu Lóa - Chủ tịch UBMTTQVN xã Ea Sol, người trước đây tham gia cuộc họp dân trong buôn do công ty tổ chức vào năm 2009 cho biết.

**Câu chuyện số 7: Dân di cư tự do làm suy giảm nguồn tài nguyên rừng và môi trường sống của người dân bản địa**

*Săn bắn động vật hoang dã trong các khu rừng cộng đồng ở huyện Krông Bông bởi người H’Mông di cư tự do diễn ra hàng chục năm nay đã không những làm cho chất lượng rừng ở đây suy giảm nhanh chóng mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến sinh kế và môi trường sống của người dân tộc thiểu số bản địa.*

Buôn Hàng Năm thuộc xã Yang Mao huyện Krông Bông tỉnh Đak Lak được Nhà nước giao 303 ha rừng cộng đồng từ năm 2005 để quản lý bảo vệ và hưởng lợi lâu dài. Toàn buôn có 137 hộ, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) M’Nông có đời sống kinh tế và văn hóa, phong tục tập quán gắn chặt với núi rừng từ rất lâu đời. Sống chung với họ chỉ có 11 hộ là người Kinh từ Quảng Nam đến sinh sống, buôn bán làm ăn ở buôn theo diện đi kinh tế mới từ những năm 1996-1980.

Theo lời trưởng buôn Y Cheng Ksor thì sau ngày giải phóng đến khi được nhận rừng cộng đồng, rừng ở khu vực quanh buôn giàu lâm sản lắm. Bà con đi rừng dễ dàng thấy được các các loại thú như heo rừng, nai, bò rừng… ở khắp nơi. Cá suối to và nhiều vô kể, muốn bắt ăn lúc nào cũng được. Còn chim rừng thì đủ loại, buổi sáng hót rất vui tai. Giai đoạn này người M’Nông trong buôn sinh sống rất yên ổn với núi rừng xung quanh.

Tuy nhiên từ khi những người H’Mông ở các tỉnh miền Bắc lần đầu đến huyện Krông Bông, và sau đó là ồ ạt những dòng người H’Mông di cư tự do vào đây từ năm 1998 để tìm kế sinh nhai bất chấp sự không ủng hộ, thậm chí là phản đối của chính quyền và người dân tộc thiểu số tại chỗ thì núi rừng ở huyện nói chung và của buôn Hàng Năm nói riêng không còn giàu nữa. *“Mình muốn giữ rừng của buôn mình để rừng bảo vệ lại mình, cho mình đất đai để làm nương rẫy, cho cây gỗ để làm nhà và cho con heo rừng, con cá suối để ăn nhưng người H’ Mông thì săn bắn tất cả. Họ đi săn ở trong rừng không phải chỉ một ngày mà hàng tuần, hàng tháng cho đến khi bắt cho được con tê tê, con sơn dương hay con khỉ mà họ muốn mới thôi. Họ đi rừng không phải chỉ một hai người mà đi thành đoàn nhiều người, mình thấy họ nhưng không bắt họ ra được. Bây giờ người M’Nông mình đi vô rừng cộng đồng lấy măng lúc nào cũng gặp người H’Mông, thấy họ bây giờ còn dễ hơn thấy con chim trên cây”* là lời của Y Phối, một thành viên bảo vệ rừng cộng đồng của buôn. Y Hai Sơ Ao, một thành viên bảo vệ rừng cộng đồng khác của buôn cũng có ý kiến tương tự: *“Bà con trong buôn của mình cũng có phá rừng trái phép nhưng không đến mức khủng khiếp như người H’Mông di cư tự do. Họ ở trong rừng suốt ngày, săn bắn tất cả các loại thú rừng, từ con sóc, con heo rừng to cho đến con cá suối nhỏ bằng ngón tay, con chim nhỏ bằng ngón chân mà họ bắt gặp. Họ rất giỏi nằm rừng, hơn nữa lại có súng tự chế luôn luôn giấu, để ở trong rừng nên không có con thú nào là thoát được khi bị phát hiện. Rừng của buôn Hàng Năm bây giờ cạn kiệt động vật, không còn cái gì có giá trị cũng do những người này phá quá”*.

Câu chuyện người di cư tự do H’Mông đến săn bắn, phá rừng của cộng đồng bản địa M’Nông ở buôn Hàng Năm được các cơ quan chức năng xác nhận. Anh Trần Mậu Quyết, chủ tịch UBND xã Yang Mao nói rằng chuyện này thì ở đây buôn và chính quyền đều biết, chắc ở huyện và tỉnh cũng biết nhưng cho đến nay chưa giải quyết được do đối tượng là người dân tộc thiểu số, hơn nữa họ lại không có công ăn việc làm ổn định nên phải phá rừng làm kế sinh nhai. Còn anh Y Ter, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện Krông Bông thì cho biết: *“Kiểm lâm chúng tôi cũng biết vậy, nhưng lại không đủ lực lượng cũng như công cụ pháp lý để xử lý triệt để các vụ vi phạm lâm luật như vậy ngoài việc tăng cường tuyên truyền, vận động người dân không được phá rừng. Hôm nay gặp người H’Mong trong rừng, kiểm lâm đuổi họ ra thì ngày mai họ lại vào. Khi phát hiện thấy chúng tôi thì họ dấu súng, dấu tang vật, chỉ còn lại tay không nên cũng không đủ bằng chứng để bắt”*. Theo anh Y Ter thì ngoài việc nâng cao nhận thức, công ăn việc làm không chỉ là của người dân di cư tự do mà còn của người bản địa phải được đảm bảo mới mong hạn chế được nạn phá rừng hay săn bắn động vật hoang dã như trên.

**Câu chuyện số 8. Thiếu đất canh tác, nhiều hộ trẻ mới tách phải phá rừng**

*Thiếu đất canh tác, đông con là hiện trạng chung của các hộ mới tách khẩu ở buôn Taly đã và đang đặt áp lực lên chính quyền và các ban ngành xã Yang Mao trong cả giải quyết sinh kế của đồng bào M’nông và bảo vệ tài nguyên rừng.*

Hằng Năm là một buôn nghèo của xã Yang Mao, huyện Krông Bông, tỉnh Đăk Lăk. Toàn buôn có 137 hộ với trên 800 nhân khẩu, trong đó có 58 hộ thuộc diện nghèo và 10 hộ cận nghèo, chủ yếu là các hộ người M’nông. Diện tích đất canh tác của buôn thôn rất hạn chế, chỉ có 17 ha ruộng, 90 ha đất bằng (đất nà) trồng màu, và hơn 200 ha đất rẫy (có độ dốc cao và không thích hợp cho canh tác). Khác với các địa phương khác trong tỉnh, đất đai ở buôn Hàng Năm không thích hợp cho việc trồng cây công nghiệp mà chỉ thích hợp với cây lúa rẫy, các loài cây ngắn ngày như bắp, mì, các loại đậu. Bên cạnh đó, nguồn thu nhập từ bảo vệ rừng là một trong những nguồn thu nhập quan trọng của buôn. Trong đó, có 7 hộ nhận bảo vệ rừng cộng đồng với diện tích 303 ha từ 2006. Từ năm 2013, 94 hộ nhận khoán bảo vệ rừng (BVR) của Vườn quốc gia (VQG) Chư Yang Sin, 20 hộ nhận khoán BVR của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) Lâm nghiệp Krông Bông theo chương trình bảo vệ rừng kết hợp với chương trình chi trả dịch vụ môi trường của tỉnh.

Tuy nhiên, nguồn thu từ hoạt động bảo vệ rừng trên hầu như không đủ cho các hộ dân trong Buôn Hằng Năm để trang trải các chi phí của cuộc sống. Đặc biệt, với các hộ gia đình trẻ mới tách khẩu, việc không có đất canh tác là phổ biến. Cụ thể, theo chia sẻ từ đại diện của buôn, có khoảng 30 gia đình có hoàn cảnh khó khăn đang đối mặt với tình trạng thiếu đất canh tác.

Trước tình hình đó, một số hộ đã yêu cầu Buôn trưởng đề xuất với UBND xã Yang Mao và các cấp chính quyền khác cấp đất canh tác vào năm 2013. Mặc dù, UBND xã đã nhận được đề xuất của buôn nhưng *“… do quỹ đất không có nên không thể giao thêm”,* ông Trần Quang Quân, Phó chủ tịch UBND xã giải thích. Hậu quả, một diện tích rừng khá lớn của công ty TNHH MTV lâm nghiệp Krông bông trên địa bàn buôn đã bị các hộ thiếu đất này và một số hộ khác trong buôn xâm lấn. Do các hộ đã phá một diện tích rừng khá lớn của công ty lâm nghiệp này để làm rẫy trên các vùng đất có độ dốc cao, tranh chấp giữa công ty lâm nghiệp và các hộ dân đã xảy ra. Y Ló là chủ hộ của một hộ mới tách điển hình. Vào tháng 2-3 năm 2014, gia đình Y Ló đã phát 7.000 m2 đất rẫy (lấn chiếm của công ty lâm nghiệp) để trồng lúa khô. Cán bộ công ty lâm nghiệp đã lập biên bản ngay trên diện tích rẫy đang phát và yêu cầu *“không được phát vì đây là đất của lâm trường”. Y Ló nói: “Nhưng “các anh (cán bộ công ty) cho lúa ăn thì không phát”,* hay “*các anh có tiền lương để ăn, dân không có gạo ăn thì đi phát*”. . Gia đình Y Ló không phải hộ trẻ mới tách duy nhất không có đất buộc phải lấn chiếm đất của công ty để có kế sinh nhai.

Chính quyền và các ban ngành xã Yang Mao hầu như bất lực trước bài toán phá rừng làm rẫy do thiếu đất canh tác của đồng bào M’Nông trên địa bàn Buôn Hằng Năm. Tham khảo ý kiến của UBND xã Yang Mao, Ông Trần Quang Quân, Phó chủ tịch UBND xã cho biết, UBND xã đã vận động, tuyên truyền người dân không phá rừng làm rẫy nhưng không hiệu quả do đời sống của người dân quá khó khăn nên xã phải để cho người dân tiếp tục canh tác trên đất đã lấn chiếm trái phép. Hạt Kiểm lâm huyện đã báo cáo cho UBND huyện, tỉnh, và Chi cục Kiểm lâm tỉnh nhưng các bên liên quan vẫn chưa đưa ra được một chiến lược giải quyết cụ thể nào. *“Cán bộ như mình cho lên rừng khai thác bắp còn khó chứ chưa nói đến phá rừng làm rẫy, nhưng vì không có việc gì làm nữa nên người dân phải phá rừng làm rẫy mà thôi”,*ông Trịnh xuân Sơn, kiểm lâm địa bàn xã Yang Mao trao đổi. Theo ông Quân và ông Sơn, để giải quyết vấn đề dân phải phá rừng do thiếu đất canh tác, UBND tỉnh cần hỗ trợ xã chuyển đổi cơ cấu kinh tế và có chính sách thu hút các dự án đầu tư để tăng việc làm và tạo nguồn thu ổn định cho những người dân sống gần rừng này. Hơn nữa, Ông Trần Quang Quân cũng yêu cầu UBND tỉnh và Trường Đại học Tây nguyên dừng đề án mở rộng vườn quốc gia Chư Yang Sin sang diện tích đất lâm nghiệp của xã quản lý vì càng làm cho vấn đề thiếu đất thêm trầm trọng.

**II. Các câu chuyện ở tỉnh Hòa Bình**

**Câu chuyện số 1. Chậm cấp đổi GCNQSD đất lâm nghiệp cho hộ gia đình**

*Bắt đầu từ năm 1995 thì tỉnh Hòa Bình đã tiến hành giao đất giao rừng và cấp GCNQSD đất lâm nghiệp (sổ đỏ) cho người dân theo NĐ 02/CP của Chính phủ. Đến năm 2007, tỉnh đã cho tiến hành rà soát lại toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp đã giao cho các hộ gia đình, làm cơ sở cho việc cấp đổi lại sổ đỏ mới theo Quyết định số 672/QĐ-TTg ngày 28 tháng 04 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát lại diện tích đất lâm nghiệp và cấp đổi lại sổ đỏ đã giao cho các hộ gia đình và cá nhân. Tuy nhiên, trên thực trên,* *việc cấp đổi lại GCNQSD đất lâm nghiệp (sổ đỏ)diễn ra hết sức chậm chạp. Điều này đang khiến cho nhiều người dân đã được giao đất giao rừng ở huyện Đà Bắc và Tân Lạc tỉnh Hòa Bình băn khoăn. Một số hộ gia đình không thể quản lý, bảo vệ được rừng của mình do không còn sổ đỏ để chứng minh chủ quyền rừng với người xâm phạm, trong khi nhiều hộ gia đình khác thì lo lắng vì mất diện tích rừng do bị rà soát lại*.

Ở tại xã Tân Pheo huyện Đà Bắc và xã Quyết Chiến huyện Tân Lạc, việc rà soát đất đai ngoài thực địa cũng như công tác nội nghiệp xây dựng bản đồ rà soát đã được thực hiện xong. Nhiều hộ gia đình cũng đã nộp lại sổ đỏ cũ cho cơ quan tài nguyên môi trường từ đầu năm 2013. Tuy nhiên cho đến nay, người dân tại hai địa phương trên vẫn chưa được cấp lại sổ đỏ mới.

Bên cạnh đó cũng có nhiều hộ dân khác không muốn nộp lại sổ đỏ cũ vì họ cho rằng nếu họ nộp lại sổ đỏ cũ xong, khi nhận sổ đỏ mới mà có sai lệch như không đúng lô rừng, mất diện tích…thì không có chứng cứ gì để khiếu nại xin giải quyết. Ông Hà Văn Dong, một trong số những người chưa nộp lại sổ đỏ cũ ở thôn Phổn, xã Tân Pheo cho biết: *“Tôi có nghe xã thông báo thu, nhưng do tôi xem trên bản đồ mới không thấy lô 8, khoảnh 9 đất của gia đình tôi nên tôi không nộp lại vì sợ rằng cấp sổ mới mà không có phần diện tích này, tôi sẽ không có căn cứ gì để kiến nghị giải quyết”.* Trong khi đó chính quyền địa phương lại khẳng định là chỉ khi nào người dân nộp lại toàn bộ sổ đỏ cũ thì chính quyền mới có cơ sở để cấp sổ đỏ mới cho người dân, nếu có những sai lệch gì trong sổ đỏ mới thì chính quyền sẽ xem xét giải quyết hoặc đề nghị cấp trên giải quyết. Tuy vậy, người dân vẫn chưa tin tưởng vào điều này.

Việc chưa nhận được sổ đỏ mới làm cho các hộ dân không biết được chính xác các lô rừng của gia đình mình hiện đang ở đâu và diện tích là bao nhiêu. Hơn nữa, khi có các tranh chấp hoặc các vụ vi phạm xâm hại, các hộ gia đình cũng không có căn cứ nào để bảo vệ các diện tích rừng của mình vì không có gì để chứng minh với người vi phạm rằng lô rừng đó đã được nhà nước giao cho họ rồi. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến việc quản lý, bảo vệ rừng của người dân. Chị Đinh Thị Âu, người dân thôn Cá, xã Quyết Chiến cho rằng đã có nhiều người ở nơi khác không những không tôn trọng quyền quản lý, sử dụng đất rừng mà nhà nước đã giao cho gia đình chị mà còn ngang nhiên thực hiện các hành vi xâm phạm đất rừng của nhà chị. Chị kể: *“Họ chửi tôi và nói rằng đất là của quốc gia công thổ, rừng của thiên niên kỷ, cớ sao lại ngăn cấm họ”*.

Người dân tại hai xã Tân Pheo và Quyết Chiến đã liên tục đề xuất chính quyền sớm cấp đổi sổ đỏ mới thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri, họp Hội đồng nhân dân, làm báo cáo gửi lên chính quyền cấp trên. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có động thái giải quyết từ các cấp chính quyền và người dân vẫn chỉ biết chờ đợi.

Sổ đỏ là một loại giấy tờ pháp lý thể hiện quyền sử dụng, quản lý của người dân đối với diện đất rừng mà hộ gia đình được Nhà nước giao. Do vậy nếu hộ gia đình chưa có được sổ đỏ thì họ cũng không thể hiện được các quyền này một cách hợp pháp. Vì vậy mong muốn của người dân là chính quyền phải cấp lại sổ đỏ cho họ càng sớm càng tốt. *“Có sổ đỏ để chứng minh mình là chủ để có thể bảo vệ rừng được tốt hơn”* – chị Âu kết luận.

**Câu chuyện số 2. Giao rừng của hộ gia đình cho khu BTTN**

*12 hộ dân tộc Tày ở thôn Than, xã Tân Pheo, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình được nhà nước giao rừng tự nhiên để quản lý bảo vệ, được cấp sổ đỏ từ hơn 15 năm nay. Gần đây, các hộ này tình cờ được biết diện tích đất rừng này đã bị thu hồi giao lại cho Khu bảo tồn thiên nhiên Phu Canh mà không được báo trước. Người dân không rõ lý do bị thu hồi rừng nên rất hoang mang lo lắng.*

12 hộ dân gồm các ông bà Hà Văn Ngằm, Bùi Văn Thế, Lường Văn Chắt, Hà Văng Khâng, Lường Văn Tùn, Lường Văn Sơn, Hà Văn Phón, Hà Văn Hải, Hà Minh Thiết, Lường Văn Ten, và Lò Văn Thạch.

Diện tích rừng tự nhiên mà 12 hộ nhận quản lý bảo vệ là 225 ha, được nhà nước giao từ năm 1999 theo Nghị định 02 (Nghị định số 02/CP ngày 15 tháng 01 năm 1994 của Chính phủ về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định vào mục đích lâm nghiệp). Số diện tích này đã được UBND huyện Đà Bắc cấp sổ đỏ cho người dân với thời hạn là 50 năm.

Tuy nhiên đến năm 2013 thì tình cờ thôn được biết là toàn bộ diện tích rừng ở trên đã được tỉnh Hòa Bình giao lại cho Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Phu Canh. “*Khi đi khảo sát thực địa hồi năm ngoái với đoàn cán bộ qui hoạch (của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Hòa Bình) về dịch vụ môi trường rừng thì tôi mới nghe họ nói là 225 ha rừng tự nhiên ở khu vực Suối Nhạm đã được cấp trên qui hoạch cho Ban Quản lý rừng Phu Canh rồi nên bà con sẽ không được nhận tiền môi trường rừng*” – anh Lường Văn Dong, trưởng thôn Than cho biết. Còn chị Lò Thị Sương, một trong 12 hộ dân thì băn khoăn: “*Bà con chúng tôi khi nghe trưởng thôn nói vậy thì rất lo lắng chứ xã và Ban Quản lý rừng Phu Canh thì chưa hề họp dân để thông báo chính thức về việc này, nhưng đúng là nhà tôi và các nhà còn lại đã không nhận được tiền dịch vụ môi trường rừng như các hộ khác có rừng ở khu vực Nà Thạn và Lín Meo*”. Chị Sương tâm sự thêm: “*Cấp trên giao lại rừng cho Phu Canh thì dân chúng tôi cũng phải chịu vì là rừng của Nhà nước giao, Nhà nước có quyền. Tuy nhiên Nhà nước phải báo cho thôn và người dân được biết và phải đền bù cho dân khi thu hồi lại đất. Năm 2013 thì tôi phải nộp lại sổ đỏ cho địa chính xã, nghe nói là sẽ được cấp sổ đỏ mới nhưng đến bây giờ vẫn chưa được cấp lại. Không biết diện tích trong sổ mới có giảm nhiều so với sổ cũ hay không. Người dân chúng tôi lo lắng lắm*”.

Cũng theo anh Lường Văn Dong, thôn đã báo việc này lên UBND xã Tân Pheo và nhờ xã can thiệp để Ban quản lý Khu BTTN Phu Canh khoán bảo vệ lại 225 ha rừng này cho thôn để người dân được hưởng phí dịch vụ môi trường rừng. Thôn cũng kiến nghị Ban quản lý Khu BTTT Phu Canh giao lại khoảng 20 ha đất rừng ven khe suối có khả năng canh tác trong số diện tích 225 ha bị thu hồi cho 12 hộ trên để họ có thể trồng thêm lúa và màu để cải thiện thu nhập.

Câu chuyện người dân bỗng dưng bị “mất rừng” đã được ông Đinh Văn Nhất, PCT UBND xã Tân Pheo xác nhận là có thật, là người dân đã bị mất quyền kiểm soát các khu rừng họ được nhà nước giao và một số hộ có đất sản xuất đã bị khoanh vào Khu BTTN Phu Canh. Ông nhất nói: “*người dân đã được cấp sổ đỏ 50 năm, nhưng khi xây dựng quy hoạch thành lập Khu bảo tồn không thông báo cho dân biết, và người dân cũng không được đền bù gì khi bị thu hồi đất”*. Ông Nhất cũng cho biết là xã đã làm việc với lãnh đạo Khu BTTN Phu Canh về việc giao lại một phần diện tích đất trong khu bảo tồn cho người dân quản lý bảo vệ và sử dụng nhằm cải thiện sinh kế. Theo ông Nhất, Khu BTTN Phu Canh đã cam kết là sẽ sớm giải quyết khuyến nghị này của địa phương.

**Câu chuyện số 3. Đất rừng sản xuất của người dân bị qui hoạch thành rừng phòng hộ**

*Mặc dù trong quá trình triển khai, đơn vị tư vấn thực hiện quy hoạch ba loại rừng đã cùng cán bộ địa chính xã đi thực địa và thảo luận khu vực khoanh vẽ ở trên bản đồ, tuy nhiên khi có bản đồ quy hoạch mới thì lại khác hoàn toàn so với kết quả cũ mà hai bên đã thảo luận. Điều này đã gây ra tình trạng một số diện tích rừng sản xuất của người dân được giao trước đây, thậm chí là đất mà người dân đang sản xuất nông nghiệp cũng bị quy hoạch thành rừng phòng hộ.*

Năm 2007, tỉnh Hòa Bình đã triển khai công tác quy hoạch ba loại rừng theo chủ trương chung của Chính phủ. Để thực hiện được công việc này, khi triển khai ở cấp xã, đơn vị tư vấn cũng tiến hành thu thập các tài liệu thứ cấp cần thiết. Trong quá trình thực hiện, cán bộ địa chính xã cũng đã phối hợp tích cực với đơn vị tư vấn để góp ý quy hoạch cho phù hợp. Sau khi đã thống nhất kết quả giữa đơn vị tư vấn và cấp xã, thì đơn vị tư vấn đưa kết quả về lại cấp tỉnh và tiến hành các hoạt động nội nghiệp khác. Tuy nhiên, khi bàn giao bản đồ quy hoạch mới thì lại hoàn toàn khác so với những gì mà đơn vị tư vấn và cán bộ địa chính xã thống nhất trước đó: *“Tôi đã đề xuất và đơn vị tư vấn cũng đã nhất trí là diện tích rừng phòng hộ phải nằm ở cách khu dân cư và tránh những diện tích đất sản xuất của người dân. Tuy nhiên, khi tôi nhận được bản đồ quy hoạch 3 loại rừng mới thì lại thấy khác hoàn toàn. Một số phần diện tích rừng sản xuất và đất canh tác nông nghiệp của người dân cũng bị quy hoạch thành rừng phòng hộ, ngay cả diện tích bên cạnh UBND xã cũng là rừng phòng hộ”,* anh Xa Văn Kiện, cán bộ địa chính xã Tân Pheo nói.

Việc thiếu sự tham gia của người dân trong qui hoạch ba loại rừng như vậy không chỉ ảnh hưởng đến quyền lợi của các hộ có rừng sản xuất trước đây bị quy hoạch thành rừng phòng hộ mà còn ảnh hưởng đến việc quản lý rừng của xã vì các diện tích đất này trên thực tế là không có rừng, thậm chí là khoanh vẽ vào diện tích đất của khu dân cư. Để giải quyết được những vấn đề này, vào năm 2010, cán bộ địa chính xã đã tham mưu cho UBND xã Tân Pheo làm tờ trình đề nghị cắt giảm các diện tích rừng phòng hộ quy hoạch không hợp lý thành rừng sản xuất. Diện tích này kéo dài từ thôn Than đến thôn Bon và khoảng gần 200 ha. Tuy nhiên đề xuất này đến nay vẫn chưa được giải quyết.

**Câu chuyện số 4. Qui hoạch rừng đã giao cho hộ gia đình thành rừng phòng hộ, người dân không hề hay biết**

*Được giao hai mảnh rừng sản xuất từ năm 1996, đến năm 2010 thì bị quy hoạch thành rừng phòng hộ, nhưng anh Lường Văn Luyến (thôn Phổn, Tân Pheo, Đà Bắc) vẫn không hay biết gì mà vẫn tiếp tục trồng rừng và khai thác rừng trồng như trước đây.*

Năm 1996, huyện Đà Bắcđã thực hiện việc giao rừng sản xuất cho người dân theo Nghị định 02/1994 của Chính phủ. Cùng với hoạt động này, gia đình của anh Lường Văn Luyến cũng nhận được hai mảnh rừng với tổng diện tích là 1,8 ha. Đến năm 2005, được sự hỗ trợ của Dự án 661, gia đình của anh Luyến cũng đã trồng được 200 gốc luồng, 400 cây sấu, 600 cây mỡ và 200 cây lát trên diện tích được giao. Tính đến thời điểm hiện tại thì một số loài cây trồng cũng đã có thể khai thác được.

Năm 2010, những người dân ở xóm Phổn mới được thông báo là một số diện tích rừng sản xuất trước đây giao cho họ nay đã được qui hoạch thành rừng phòng hộ. “*Chúng tôi chỉ biết có anh Công ở trên tỉnh về, sau đó chỉ cho chúng tôi những diện tích rừng ở bên phải (so với đường tỉnh lộ 433) là rừng phòng hộ, bên trái là rừng sản xuất. Khi đó, họ còn nói với chúng tôi là những diện tích đã được chuyển sang rừng phòng hộ thì không được phát để trồng cây dự án nữa”,* anh Lường Văn Luyến nói*.* Hiện nay, theo trao đổi với người dân trong thôn thì ở thôn Phổn cũng có đến 33 hộ gia đình cũng gặp trường hợp tương tự như nhà anh Luyến.

Tuy nhiên, sau khi đã quy hoạch các diện tích rừng trên thành rừng phòng hộ thì việc quản lý và sử dụng chúng cho mục đích phòng hộ vẫn còn bỏ ngỏ. *“Năm 2010, tôi đã tiến hành khai thác luồng và không cần báo cáo cho ai, nhưng cũng không không sao. Tôi cũng không biết quy định nào cả, chỉ biết rừng do tôi trồng và đã đến tuổi khai thác thì tôi chặt thôi”,* anh Luyến nói thêm.

Trao đổi với chúng tôi về vấn đề này, anh Xa Văn Kiện, cán bộ địa chính xã Tân Pheo, huyện Đà Bắc nói: “*Khi về thực hiện ở địa phương, đơn vị tư vấn cũng có hỏi ý kiến của cán bộ địa chính xã. Khi đó, tôi cũng góp ý là không nên quy hoạch một số diện tích này thành rừng phòng hộ vì nó gần với nhà của người dân và các khu đất sản xuất truyền thống của người dân, nhưng khi họ vẽ bản đồ thì lại khác. Việc quy hoạch thành rừng phòng hộ như vậy sẽ ảnh hưởng nhiều đến người dân vì họ sẽ không được nhận hỗ trợ từ những dự án trồng rừng sản xuất, khai thác cũng phải xin phép các cấp và phải có kỹ thuật khai thác phù hợp. Nhưng với người dân cũng khó để thực hiện được những việc này”.*

**Câu chuyện số 5. Dừng hỗ trợ, dừng bảo vệ rừng**

*80 hộ dân tộc Tày ở thôn Than, xã Tân Pheo, huyện Đà Bắc và 96 hộ dân tộc Mường ở thôn Cá, xã Quyết Chiến, huyện Tân Lạc của tỉnh Hòa Bình được chính quyền giao đất giao rừng từ những năm 1995-1999 theo Nghị định 02/CP của Chính phủ. Từ khi nhận rừng, chính quyền thôn ở đây đã tự thành lập các tổ bảo vệ rừng, phải tự huy động nội lực trong cộng đồng để bảo vệ các cánh rừng tự nhiên rộng lớn nhưng do thiếu nguồn lực nên việc bảo vệ cũng không thường xuyên và thiếu hiệu quả. Người dân đang rất cần nhà nước hỗ trợ kinh phí để giải quyết tình trạng này.*

Diện tích rừng tự nhiên, bao gồm cả rừng phòng hộ và rừng sản xuất của thôn Than là khoảng 1.400 ha và thôn Cá là 569 ha, được nhà nước giao từ năm 1999 theo Nghị định 02 (Nghị định số 02/CP ngày 15 tháng 01 năm 1994 của Chính phủ về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định vào mục đích lâm nghiệp). Số diện tích này đã được UBND huyện Đà Bắc và Tân Lạc cấp sổ đỏ cho người dân với thời hạn là 50 năm.

Để quản lý các diện tich rừng được giao, cả hai thôn đều phải dựa vào các tổ bảo vệ rừng tự quản do thôn tự thành lập. Thành viên mỗi tổ bảo vệ rừng từ 10 đến 12 người bao gồm trưởng thôn, công an viên thôn, đại diện các đoàn thể trong thôn như mặt trận, thanh niên, phụ nữ, cưu chiến binh, người cao tuổi…, và đại diện người dân có rừng. Anh Lường Văn Dong, trưởng thôn Than cho biết: “*Rừng trong thôn mặc dù được giao cho từng hộ gia đình nhưng tập thể thôn phải đứng ra quản lý chứ để cho từng cá nhân giữ thì không thể nào bảo vệ tốt được..*. *Lúc đầu đầu thì tổ bảo vệ rừng còn hoạt động rất tích cực, mỗi tuần đi tuần tra rừng từ một đến hai lần, đến khu vực nào thì huy động thêm người dân có rừng ở vùng đó đi theo. Nhờ vậy mà rừng của thôn Than ít bị người ngoài đến phá hoại*”. Tuy nhiên một hai năm trở lại đây thì tổ bảo vệ rừng thôn không còn hoạt động thường xuyên nữa do thiếu nguồn lực, hơn nữa các hộ gia đình cũng ít quan tâm do không có hưởng lợi gì nhiều từ rừng của mình. Anh Dong tâm sự: “*Bây giờ mỗi tháng tổ bảo vệ rừng mới đi kiểm tra rừng một lần, có khi còn ít hơn, mà khi đi muốn báo người dân đi theo cũng khó vì họ không muốn đi nữa, không lấy gì trả công cho họ. Tôi cũng như mọi người phải bỏ tiền ra mua đồ ăn và dụng cụ đi tuần tra rừng chứ không được xã hỗ trợ thêm cái gì, nếu có bắt được người ngoài phá rừng cũng không biết xử lý làm sao. Tôi không hiểu vì sao mà kiểm lâm địa bàn đi kiểm tra rừng lại được nhà nước trả lương, còn chúng tôi cũng làm việc bảo vệ rừng như vậy mà lại không được hỗ trợ ngày công nào*”.

Việc người dân không được hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng cũng xảy ra tương tự ở thôn Cá. Anh Đinh Công Thuận, một thành viên trong tổ bảo vệ rừng của thôn cho biết: “*Lúc mới nhận rừng từ năm 1996 thì dự án 327 có hỗ trợ 40.000 đ/ha rừng cho xóm trong vòng năm năm liền, do vậy người dân rất phấn khởi. Tuy nhiên từ đó đến nay thì không có khoản nào thêm nên tổ bảo vệ rừng cũng không biết lấy tiền đâu mà mua thức ăn đi rừng nữa. Nhiều hộ không còn hăng hái giữ rừng như ngày trước*”. Còn anh Đinh Công Hinh, một người dân có rừng trong thôn thì trao đổi: *“Nghe cán bộ xã nói thời gian tới cho xóm Cá, xóm Nam Hưng có tiền bảo vệ rừng, nhưng giờ vẫn chưa thấy đâu, chắc nói vậy thôi cho bà con phấn khởi”.*

Câu chuyện rừng ở thôn Than và thôn Cá không được quản lý tốt do người dân không được nhà nước cấp kinh phí quản lý bảo vệ đã nhận được sự đồng tình của ông Đinh Quang Long, Phó giám đốc sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hòa Bình. Ông Long tâm sự: “*Người dân nghèo lắm, không có gì hết. Chúng ta phải có những chính sách hậu giao rừng trả kinh phí cho cộng đồng, dựa vào cộng đồng chứ như tình trạng này ở tỉnh Hòa Bình thì không ai còn muốn tham gia bảo vệ tài nguyên rừng của đất nước nữa*”.

**Câu chuyện số 6. Chồng lấn diện tích và địa giới hành chính xã, huyện, gây khó khăn cho quản lý bảo vệ rừng**

*Sau khi thực hiện việc rà soát lại diện tích đất lâm nghiệp theo Quyết định 672/QĐ – TTg, người dân hai xã Tân Pheo, huyện Đà Bắc và Quyết Chiến, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, đã phát hiện ra rằng ranh giới đất rừng của địa phương họ bị sai lệch rất nhiều so với ranh giới đã được xác định theo Chỉ thị 364 – CT và Nghị định 02/CP. Sự sai lệch này đã ảnh hưởng tiêu cực đến công tác bảo vệ rừng của địa phương.*

Từ năm 1995 đến năm 1999, theo Nghị định số 02/CP của Chính phủ, tỉnh Hoà Bình thực hiện việc giao đất giao rừng và cấp GCNQSD đất (sổ đỏ) cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp . Đến năm 2007, tỉnh đã cho tiến hành rà soát lại toàn bộ diện tích đất rừng đã giao cho người dân trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở cho việc cấp đổi sổ đỏ mới cho các hộ gia đình theo Quyết định 672/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát lại diện tích đất lâm nghiệp và cấp đổi lại sổ đỏ đã giao cho các hộ gia đình và cá nhân. Sự khác biệt về phân định ranh giới đất rừng theo Chỉ thị 364 và Quyết định 672 ở hai thời điểm khác nhau đã dẫn đến việc sai lệch địa giới hành chính của các địa phương, làm cho người dân rất bức xúc, lo lắng.

Là người sống lâu năm ở thôn Than của xã Tân Pheo, huyện Đà Bắc, ông Lường Văn Phiền cho biết: *“Năm 2013 đoàn khảo sát chi trả dịch vụ môi trường rừng về làm việc thì người dân trong thôn mới biết là diện tích của thôn đã bị cắt mất 200 ha rừng của 16 hộ sang xóm Ênh xã Tân Minh, huyện Đà Bắc”*. Khi phát hiện sự việc, 16 hộ mất rừng này đã làm đơn kiến nghị gửi đến UBND, nhưng đến nay chưa được giải quyết. Trong khi đó, các hộ dân tại xóm Ênh xã Tân Minh đã vào các khu rừng này để canh tác và chặt phá rừng bừa bãi. Tại thôn Cá của xã Quyết Chiến, huyện Tân Lạc cũng xảy ra tình trạng tương tự. Ông Đinh Công Bin, một người dân trong thôn kể: *“Do năm 1995 giao đất cho người dân không có mốc cõi, ranh giới không rõ ràng, nên đến năm đo vẽ cụ thể thì người dân bị mất 300 ha rừng. Mặc dù cán bộ xã Thung Khe xác nhận là đây là đất là rừng của xóm Cá, nhưng trên bản đồ lại thuộc về xã Thung Khe. Do vậy người dân thôn Hoàng Tiến và Thung Đẹt của xã Thung Khe thường xuyên tranh chấp đất rừng với xóm Cá”.* Cũng theo ông Bin, khi giao đất giao rừng cho người dân thì cán bộ chỉ giao trên bản đồ thôi. Ông nói: *“Cán bộ chỉ rừng của nhà ông A ở khu đồi này, nhà ông B ở khu đồi kia, ranh giới là các khe núi, có nhà còn không biết đất của mình ở đâu”.* Còn ông Đinh Công Hinh – Trưởng thôn Cá thì tâm sự:*“Khi đi bảo vệ rừng của mình thì người thôn Hoàng Tiến chửi mắng và không cho người dân xóm Cá sản xuất và chăn nuôi trên diện tích đó”.*

Ông Đinh Văn Nhất, Phó Chủ tịch UBND xã Tân Pheo xác nhận rằng trên địa bàn xã đang có tình trạng chồng lấn ranh giới hành chính với xã Tân Minh của huyện Đà Bắc và với các xã thuộc tỉnh Phú Thọ như xã Kim Thượng, huyện Tân Sơn và xã Đông Cửu, huyện Thanh Sơn. Còn theo ông Bùi Quang Đạo, Chủ tịch UBND xã Quyết Chiến thì do sự khác nhau về địa giới hành chính giữa các xã, huyện ở hai bản đồ 364 và bản đồ 672 đang được áp dụng hiện nay đã dẫn đến tình trạng tranh chấp đất rừng của người dân địa phương sống ở vùng giáp ranh. Chính quyền các xã, huyện trong vùng cũng đã nhận ra điều này và đã có văn bản đề nghị cấp trên can thiệp để có sự thống nhất chung. Về chuyện này, Ông Bùi Thanh Phán, Trưởng Phòng TN&MT huyện Đà Bắc cũng khẳng định là việc thống nhất lại ranh giới hành chính giữa các xã, huyện phải chờ ý kiến của Chính phủ chứ địa phương không tự điều chỉnh được.

Người dân tại thôn Than, xã Tân Pheo và thôn Cá, xã Quyết Chiến hiện rất mong chờ các cấp có thầm quyền sớm thống nhất việc phân định ranh giới giữa các xã cả ngoài thực địa lẫn trên bản đồ. Đồng thời bà con cũng đề nghị là sau khi đã giải quyết xong về ranh giới hành chính thì chính quyền các xã giáp ranh cần thông tin cho người dân biết chính xác địa giới hành chính được xác định để các hộ dân sống ở các vùng giáp ranh lân cận yên tâm sản xuất.

**Câu chuyện số 7. Rừng và đất lâm nghiệp: lâm trường thừa, người dân thiếu**

*Lâm trường Tân Lạc - huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, chỉ có 8 cán bộ, nhưng quản lý trên 2.000 ha đất rừng, trong khi đó nhiều hộ dân nơi này không hề có đất trồng rừng để xóa đói, giảm nghèo.*

Xóm Nhót, xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, Hòa Bình có 150 hộ dân thì cả 150 hộ dân này đều thiếu đất sản xuất, thậm chí có nhiều hộ còn không có đất, cuộc sống người dân vô cùng khó khăn. Anh Bùi Văn Nhịnh – Bí thư chi bộ xóm Nhót, xã Thanh Hối chia sẻ: “*Người dân miền núi chúng tôi chỉ biết dựa vào rừng để sống. Thời gian qua, cuộc sống rất khốn khổ vì không có đất sản xuất. Điển hình như gia đình tôi, do sinh sau đẻ muộn nên không được giao đất trồng rừng*”. Cũng với nỗi niềm trên, bác Bùi Văn Út cho biết: “*Đã nhiều năm qua do không có đất để sản xuất nên rất nhiều người trong xã rời bỏ quê hương để kiếm sống, người thì vào Nam, người thì xuống các tỉnh đồng bằng làm thuê, làm mướn. Trong lúc đó, Lâm trường Tân Lạc (thuộc Công ty Lâm nghiệp Hòa Bình) chỉ có 8 cán bộ (không có công nhân) mà quản lý những 2.000 ha đất rừng, tức mỗi người quản lý 250 ha. Người dân thì không có đất, lâm trường thì quá nhiều đất* ”.

Vì không có đất nên trong mấy năm qua, người dân xóm Nhót đã rủ nhau sản xuất trồng cây trên đất của Lâm trường Tân Lạc. Anh Nhịnh cho biết: “*Tôi cũng theo làng, theo xóm vào chiếm đất rừng của lâm trường được 3.000m2 đất để trồng keo, nhờ thế gia đình tôi đỡ khổ hơn trước, chúng tôi có tiền cho hai đứa con đến trường*”. Theo các hộ dân, từ số đất lấn chiếm để canh tác, bình quân mỗi gia đình có thêm 10 triệu đồng để trang trải cuộc sống, còn nếu làm thuê cho lâm trường thì mỗi năm chỉ được hơn 600.000 đồng.

Trao đổi với chúng tôi về việc xảy ra xâm lấn tranh chấp đất giữa lâm trường và người dân, ông Bùi Văn Huyền – Chủ tịch UBND xã Thanh Hối cho hay: “*Hiện nay lâm trường chủ yếu là cán bộ quản lý, không còn công nhân nên họ lấy đất cho hộ cá nhân ở bên ngoài xã thuê làm và thực tế là không hiệu quả. Không chỉ xã Thanh Hối mà các xã lân cận có đất lâm trường xảy ra tranh chấp đất rất nghiêm trọng giữa người dân và lâm trường. Tại địa bàn xã Thanh Hối, lâm trường quản lý 43ha, hiện dân lấn chiếm cả chục ha*”.

Không chỉ người dân ở xã Thanh Hối mà tất cả các xã khác trong huyện Tân Lạc đều mong muốn được giao đất để trồng rừng, sản xuất canh tác. “*Đảng, Nhà nước đang có chủ trương xóa đói, giảm nghèo, nên chúng tôi có nguyện vọng tạo điều kiện giao đất lại cho dân sản xuất để có công ăn việc làm, xóa nghèo*” – anh Nhịnh đề xuất. Về vấn đề này, ông Bùi Văn Huyền – Chủ tịch UBND xã Thanh Hối chia sẻ: “*Xã đã làm tờ trình nhiều năm kiến nghị cũng như trong các buổi tiếp xúc với các đoàn đại biểu QH, HĐND đã nhiều lần có ý kiến giao đất rừng lại cho người dân nhưng không có kết quả*”. Ông Bùi Văn Phư – Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm, huyện Tân Lạc, cũng đồng tình với quan điểm trên: “*Lâm trường chỉ có một số cán bộ khung, vậy nên thu hẹp lại diện tích để quản lý tốt hơn, còn thì giao đất lâm nghiệp cho người dân để họ canh tác, sản xuất*”.

*Theo Đình Thắng/ Dân Viêt, 30/05/2013*

**III. Các câu chuyện ở tỉnh Thừa Thiên Huế**

**Câu chuyện số 1. Một mô hình tốt về quản lý rừng theo nhóm hộ ở thôn 3 xã Hương Lộc, huyện Nam Đông**

*Mặc dù rừng được giao không được quản lý bởi toàn bộ các hộ gia đình, cá nhân trong thôn nhưng đến nay rừng của cộng đồng thôn 3, xã Hương Lộc vẫn được quản lý tốt, một số diện tích rừng đã được người dân phát dây leo bụi rậm và trồng một số loài cây gỗ, lâm sản ngoài gỗ để phát triển rừng. Đây là mô hình để khẳng định rằng không phải rừng phải được giao cho cộng đồng dân cư thôn mới được quản lý hiệu quả.*

Năm 2010, cộng đồng dân cư thôn 3, xã Hương Lộc, huyện Nam đông được giao 173,06 ha rừng tự nhiên sản xuất. Trước khi giao rừng, UBND xã đã tổ chức họp thôn và những người có nhu cầu nhận rừng, có đủ lao động và chưa có rừng được xem xét để được tham gia quản lý rừng cộng đồng. Ở thời điểm đó, có 34 hộ được lựa chọn để quản lý rừng cộng đồng trong tổng số 199 hộ của toàn thôn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thì một số hộ nhận thấy không có đủ nhân lực tham gia bảo vệ rừng nên đã xin rút ra khỏi danh sách của cộng đồng.

Để tổ chức quản lý rừng, toàn thể người dân trong cộng đồng đã bầu ra Ban quản lý rừng cộng đồng gồm Trưởng ban, Phó ban và Thư ký theo hình thức tín nhiệm. Ban quản lý rừng cộng đồng chịu trách nhiệm điều hành chung các hoạt động của cộng đồng. Ngoài ra, cộng đồng còn thành lập ra 6 nhóm quản lý bảo vệ rừng, có bầu ra nhóm trưởng và nhóm phó để điều hành các công việc. Để quản lý rừng có hiệu quả, cộng đồng đã xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm để dự kiến các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng. Bên cạnh đó, cộng đồng cũng đã xây dựng Quy ước bảo vệ và phát triển rừng để điều tiết các hoạt động liên quan đến rừng của các thành viên trong cộng đồng và người ngoài cộng đồng. Như vậy, có thể thấy mặc dù chỉ có một tỷ lệ nhỏ số người trong thôn tham gia quản lý bảo vệ rừng nhưng cộng đồng được tổ chức rất chặt chẽ, có hệ thống từ trên xuống dưới và công việc được quản lý dựa trên kế hoạch, Quy ước được lập ra.

Sau 4 năm hoạt động, cộng đồng đã đạt được những kết quả tích cực trong công tác bảo vệ và phát triển rừng. Cụ thể, cộng đồng đã trồng được 3.000 cây bản địa, 1.600 cây Dó bầu, 1.000 cây Kiền để làm giàu rừng. Ngoài ra, cộng đồng đã trồng được 7 ha Keo lai ở những diện tích đất trống. Bên cạnh đó, cộng đồng cũng đã trồng thêm các loài cây lâm sản ngoài gỗ để “lấy ngắn nuôi dài” như 500 gốc tre lấy măng, 500 cây Ba kích. Để xúc tiến tái sinh tự nhiên của các loài cây ở dưới tán rừng, cộng đồng cũng đã phát dây leo bụi rậm cho 12 ha rừng tự nhiên. Tính đến thời điểm này, cộng đồng đã đầu tư hơn 3.000 công để bảo vệ và phát triển rừng. Không những vậy, năm 2013, cộng đồng đã phát hiện và phối hợp với Kiểm lâm và UBND xã bắt giữ 0,7 m3 gỗ và nộp cho Kiểm lâm.

Từ câu chuyện rừng được quản lý tốt ở thôn 3, xã Hương lộc, một số đại diện của chính quyền và các ban ngành của huyện Nam đông khuyến nghị nên giao rừng cho các nhóm hộ trong thời gian tới. Ông Trương Xàng, hạt phó hạt kiểm lâm huyện Nam đông cho cho rằng cần thay đổi cụm từ “cộng đồng dân cư thôn” trong luật bảo vệ và phát triển rừng sắp tới vì *“không phải ai cũng muốn nhận rừng và cũng có nhiều người không đủ điều kiện để nhận rừng. Nếu chúng ta cứ phải bắt buộc tất cả họ cùng tham gia thì chắc chắn rừng sẽ không được quản lý hiệu quả*”. Cùng quan điểm trên, theo Ông Lại Quốc Khoa, cán bộ địa chính phụ trách nông-lâm nghiệp, xây dựng và môi trường xã Hương Lộc, “*giao rừng cho nhóm hộ tốt hơn giao cho cộng đồng dân cư thôn và cá nhân nhưng quy mô nhóm không nên quá lớn vì khó tìm được sự đồng thuận giải quyết vấn đề*”.

**Câu chuyện số 2. Không chứng minh được quyền làm chủ, nhóm hộ gặp nhiều khó khăn trong bảo vệ rừng được giao**

*Sau 3 năm nhận rừng, các nhóm hộ vẫn chưa được cấp “sổ đỏ” (GCNQSD đất lâm nghiệp) và các văn bản có tính pháp lý quy định cụ thể về quyền lợi, trách nhiệm, hướng dẫn xử lý vi phạm trong bảo vệ rừng. Người dân chưa đủ cơ sở pháp lý để chứng minh mình là chủ rừng, nên rất khó ngăn chặn, xử lý vi phạm. Điều này đã gây khó khăn trong việc tổ chức bảo vệ rừng của các nhóm hộ và ảnh hưởng đến niềm tin cũng như sự nhiệt tình của người dân.*

Vào khoảng giữa năm 2011, người dân thôn Quảng Thọ, xã Sơn Thủy, huyện A Lưới được UBND xã và Hạt Kiểm lâm huyện thông báo về việc giao rừng tự nhiên. Nhóm hộ do ông Trần Xuân làm nhóm trưởng gồm bốn hộ là Trần Thành, Trần Xuân, Trần Lệ và Trần Ngân cùng đăng ký và đã được giao 61,4 ha rừng để quản lý bảo vệ và hưởng lợi lâu dài.

Khu vực rừng nhóm hộ ông Xuân được giao giáp với các xã Hồng Hạ, A Ngo, có địa hình dốc và rất xa khu dân cư nên khó khăn cho việc đi lại tuần tra. Ông Thành, anh cả của bốn anh em, tâm sự: *“Bước đầu vất vả lắm, từ đây gùi cột mốc vào thấu trong rừng xa biết bao nhiêu mà chỉ toàn đi bộ thôi”*. Tuy nhiên cả bốn người vẫn hăng hái đi tuần tra bảo vệ rừng vì khi họp có nghe xã và kiểm lâm thông báo là sau này sẽ được hưởng lợi một phần trên chính rừng do mình bảo vệ. Ông Thành cho biết: *“khi nghe xã thông báo về đăng ký nhận rừng thì em xung phong liền vì mình nghĩ đất rừng thiên nhiên chừ giao cho mình gắn cho mình, tương lai về sau chừ em chưa hiểu được hết, nhưng mình cứ nhận để bảo vệ chớ họ cũng chẳng bắt mình trồng thêm hoặc làm gì khác mô mà ngại! Có chi ngoài khả năng thì mình báo cho chính quyền. Còn về tương lai, mình nhận bảo quản rừng hết đời mình thì tới đời con mình được hưởng tý gì đó, em nghĩ rứa thôi chứ không có chi mà đắn đo hết”.*

Là bốn anh em ruột, nên nhóm hộ của ông Xuân rất thuận lợi trong việc thống nhất ý kiến, tự phân công, tổ chức tuần tra, bảo vệ diện tích rừng đã nhận. Tuy nhiên, đã 3 năm rồi mà nhóm hộ của ông cũng chỉ mới nhận được Quyết định số 2200/QĐ – UBND của UBND huyện A Lưới cấp ngày 28/12/2011 về việc giao rừng tự nhiên cho các nhóm hộ và hộ gia đình cá nhân có kèm theo bản đồ khu vực rừng giao chứ chưa nhận được “Sổ đỏ” và những văn bản có tính pháp lý khác quy định cụ thể về quyền lợi, trách nhiệm khi nhận bảo vệ rừng của nhà nước. Trong quá trình quản lý, bảo vệ diện tích rừng được giao, nhóm hộ ông Xuân gặp nhiều khó khăn vì họ không biết căn cứ vào đâu để khẳng định quyền làm chủ của mình trên diện tích rừng đã nhận. Đề cập đến vấn đề này, ông Thành nói: *“khi nhận rừng họ có hướng dẫn kê khai, làm các loại giấy tờ và hứa là sau này sẽ cấp “sổ đỏ”, nhưng chừ đã 3 năm rồi mà các hộ và nhóm hộ nhận rừng ở thôn ni vẫn chưa có. Nhiều khi đi rừng, gặp người ngoài chặt gỗ mình cũng không xử lý được vì không có chi để chứng minh là mình có quyền để ngăn cản họ, nhiều khi còn bị họ đe dọa nữa,…”*. Cùng chung tình trạng với nhóm hộ của anh em ông Thành là nhóm hộ của ba anh em ông Bùi Hữu Kính, Bùi Hữu Vinh, Bùi Hữu Thắng, do ông Kính làm trưởng nhóm đang nhận quản lý, bảo vệ 60,8 ha rừng tự nhiên trong thôn. Ông Kính cho biết: *“để có thể giúp và khuyến khích việc tuần tra, bảo vệ rừng tốt cần khắc phục hai vấn đề, thứ nhất là cần có thủ tục pháp lý đầy đủ giúp các hộ dân có quyền để bảo vệ rừng vì hiện tại, các quyền để nói và ngăn cản họ mình cũng chưa có, có nghĩa như chừ em phát hiện là họ cưa gỗ tại rừng của em, em vào cản họ, nếu không được chỉ biết đi báo với địa phương và kiểm lâm địa bàn chớ cũng không thể làm răng được. Thứ hai là phải có quyền lợi cho những người bảo vệ rừng để họ chi phí một phần công cán đi lại tuần tra, tránh sự bất mãn, thiệt thòi, không tâm huyết…”*

Trong khi chờ “Sổ đỏ” để khẳng định quyền của người nhận rừng và thuận lợi hơn trong công việc bảo vệ rừng, các hộ và nhóm hộ nhận rừng ở thôn Quảng Thọ vẫn cố gắng duy trì việc tuần tra, bảo vệ rừng. Họ cũng thấy rằng từ ngày giao rừng, rừng được bảo vệ tốt hơn trước đây và tình trạng phát rừng làm rẫy đã không còn nữa. Nếu được khẳng định được quyền của người dân gắn với rừng thì họ sẽ yên tâm và sẽ làm được nhiều điều tốt hơn, như lời ông Thành chia sẻ: *“nếu được cấp “sổ đỏ” và những văn bản có tính pháp lý quy định cụ thể rõ ràng về quyền lợi của người nhận rừng, về xử lý vi phạm là mình có cơ sở để nói và ngăn chặn không cho họ vào phá rừng của mình. Nếu có được thêm hỗ trợ ban đầu cho các hộ nhận rừng, dù ở mức tối thiểu là 50.000 – 100.000 đồng/ha/năm, tùy theo rừng xa hay gần thì mình sẽ vận động các hộ dân cùng góp công làm đường tuần tra để đi lại dễ dàng hơn, chứ hiện tại việc đi lại tuần tra cũng rất gian nan…”.*

Liên quan đến việc chậm cấp “Sổ đỏ” cho các hộ và nhóm hộ nhận rừng ở địa phương, ông Đào Viết Thắng, cán bộ địa chính xã Sơn Thủy cho biết: *“Việc giao rừng bên Hạt kiểm lâm chủ động làm tất cả, ở góc độ của xã khi kiểm lâm đưa hồ sơ về, xã đã trình qua ủy ban và sau đó chuyển lên phòng TNMT huyện, nhưng có vướng là từ năm 2012, đối với hộ gia đình và cộng đồng dân cư thuộc dân tộc thiểu số thì được cấp GCNQSD trước, còn đối với hộ gia đình và nhóm hộ người Kinh thì chưa được. Sang đến năm 2013, nghe thông tin ở phòng Tài nguyên bảo là đối với người Kinh thì trường hợp hộ gia đình nhận rừng thì được cấp, còn nhóm hộ thì không được cấp! Đó là lý do mà vướng đến hiện tại giờ chừ các nhóm hộ vẫn chưa được cấp GCNQSD đất rừng”*. Tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trực tiếp giải quyết việc cấp GCNQSD đất rừng cho nhóm hộ, ông Đoàn Quang Pháp, chuyên viên phòng TNMT huyện A Lưới cho biết: *“ Phòng đã nhận được hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của xã Sơn Thủy, tuy nhiên trong đó có những trường hợp giao theo nhóm hộ, bên kiểm lâm hướng dẫn lập hồ sơ theo nhóm hộ, trong khi theo các văn bản pháp lý hiện hành chỉ cho phép cấp theo hộ gia đình và cộng đồng dân cư thôn; do vậy chưa thể căn cứ vào đâu để hoàn tất việc cấp GCNQSD đất lâm nghiệp cho nhóm hộ được! Hiên tại phòng cũng đang xem xét và sẽ phối hợp với hạt kiểm lâm để tìm cách giải quyết cho dân một cách hợp lý”.* Ông Pháp cũng chia sẻ thêm về hướng tháo gỡ việc chậm cấp “Sổ đỏ” này như có thể thảo luận lại với nhóm hộ để họ thống nhất nhận rừng theo cộng đồng thôn, hoặc làm hồ sơ giao rừng theo hướng đồng quản lý, sử dụng.

**Câu chuyện số 3. Xử lý việc khai thác gỗ trái phép ở rừng tự nhiên gây lãng phí tài nguyên, chủ rừng cũng không được hưởng lợi gì**

*Sau 3 năm được giao rừng tự nhiên, mặc dù người dân đã dùng “cơm nhà, tiền nhà” để quản lý bảo vệ rừng, chưa nghĩ nhiều đến việc hưởng lợi từ rừng. Nhưng cách xử lý hiện nay của các cơ quan chức năng khi xảy ra việc khai thác gỗ trái phép trên những diện tích rừng được giao đang gây nhiều bức xúc cho người dân và làm giảm ý chí bảo vệ rừng của họ.*

Năm 2011, nhóm hộ của ông Đào Viết Thắng ở thôn Quảng Thọ, xã Sơn Thủy, huyện A Lưới gồm 4 thành viên được giao quản lý bảo vệ 5 lô rừng tự nhiên với tổng diện tích 33,1 ha. Các lô rừng này thuộc loại rừng phòng hộ và rừng sản xuất nhưng ở trạng thái là rừng nghèo, có trữ lượng gỗ bình quân từ 65 - 85 m3/ha. Các hộ nhận rừng ngoài mục tiêu giữ được rừng cho thế hệ mai sau còn mong muốn trở thành người chủ rừng thực sự, được hưởng thêm thu nhập do rừng mang lại. Với mục tiêu như vậy, mặc dù rừng được giao ở khá xa khu dân cư, đường sá đi lại khó khăn, có nơi phải đi bộ mất cả ngày đường, nhưng do trách nhiệm nên nhóm hộ này vẫn *“bới cơm, bới nước”* đi tuần tra bảo vệ rừng hàng tháng.

Vào tháng 6/2014, trong lúc đi tuần tra, nhóm hộ của anh Thắng đã phát hiện người trong xã vào khai thác 1,5 m3 gỗ tại khu rừng được giao cho nhóm mình. Các thành viên trong nhóm đã yêu cầu người vi phạm dừng lại và báo cho chính quyền xã Sơn Thủy và Hạt Kiểm lâm A Lưới xử lý. Mặc dù đường xa và dốc, địa hình hiểm trở nhưng các thành viên trong nhóm hộ đã tích cực hỗ trợ lực lượng Kiểm lâm thu giữ và vận chuyển toàn bộ số gỗ vi phạm về Hạt Kiểm lâm A Lưới để chờ xử lý. Tuy nhiên, cách xử lý vụ việc của cơ quan kiểm lâm khiến cho các thành viên trong nhóm hộ băn khoăn như lời chia sẻ anh Dương Minh Luận, một thành viên trong nhóm: *“Vì sao rừng đã được giao cho chúng tôi quản lý bảo vệ, khi phát hiện vi phạm chúng tôi đã báo cáo cho chính quyền địa phương và lực lượng kiểm lâm cùng xử lý, tham gia cùng lực lượng kiểm lâm vận chuyển gỗ vi phạm về Hạt nhưng khi họ xử lý thì chúng tôi không được biết kết quả và cũng không được hưởng bất cứ một khoản hỗ trợ nào?”*. Sự việc này cũng đã xảy ra tương tự ở thôn 3, xã Hương Lộc, huyện Nam Đông khi người dân đem gỗ vi phạm về giao nộp cho kiểm lâm xử lý nhưng không nhận được thông tin phản hồi về kết quả xử lý như thế nào cũng như không được hỗ trợ công vận chuyển gỗ từ rừng về cơ quan kiểm lâm. Đặc biệt hơn, có trường hợp sau khi bắt giữ được gỗ khai thác trái phép, do đường sá đi lại khó khăn, kiểm lâm không vận chuyển được gỗ từ rừng về nên phải hủy gỗ ở rừng. Điều này đã gây lãng phí tài nguyên rừng trong khi chủ rừng lại có nhu cầu sử dụng gỗ đó.

Việc giải quyết các trường hợp khai thác gỗ trái phép ở rừng được giao như vậy đã tạo ra tâm lý bức xúc và làm mất nhiệt huyết của các chủ rừng trong việc bảo vệ rừng:*“Chúng tôi mặc dù đời sống còn nhiều khó khăn, vất vả nhưng thực hiện chủ trương của Nhà nước đã mạnh dạn nhận để quản lý bảo vệ rừng. Trong 3 năm qua chúng tôi tự bới cơm bới nước chẳng quản khó khăn đi tuần tra bảo vệ. Khi thấy rừng của mình quản lý bị phá, chúng tôi cũng thấy xót lắm. Nhưng buồn hơn khi nhận thấy mình chẳng có quyền lợi gì từ khu rừng đó cả. Nếu cứ theo đà này chắc chúng tôi cũng không đi tuần tra bảo vệ như trước nữa. Nếu có gặp trường hợp vi phạm cũng chẳng muốn báo cáo, vừa đỡ mất công sức vừa đỡ nguy hiểm, đỡ tốn tiền điện thoại lại không phải mất lòng người khác – thậm chí là không bị quở trách vì giữ rừng mà để xảy ra khai thác trái phép”.* Không những thế, điều này còn tạo ra sự ngờ vực của chủ rừng về việc giao rừng cho họ: *“Chúng tôi không biết vai trò của mình có phải là chủ rừng hay không, khi mà chúng tôi mất công mất sức bảo vệ rừng nhưng khi phát hiện được trường hợp khai thác gỗ trái phép thì cuối cùng cũng mất đi số gỗ đó” -* anh Luận nói thêm.

Trao đổi về vấn đề này, ông Mai Văn Tâm, Trưởng phòng Quản lý bảo vệ rừng - Chi cục Kiểm lâm Thừa Thiên Huế là một người có nhiều kinh nghiệm thực tế trong công tác quản lý bảo vệ rừng chia sẻ: *“Thực tế cho thấy Nhà nước giao rừng nhưng vẫn xem rừng là tài nguyên nên chủ rừng không được hưởng khối lượng gỗ bị khai thác trái phép đó. Theo quy định ở Nghị định 157/2013/NĐ-CP thì chủ rừng chỉ được nhận lại gỗ vi phạm khi bắt được quả tang người vi phạm khai thác gỗ trái phép tại lâm phần của mình. Nhưng thực tế điều đó rất khó thực hiện vì các đối tượng vi phạm không bao giờ chấp nhận đứng yên, đợi cơ quan chức năng tới xử lý”.*

Theo các nhóm hộ nhận rừng, để họ có thể quản lý bảo vệ tốt những diện tích rừng được giao thì Nhà nước cần quy định cụ thể về quyền lợi và trách nhiệm của các chủ rừng cũng như có chế tài thưởng phạt rạch ròi để động viên khích lệ kịp thời đối với những chủ rừng làm tốt cũng như nhắc nhở, răn đe đối với những chủ rừng chưa hoàn thành trách nhiệm.Còn ông Đào Quang Lợi, Chủ tịch Mặt trận xã Sơn Thủy cũng là một thành viên của Ban phát triển rừng của xã đề xuất: *“Chúng tôi cũng không mong đợi hay đòi hỏi gì nhiều. Chỉ cần hằng năm có buổi tổng kết đánh giá hoạt động quản lý bảo vệ rừng của các chủ rừng trên địa bàn để biểu dương, khen thưởng những chủ rừng là người dân quản lý bảo vệ tốt. Đây có thể xem như sự ghi nhận của chính quyền, của xã hội đối với những cố gắng, nỗ lực của chúng tôi trong công cuộc quản lý, bảo vệ rừng”.* Bên cạnh đó, các chủ rừng cũng muốn được Nhà nước công nhận quyền sở hữu thực sự của họ đối với những diện tích rừng được giao chứ không chỉ trên danh nghĩa: *“Nếu Nhà nước thực sự giao rừng cho chúng tôi quản lý thì lẽ ra những tài nguyên rừng tại những lâm phần được giao phải thuộc sở hữu của chúng tôi. Khi đó chúng tôi tự có trách nhiệm quản lý bảo vệ tài sản đó và chính quyền hay lực lượng kiểm lâm chỉ cần hỗ trợ thêm cho chúng tôi. Hiện tại chúng tôi nhận thấy mình chưa phải là chủ thực sự của những khu rừng được giao nên đôi lúc cũng chưa tâm huyết lắm trong việc quản lý bảo vệ rừng” –* Anh Thắng nói lên mong muốn của mình*.*

**Câu chuyện số 4. Phát hiện khai thác gỗ trái phép ở rừng được giao, chủ rừng có quyền gì để xử lý?**

*Mặc dù là chủ rừng, nhưng khi phát hiện rừng của gia đình mình bị lâm tặc khai thác gỗ trái phép thì anh Trương Quang Lâm (xã Sơn Thủy, huyện A Lưới) đành phải nhìn các đối tượng đó vận chuyển gỗ ra khỏi rừng vì không thể tạm giữ cũng như lập biên bản số gỗ vi phạm đó được.*

Năm 2011, hưởng ứng chương trình giao rừng tự nhiên do Hạt kiểm lâm huyện A Lưới phát động, gia đình anh Trương Quang Lâm đã nhận 10 ha rừng tự nhiên để quản lý bảo vệ. Sau khi giao rừng, Hạt kiểm lâm huyện đã tổ chức nhiều cuộc họp để tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ nên người dân đã có trách nhiệm bảo vệ rừng. *“Khi nào tôi đi chăm sóc rừng trồng thì tôi cũng luôn tiện đi thêm một quãng đường nữa để coi ngó rừng tự nhiên được giao”,* anh Lâm chia sẻ.

Dù rừng đã được giao cho hộ gia đình quản lý nhưng vẫn bị các đối tượng trong và ngoài xã khai thác trái phép. “*Năm 2012, trong khi đi tuần tra rừng tôi đã phát hiện 5 đối tượng khai thác gỗ trái phép. Khi tôi bắt gặp thì họ đã hạ cây và ra gỗ rồi. Khi đó vì họ đi đông mà tôi chỉ có hai anh em nên tôi chỉ khuyên nhủ họ: đây là rừng đã được giao, các anh không được khai thác trái phép”,* anh Lâm nói*. “Tuy nhiên, họ không nghe lời của tôi mà còn làm căng thẳng, họ còn nói:* *anh có quyền chi mà bắt tui, rừng ni là rừng tự nhiên”. “Do tôi làm cán bộ quân sự xã nên biết mình không có quyền tạm giữ nên cũng không biết làm gì. Hơn nữa, từ Hạt kiểm lâm vào rừng của gia đình tôi mất khoảng 2 - 3 tiếng nên nếu báo thì người vi phạm cũng trốn thoát nên tôi đành nhìn họ vác 3 tấc gỗ ra về”,* anh Lâm bất lực kể. Anh còn nói thêm: *“rừng đã giao cho chúng tôi rồi mà khi phát hiện khai thác gỗ trái phép mà chúng tôi cũng không được tạm giữ, kiểm lâm thì không phải lúc nào cũng sẵn sàng, kịp thời để phối hợp xử lý thì chúng tôi rất khó quản lý rừng. Vô rừng thì ai cũng như ai, nếu tôi không có quyền gì thì không xử lý họ được, không khéo làm căng thì họ còn hành hung mình”.* Do đó, anh Lâm kiến nghị trong thời gian tới nên bổ sung thêm một số quyền cho chủ rừng như tạm giữ gỗ, lập biên bản vi phạm để chủ rừng có thể thuận lợi hơn trong việc giải quyết vi phạm.

Trao đổi chúng tôi về vấn đề này, anh Nguyễn Đăng Huy Cường, cán bộ kỹ thuật của Hạt Kiểm lâm A Lưới cho biết: “*Trong trường hợp như vậy, các chủ rừng phải điện báo ngay cho UBND xã và kiểm lâm địa bàn hoặc kiểm lâm của Hạt biết để phối hợp kiểm tra xử lý sớm. Người giữ rừng nếu có điều kiện thì cũng nên quay clip hoặc chụp ảnh cung cấp các tang chứng vật chứng cho cơ quan chức năng có cơ sở giải quyết*”. Anh Cường cũng nói thêm: “*Trong thời gian tới chúng tôi cũng sẽ kiến nghị các cơ quan cấp trên tăng thêm quyền cho các chủ rừng là người dân để họ chủ động quản lý bảo vệ được các diện tích rừng được giao chứ không phải lúc nào chúng tôi cũng đủ lực lượng để cùng đi tuần tra kiểm soát rừng với họ*”.

**Câu chuyện số 5. Không có hưởng lợi, hộ gia đình không còn muốn giữ rừng**

*Hưởng ứng chủ trương giao rừng tự nhiên của tỉnh Thừa Thiên Huế, nhiều hộ gia đình ở xã Hương Lộc huyện Nam Đông đã tích cực nhận rừng. Tuy nhiên trách nhiệm và sự nhiệt tình trong quản lý bảo vệ rừng của các chủ rừng này ngày càng bị giảm sút do họ không được hưởng lợi gì từ các khu rừng được giao.*

Được sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật của dự án SNV-FORHUE, UBND huyện Nam Đông tỉnh Thừa Thiên Huế đã giao 350 ha rừng tự nhiên là rừng sản xuất cho 58 hộ gia đình ở xã Hương Lộc. Trung bình mỗi hộ được nhận từ 5 – 20 ha rừng tùy thuộc vào việc “bốc xăm” được diện tích rừng to hay nhỏ. Cùng với việc được nhận rừng thì người dân cũng được chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp (sổ đỏ) với thời hạn là 50 năm. Đây cũng là một trong một vài trường hợp thí điểm giao rừng tự nhiên cho hộ gia đình đầu tiên ở tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến thời điểm hiện nay.

Theo các hộ dân nhận rừng ở xã Hương Lộc, ban đầu thì người nhận rừng rất phấn khởi vì kỳ vọng sẽ chuyển đổi được một số diện tích cây bụi và lau lách sang trồng rừng kinh tế. Hơn nữa, nếu đầu tư công sức chăm sóc và bảo vệ rừng tốt thì sau này chủ rừng sẽ được khai thác các loại lâm sản và hưởng lợi ít nhiều. Tuy nhiên sau 10 năm nhận rừng thì động lực và sự nhiệt tình trong quản lý bảo vệ rừng của hộ gia đình đã không còn như trước nữa. Chỉ có một vài trường hợp hiếm hoi như hộ ông Hoàng Trai ở thôn 3 được UBND huyện cho phép chuyển đổi 3.5 ha đất trống sang trồng rừng keo và cây cao su hay hộ ông Trần Đình Tánh ở thôn 1 được cho chuyển đổi 2 ha rừng dây leo bụi rậm sang trồng keo từ năm 2007-2008 thì các hộ này còn đầu tư công bảo vệ, chăm sóc rừng của mình. Số còn lại thì đã nhiều năm nay không còn quan tâm đến diện tích rừng đã được nhà nước giao, thậm chí nhiều hộ từ năm 2012 đến nay đã không ghé thăm rừng nhà mình lần nào nữa, không biết tình trạng của rừng bây giờ ra sao. Ông La Lạc, người được giao 9.6 ha rừng cho biết: “*Hầu hết rừng nhà nước giao cho gia đình tôi đều là rừng nghèo, rừng dây leo bụi rậm nên sau 10 năm quản lý bảo vệ thì cũng không thấy cây rừng phát triển được bao nhiêu. Không biết đến bao giờ tôi mới được khai thác các gỗ trong rừng để sử dụng*”. Còn ông Phan Thị, người có 7 ha rừng nhưng hơn một năm nay chưa đi kiểm tra rừng lần nào thì tâm sự: “*Nhà tôi cũng như đa số dân ở đây rất ít khi đi vào rừng để tuần tra, vì rừng nghèo quá nên chắc không có ai lên phá, hơn nữa trong rừng cũng không có cây con gì có giá trị để mà bảo vệ*”.

Câu chuyện về người dân không còn quan tâm đến việc bảo vệ và phát triển rừng của hộ gia đình đã được ông Mai Yên, PCT UBND xã Hương Lộc giải thích thêm: “*Tất cả chỉ là do nhà nước chưa có chính sách nào hiệu quả hỗ trợ hay hưởng lợi gì cho các chủ rừng là hộ gia đình và cộng đồng. Rõ ràng là người nhận rừng có một trách nhiệm nặng nề là phải bảo vệ rừng của nhà nước theo các điều khoản đã qui định trong pháp luật, trong khi đó họ lại chưa được hưởng lợi gì từ những diện tích rừng nghèo này nên họ bỏ bê rừng cũng phải. UBND xã cũng rất muốn tạo điều kiện cho người dân được chuyển một phần các diện tích rừng này sang trồng rừng kinh tế để bà con có thêm nguồn thu nhập sau này, ngặt một nỗi là phải có chủ trương hay văn bản của cấp trên mới thực hiện được nên xã rất khuyến khích người dân làm đơn để xã đề nghị các cấp giải quyết*”. Còn ông Trần Quốc Phụng, PCT UBND huyện Nam Đông thì mong muốn các chính sách hỗ trợ người dân phải được điều chỉnh bổ sung hay ban hành mới để thúc đẩy người dân giữ rừng chứ không thì rừng sẽ mất hết. Ông Phụng nói: “*Quyết định 178 của Chính phủ về hưởng lợi của người dân được ban hành từ năm 2001 đến nay hầu như không áp dụng được vào thực tế vì quá bất cập và quá phức tạp. Chúng ta cần phải đề xuất Chính phủ bổ sung hay thay đổi chính sách này để làm thế nào người dân sống được với rừng, có như vậy họ mới hăng hái tham gia bảo vệ rừng được*”.

**Câu chuyện số 6. Quyền sử dụng rừng sản xuất của các hộ gia đình sau giao rừng không được đảm bảo**

*Sau 10 năm nhận rừng mà không nhận được sự hỗ trợ nào của chính quyền hay hưởng lợi nào từ rừng, 30 hộ dân ở thôn 3 xã Hương Lộc lại không được canh tác trên đất rừng sản xuất được giao. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến sinh kế của người dân và tài nguyên rừng*.

Vào năm 2003, 30 hộ dân ở thôn 3 xã Hương Lộc huyện Nam Đông được nhà nước giao rừng tự nhiên theo hình thức giao rừng cho hộ gia đình. Theo đó, mỗi hộ được giao từ 5 – 7 ha rừng sản xuất là rừng tự nhiên có trạng thái nghèo. Trong đó, khoảng 10 hộ gia đình có nhiều diện tích đất trống hoặc chỉ có dây leo bụi rậm xen kẻ trong rừng được giao. Trong suốt 10 năm, 30 hộ tự tổ chức tuần tra bảo vệ rừng, chăm sóc rừng được giao mà không nhận được bất cứ hỗ trợ hay phối hợp nào từ chính quyền các cấp và các ban ngành liên quan.

Vì không có nguồn thu nào từ rừng, một số hộ đã kiến nghị với các cấp chính quyền qua các cuộc họp để yêu cầu cho phép họ canh tác trên các vùng đất trống xen kẻ trong rừng. Thực tế, ngoài hộ ông Hoàng Quang Trai là nhận được sự đồng ý của Hạt kiểm lâm huyện và chính quyền, các hộ khác không nhận được phúc đáp từ bất cứ bên liên quan nào.

Những vần đề trên đã gây ra rất nhiều hệ lụy lên cả đời sống của 30 hộ gia đình và tài nguyên rừng. Trước hết, rừng bị chuyển đổi bởi các thành viên nhận rừng. Trong đó, hộ ông Lê Thảo đã tự ý chuyển đổi một số diện tích rừng tự nhiên thành rừng trồng trái phép đã bị chính quyền phạt và yêu cầu phục hồi rừng hay hộ ông Đặng Hữu Vinh tự chuyển đổi toàn bộ rừng tự nhiên sang trồng cây Keo nên đã bị chính quyền tịch thu GCNQSD đất.

Trao đổi với nhóm tham vấn, các hộ nhận rừng đề xuất cần có một văn bản hay chính sách hỗ trợ các hộ gia đình, trong đó quy định rõ quyền và lợi ích mà hộ gia đình nhận được khi được giao rừng. Các hộ cũng đề xuất UBND xã Hương Lộc, kiểm lâm huyện cần xác định lại hiện trạng rừng của các hộ, sau đó cho phép các hộ có đất trống được trồng Keo hợp pháp để cải thiện sinh kế. Bên cạnh đó, đối với các hộ bảo vệ rừng tốt, chính quyền và hạt kiểm lâm cần thúc đẩy chi trả dịch vụ môi trường rừng và phí hấp thụ CO2 trong tương lại.

Chính quyền địa phương và các ban ngành chức năng cũng biết những hạn chế về quyền của các hộ nhận rừng nhưng chưa có một quyết định cụ thể nào được đưa ra để giải quyết. Ông Lại Quốc Khoa, cán bộ địa chính phụ trách nông nghiệp, xây dựng và môi trường của xã Hương Lộc cho biết: *“trồng rừng sản xuất lên đất trống là yêu cầu chính đáng của các hộ nhận rừng và Ban địa chính xã rất muốn tạo điều kiện cho các hộ canh tác nhưng thủ tục khá mới mẻ nên chưa có kinh nghiệm để làm và không biết nhờ ai tư vấn thủ tục pháp lý”.* Còn theo ông Phan Thế Xê, Trưởng phòng TNMT huyện Nam Đông thì: “*Trước đây,* *dự án chỉ chạy theo tiến độ khi GĐGR cho các hộ mà không quan tâm đến quyền và lợi ích của người dân. Việc hưởng lợi theo QĐ 178/2001 là rất mơ hồ bởi lâm sản ngoài gỗ không đáng giá, cơ chế khai thác là quá khó, hơn nữa việc ăn chia phần trăm từ lượng tăng trưởng thêm của rừng là ảo tưởng vì rừng không có cây gỗ giá trị thì lấy đâu mà chia*”. Ông Xê cho rằng cần cho phép người dân được canh tác trên đất trống trong các lô rừng tự nhiên để cải thiện sinh kế thì mới có động lực để khuyến khích người dân nhận rừng và giữ rừng.

**Câu chuyện số 7. Không cơ quan nào cho phép tận thu gỗ, chủ rừng đành để gỗ mục trong rừng**

*Xin tận thu các cây gỗ bị gãy đổ do thiên tai trong rừng đã giao cho hộ gia đình để làm đồ gia dụng tưởng như là việc đơn giản. Tuy nhiên do không biết cơ quan nào cho phép hoặc chịu trách nhiệm giải quyết sự việc nên người dân đành phải để gỗ bị mục nát trong rừng.*

Hộ gia đình ông Trần Đình Tánh ở thôn 1 xã Hương Lộc được giao quản lý bảo vệ 20.5 ha tự nhiên là rừng sản xuất từ năm 2003 theo chương trình giao rừng tự nhiên cho hộ gia đình của huyện Nam Đông tỉnh Thừa Thiên Huế. Mặc dù nhiều hộ khác trong xã nhận được rừng nghèo hoặc diện tích ít thì nhà ông may mắn “bốc xăm” được mảnh rừng còn nhiều cây gỗ Chò, Đào, Huệnh… to, nếu bảo vệ tốt thì sau một thời gian nữa có thể khai thác để làm nhà hoặc làm gỗ gia dụng trong gia đình. Ông rất phấn khởi vì điều này nên cũng đầu tư rất nhiều công sức để bảo vệ, chăm sóc rừng hơn những người khác.

Đến năm 2006, cơn bão số 6 quét qua tỉnh Thừa Thiên Huế đã làm gãy đổ đến hơn 40-50% số cây gỗ trong rừng của ông Tánh cũng như của nhiều hộ khác trong thôn xóm. Lúc đó ông đã làm đơn gửi UBND huyện Nam Đông, Phòng NN&PTNT và Hạt Kiểm lâm huyện Nam Đông xin tận thu số gỗ này về sử dụng trong gia đình. Sau đó UBND xã Hương Lộc và các cơ quan chức năng của huyện Nam Đông đã cử cán bộ đến tận rừng của ông Tánh để kiểm tra và xác nhận là có 30.237 m3 gỗ bị gãy đổ do bão gây ra có thể tận thu được. Dựa vào sự xác nhận này, một lần nữa ông Tánh lại làm đơn đề nghị các ban ngành cho phép ông được đem số gỗ trên về nhà nhưng sau nhiều năm tháng vẫn không cơ quan nào đứng ra giải quyết yêu cầu của ông cả. Ông Tánh kể: “*tôi không chỉ làm đơn xin tận thu số gỗ bị gãy đổ do bão số 6 năm 2006 mà còn làm đơn xin tận thu số gỗ bị gãy đổ do cơn bảo số 9 năm 2009 gây ra nữa. Đơn của tôi đã được xã Hương Lộc xác nhận, cán bộ huyện cũng đã về tận rừng xác minh là đúng sự thật nhưng rồi khi gửi lên huyện thì cuối cùng không có ai trả lời cho tôi là tôi có được phép sử dụng số gỗ hư trong rừng của tôi hay không. Đến bây giờ thì số gỗ bị gãy đổ do bão không còn nữa do một phần đã bị mục nát, một phần khác do người ngoài vào cưa trộm hết. Gia đình tôi rất bức xúc nhưng không biết phải làm sao*”.

Câu chuyện đơn xin tận thu gỗ của hộ gia đình ông Trần Đình Tánh không được giải quyết đã được chính quyền và các cơ quan QLNN xác nhận là có thật. Ông Mai Yên, Phó CT UBND xã Hương Lộc cho biết: “UBND xã đã xác nhận vào đơn của ông Tánh và cũng đã chuyển đơn của ông lên các cấp ở huyện đề nghị giải quyết. Tôi được biết là đơn của ông Tánh đã được chuyển lòng vòng từ Hạt Kiểm lâm sang Phòng NN&PTNT rồi chuyển lại Hạt Kiểm lâm nhưng rồi cũng không rõ ai là cơ quan cuối cùng có trách nhiệm giải quyết được yêu cầu của ông Tánh”. Ông Xàng, Hạt phó Hạt KL huyện Nam Đông giải thích: “*Đúng là Hạt Kiểm lâm huyện có nhận được đơn đề nghị tận thu gỗ bị gãy đổ do bão của hộ ông Trần Đình Tánh, nhưng vì chưa có văn bản nào hướng dẫn Hạt Kiểm lâm huyện giải quyết trường hợp này nên chúng tôi cũng không biết phải xử lý như thế nào*”. Còn ông Mai Văn Tâm, Trưởng phòng Quản lý Bảo vệ rừng của Chi cục Kiểm lâm tỉnh, nguyên Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện thỉ cho rằng ở thời điểm đó, do chưa phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của cả Hạt Kiểm lâm cũng như Phòng NN&PTNT huyện trong việc tư vấn cho UBND huyện giải quyết các trường hợp tận thu gỗ từ rừng đã giao cho người dân nên cả chính quyền và các cơ quan chuyên môn đều rất lúng túng.

Khi được hỏi liệu việc nhà nước không giải quyết được số cây gỗ bị gãy đổ từ rừng tự nhiên cho dân sử dụng có làm giảm động cơ bảo vệ rừng của hộ gia đình không thì ông Tánh thẳng thắng trả lời: “*Gia đình tôi quản lý bảo vệ rừng cũng mong được sống nhờ rừng. Nhưng nếu như các cây gỗ bị chết trong rừng mà còn không được cấp trên cho sử dụng thì còn nói chi đến chuyện sau này xin khai thác các cây gỗ còn sống. Tôi đề nghị phải có chính sách hay thủ tục hướng dẫn cho người dân được hưởng lợi từ rừng tương ứng với các trách nhiệm bảo vệ rừng của họ. Chứ nếu không thì trong vòng vài năm nữa mà vẫn không được hưởng lợi ích gì thì dân chúng tôi cũng không muốn giữ rừng nữa để làm gì*”.

**Câu chuyện số 8. Bất cập từ chương trình đổi đất rừng ở Khu tái định cư Thủy điện A Lưới**

*Sau 03 năm tái định cư để nhường đất cho dự án Thủy điện A Lưới đầu tư bởi Công ty Thủy điện Miền Trung, chính quyền và ban ngành các cấp ở Huyện A Lưới đang bế tắc trong việc giải quyết đất sản xuất và trồng rừng cho người dân xã Hồng Thượng.*

Để phục vụ cho dự án Thủy điện A Lưới, 106 hộ dân ở xã Hồng Thượng đã đồng ý chuyển đến thôn tái định cư A Sáp và A Đên vào tháng 10 năm 2011 để nhường đất cho dự án. Ở làng cũ, các hộ dân có cuộc sống khá ổn định (trung bình mỗi hộ có 5.000-15.000 m2 đất nông nghiệp để trồng hoa màu và lúa nước cộng với 7.000- 10.000 m2 đất lâm nghiệp để trồng rừng keo).

Ở thôn tái định cư mới, cả hoạt động sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp của người dân hiện đang bị ảnh hưởng rất lớn bởi thủy điện A Lưới. Ở thôn tái định cư, 106 hộ dân được cấp hơn 25 ha đất để khai hoang phục vụ cho sản xuất lúa nước. Thực tế, đất nông nghiệp ở nơi tái định cư mới “thừa đá nhưng thiếu nước” như chia sẽ của anh A Viết Huy, trưởng thôn A Sáp. Sau 03 năm cải tạo (nhặt đá) với sự đốc thúc của Trạm khuyến nông huyện A lưới, chỉ 9.4 ha đất có thể trồng lúa nước nhưng cả mùa hè và mùa mưa đều thiếu nước tưới tiêu bởi đường ống dẫn nước dài nên rất dễ vỡ bởi đá và cây gỗ vào mùa mưa, trong khi mùa hè không có nước do năng lực tưới tiêu hạn chế của công trình thủy lợi. 15 ha đất còn lại không thể canh tác vì cải tạo là công việc quá sức đối với cả cộng đồng thôn A Sáp và A Đên.

Toàn thôn được cấp đổi 92.72 ha đất lâm nghiệp để trồng rừng nhưng có 17 hộ có tranh chấp đất rừng với các hộ sống ở vành đai thôn tái định mới. Theo anh Hồ Văn Lia, một chủ hộ có 7.917 m2 đất lâm nghiệp đang bị tranh chấp từ năm 2011 thì nguyên nhân là do việc qui hoạch đất rừng không chính xác, đất được cấp cho các hộ tái định cư bị chồng lấn trên đất của các hộ vùng tiếp giáp nên dẫn đến tranh chấp đất rừng kéo dài trong thời gian qua. Do đất đang tranh chấp nên cả chủ cũ và chủ mới đều không sử dụng được đất của mình.

Tình trạng ngưng không cho người dân trồng rừng, sản xuất trên đất dự kiến qui hoạch thành khu tái định cư mà không đền bù thỏa đáng cũng xảy ra đối với nhiều hộ gia đình ở xã Hồng Thượng. Anh Hồ Văn Thắm, một hộ bị ngưng sản xuất 5 năm nói: “*Nhà tôi có 8.1 ha đất rừng, đã trồng được 3 ha cây keo từ năm 2005. Đến năm 2008 thì ban dự án nói đất này đã được qui hoạch thành khu tái định cư nên phải ngưng sản xuất. Bên Thủy điện có kiểm kê đo đếm và sau đó đền bù 40 triệu đồng. Đến năm 2012 thì dự án lại cho phép tôi được sử dụng lại đất với lý do là không qui hoạch thành khu tái định cư nữa*”. Anh Thắm tâm sự thêm: “*Đó là do nhà tôi may mắn mới được đền bù, còn ba tôi là ông Hồ Viết Thành có tới 11 ha rừng keo 3 năm tuổi cũng bị ngưng sản xuất như vậy nhưng đến nay vẫn không được đền bù đồng nào*”. Còn ông Nguyễn Văn Hội có 4 ha rừng keo 3 năm bị ngưng sản xuất thì cho biết: “*Họ có làm kiểm kê, đo đếm số cây bị thiệt hại sau đó đền bù cho gia đình tôi 20 triệu đồng. Có điều là tôi không biết đây là tiền đền bù về đất hay đền bù về cây trồng trên đất, vì khi ký nhận tiền tôi có hỏi nhưng không ai giải thích cho”*.

Người dân đã kiến nghị lên UBND xã Hồng thượng và các ban ngành, chính quyền huyện A Lưới về vấn đề tranh chấp đất rừng sản xuất giữa các hộ ở khu tái định cư và các hộ sống ở vùng tiếp giáp. Tuy nhiên, sau hàng chục cuộc họp và đối thoại giữa người dân với các ban ngành và chính quyền các cấp thì vấn đề tranh chấp vẫn đất trồng rừng vẫn không thể giải quyết được. Riêng đối với các trường hợp chưa đền bù cho các diện tích đất rừng bị ngưng sản xuất thì được ông Lê Quang Vinh, Phó Chủ tịch UBND xã Hồng Thượng giải thích: “*Có lẽ đây là các trường hợp bị sót khi kiểm kê đền bù. Xã đang đề nghị các hộ chưa được đền bù làm đơn để xã tổng hợp gửi lên huyện tiếp tục giải quyết. Tuy nhiên xã cũng đã kiến nghị lên huyện giải quyết cho một số hộ bị sót như vậy từ năm 2012 nhưng đến nay bên Thủy điện và huyện cũng chưa trả lời gì*”.

Do sinh kế ở thôn tái định cư mới đang rất khó khăn với rất nhiều hộ dân bởi đất nông nghiệp không thể canh tác trong khi đất lâm nghiệp đang bị tranh chấp với các hộ vành đai của khu tái định cư. Dẫn đến, nhiều hộ gia đình đã đề xuất trả lại đất canh tác cho chủ đầu tư và nhận tiền bồi thường hoặc đợi đến khi phía Thủy điện miền Trung giải quyết xong các trường hợp tranh chấp đất rừng thì mới yên tâm sản xuất được. Tuy nhiên, những đề xuất này không biết đến bao giờ mới được xử lý dứt điểm.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luật Bảo vệ và Phát triển rừng 2004
2. Luật Dân sự 2005
3. Luật Đất đai sửa đổi 2013
4. Nghị định số 23/2006/NĐ-CP về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng
5. Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg về Quy chế quản lý rừng
6. Quyết định 178/2001/ QĐ-TTg về Quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp
7. Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg về chính sách giao rừng, khoán bảo vệ rừng vùng Tây Nguyên
8. Bộ NN&PTNT (2011): Báo cáo số 1404/BC-BNN-TCLN về Tổng kết Dự án trồng mới 5 triệu hecta rừng
9. Bộ NNN&PTNT (2013): Quyết định số 1739/QĐ-BNN-TCLN ngày 31/7/2013 về Công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2012
10. FSSP (2014): Báo cáo của FSSP đánh giá 10 năm thực hiện Luật Bảo vệ và Phát triển rừng 2004.
11. Ban Chỉ đạo Giao rừng, Thuê rừng tỉnh TT Huế (2014): Báo cáo kết quả thực hiện đề án 430 từ năm 2011-2013
12. Chi cục Lâm nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế: Báo cáo đánh giá giao rừng tự nhiên cho các đối tượng hưởng lợi ở tỉnh Thừa Thiên Huế
13. UBND tỉnh Hòa Bình (2010): Báo cáo kết quả thực hiện dự án 5 triệu ha rừng 2005-2009 của tỉnh Hòa Bình
14. UBND tỉnh Hòa Bình (2010): Chiến lược phát triển lâm nghiệp tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2010-2020
15. Chi Cục Kiểm lâm tỉnh Đăk Lăk (2014), Báo cáo tình hình thực hiện công tác giao rừng trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk